



Phật Học Tinh Yếu
Hòa Thượng Thích Thiên Tâm
Trọn bộ 3 thiên
---o0o---

Thiên thứ hai

Chương 1- Chúng sanh trong ba cõi

Chương 2- Thân trung hữu và sự thọ sanh

Chương 3- Thế giới quan của đạo Phật

Chương 4- Cõi đại thiên và thời kiếp

Chương 5- Từ đức Thích Ca đến Phật Di Lặc

Chương 6- Các chủng loại thế giới

Chương 7- Biến thế giới Hoa Tang

Chương 8- Pháp giới tổng luận

Chúng Sanh Trong Ba Cõi

Tiết mục:

I. Tam giới

II. Tứ sanh

III. Thất thú

IV. Sắc thân của hữu-tình

V. Thọ lượng của hữu-tình

VI. Thọ dụng của hữu-tình

Pháp tạng trích dẫn: Luận Hiền-Dương-Thánh-Giáo, Luận Câu-Xá, Kinh Giải-Thâm-Mật, Lục-Đạo-Tập, Kinh Trường-A-Hàm, Luật Tứ-Phân, Kinh Bồ-Tát-Xử-Thai, Luận Du-Già-Sư-Địa, Luận Bà-Sa, Luận A-Tỳ-Đàm, Kinh Khởi-Thế-Nhân-Bản, Luận Đại-Trí-Độ, Kinh Giáo-Lượng-Thọ-Mạng, Kinh Chánh-Pháp-Niệm.

Đề yếu: Do nghiệp sai biệt của loài hữu-tình, nên thế gian chia ra ba cõi: Dục-giới, Sắc-giới và Vô-sắc-giới. Dục-giới là nơi chúng sanh còn nhiễm năm dục lạc; Sắc-giới là nơi chúng sanh đã ly dục, nhưng còn có sắc tướng trang nghiêm của thân và cảnh; Vô-sắc-giới có thể gọi là tinh thần giới, vì nơi đây tuyệt

tướng thân cảnh, người đồng bích lạc, côi tợ hư không, duy có bốn ám vi tế của chúng sanh. Các hữu-tình trong ba cõi chia thành bốn loại: loại sanh thai, loại sanh trứng, loại sanh nơi chỗ ẩm ướt và loại hóa sanh. Trong bốn loại này, y theo thứ tự cao thấp, lại có bảy nẻo: Trời, Tiên, Người, A-tu-la, Quỷ-thần, Bàn-sanh, Địa-ngục. Trong bảy nẻo, tùy theo nghiệp nhân lành dữ sai biệt, nên chúng sanh từ sắc thân, thọ lượng, cho đến sự thọ dụng, có xấu đẹp, dài ngắn, tinh thô, vui khổ không đồng. Trên đây là đại khái của sáu tiết trong bản chương.

Chúng sanh là chánh-báo, hoàn cảnh là y-báo; chánh-báo là phần chính, y-báo là phần phụ. Trong bản thiên diễn tả hữu-tình trước phần thế-giới do bởi ý này.

Tiết I: Tam Giới

Tam giới là gì? Là Dục-giới, Sắc-giới và Vô-sắc-giới. Dục-giới là chỗ ở của các loại hữu-tình chưa ly dục, còn tạp phiền não và các uẩn sai biệt. Sắc-giới là chỗ ở của các loại hữu-tình đã ly dục, nhưng còn tạp phiền não và các uẩn sai biệt. Vô-sắc-giới là chỗ ở của các loại hữu-tình đã ly dục và sắc, song cũng còn tạp phiền não và các uẩn sai biệt. Trong tam giới lại còn có năm thứ sai biệt khác là tướng sai biệt, thô trọng sai biệt, phương xứ sai biệt, thọ dụng sai biệt và nhiệm trì sai biệt.

Tướng sai biệt là trong cõi Dục có nhiều sắc tướng, những tướng không trong sạch và các thứ tạp tướng; trong cõi Sắc có ít sắc tướng, những tướng trong sạch và không có tạp tướng; còn cõi Vô-sắc tuy thuộc về không nghiệp nhưng cũng có sắc, mà sắc thuộc về định, về vô kiến, vô đối. Lại nữa, trong cõi

Dục có tướng khổ thọ tương ưng, tướng sân nhuế tương ưng và tướng nhiều tùy phiền não tương ưng. Trong cõi Sắc và Vô-sắc có tướng khổ thọ bất tương ưng, tướng sân nhuế bất tương ưng và tướng ít tùy phiền não tương ưng.

Thô trọng sai biệt là trong Dục có những sự thô trọng thô mà tổn hại, trong cõi Sắc và Vô-sắc sự thô trọng tế mà không tổn hại.

Phương xứ sai biệt là cõi Dục ở phương dưới, cõi Sắc ở phương trên, còn cõi Vô-sắc thì không phương xứ.

Thọ dụng sai biệt là chúng-sanh cõi Dục thọ dụng cảnh giới bên ngoài, chúng-sanh cõi Sắc và Vô-sắc thọ dụng cảnh giới bên trong.

Nhiệm trì sai biệt là chúng-sanh ở cõi Dục nương nơi bốn sự ăn mà trụ, chúng-sanh cõi Sắc và Vô-sắc nương nơi ba sự ăn mà trụ. (Luận Hiền-Dương-Thánh-Giáo)

Trong ba cõi, Dục-giới thuộc về xứ sở hạ phương. Được mệnh danh là Dục-giới, vì chúng-sanh ở nơi đây nhiệm năm thứ dục lạc: sắc dục, tiền của, danh vị, ăn mặc, ngủ nghỉ. Dục-giới cũng gọi là chỗ Ngũ-thú-tạp-cư. Ngũ-thú là: Trời, Người, Súc-sanh, Ngạ-quỷ, Địa-ngục. Tạp-cư có hai nghĩa: 1. Trong cõi Dục gồm có năm chủng loại ở. 2. Trong mỗi chủng loại lại có các chủng loại khác ở lẫn lộn, như nơi cõi trời cũng có Súc-sanh, Quỷ-thần, nơi cõi người có Súc-sanh, Ngạ-quỷ, Địa-ngục. Nếu nói đại khái theo thứ bậc thấp cao, thì trong Dục-giới có ba loại: loại ác thú, loại người, loại trời. Loại ác thú có bốn: A-tu-la, Súc-sanh, Ngạ-quỷ, Địa-ngục. Loại người gồm có hơn chúng ở bốn nơi: Nam-Thiệm-Bộ-Châu, Tây-Ngưu-Hóa-

Châu, Đông-Thắng-Thần-Châu và Bắc-Câu-Lư-Châu. Loại trời có sáu cõi từ thấp đến cao: trời Tứ-Vương, trời Đao-Lợi, trời Dạ-Ma, trời Đâu-Suất, trời Hóa-Lạc và trời Tha-Hóa-Tự-Tại. Trong cõi Dục, về hữu-tình giới thì kể từ cõi Tha-Hóa đến ngục Vô-Gián; nếu về khí thế-giới, phải kể đến phong luân.

Trên Dục-giới là Sắc-giới, gồm nhiếp-hữu-tình và khí-thế-gian. Sở dĩ gọi Sắc-giới, vì chúng-sanh ở cõi này là sự nhiễm dục, từ thân đến cảnh đều là sắc chất trang nghiêm, thanh tịnh. Cõi này chia ra làm 18 thiên vực khác nhau; ba Thiên-thiên trước mỗi nơi có ba, đệ tứ thiên có chín. Ba thiên vực ở Sơ-thiên Ly-sanh-hỷ-lạc-địa là: Phạm-Chúng-Thiên, Phạm-Phụ-Thiên, Đại-Phạm-Thiên. Ba thiên vực ở Nhị-thiên Định-sanh-hỷ-lạc-địa là: Thiểu-Quang-Thiên, Vô-Lượng-Quang-Thiên, Quang-Âm-Thiên. Ba thiên vực ở Tam-thiên Ly-hỷ-lạc-địa là: Thiểu-Tịnh-Thiên, Vô-Lượng-Tịnh-Thiên, Biến-Tịnh-Thiên. Chín thiên vực ở Tứ-thiên Xả-niệm-thanh-tịnh-địa là: Vô-Vân-Thiên, Phước-Sanh-Thiên, Quảng-Quả-Thiên, Vô-Tướng-Thiên, Vô-Phiền-Thiên, Vô-Nhiệt-Thiên, Thiện-Kiến-Thiên, Thiện-Hiện-Thiên, Sắc-Cứu-Cánh-Thiên. Trong chín thiên vực, năm cõi ở sau cùng tên là Ngũ-Tịnh-Cư-Thiên, cũng gọi là Ngũ-Bát-Hoàn-Thiên, vì là chỗ ở của bậc thánh A-na-hàm.

Theo các đại luận-sư ở xứ Ca-Thấp-Di-La thì Sắc-giới chỉ có 16 thiên vực, vì Đại-Phạm-Thiên nguyên là một vùng lâu các rộng lớn ở cõi Phạm-Phụ, chớ không phải biệt trí nơi khác. Còn trời Vô-Tướng thì nhiếp về Quảng-Quả-Thiên, vì hai thiên chúng này đồng một thân lượng và thọ lượng.

Trên Sắc-giới là Vô-sắc-giới. Được mệnh danh là Vô-sắc, vì nơi đây không có sắc uẩn chỉ có thọ, tướng, hành, thức bốn ấm

mà thôi. Cõi này do không có sắc pháp biểu hiện, nên không có phương sở đời quá khứ vị lai đều như thế, lý đã quyết định. Nhưng về phần dị thực sanh sai khác thì có bốn bậc: Không-Vô-Biên-xứ, Vô-Sở-Hữu-xứ, và Phi-Tướng-Phi-Phi-Tướng-xứ. Bốn bậc này không phải có riêng xứ sở cao thấp, mà do nghiệp chúng-sanh hơn kém khác nhau. (Luận Câu-Xá, Lục-Đạo-Tập)

Tiết II: Tứ Sanh

Trong sáu nẻo luân-hồi, loài hữu-tình chết nơi đây sanh nơi kia, hoặc do thai-sanh, hoặc do noãn-sanh, hoặc do thấp-sanh, hoặc do hóa-sanh. (Kinh Giải-Thâm-Mật)

Thai-sanh là chúng-hữu-tình từ nơi thai tạng mà sanh ra, như loài: voi, ngựa, trâu, dê, heo, lừa... Noãn-sanh là chúng-hữu-tình từ nơi trứng mà sanh ra, như loài ngỗng, công, se sẻ, anh vũ, nhạn... Thấp-sanh là chúng-hữu-tình từ nơi chỗ ướt mà sanh ra, như loài trùng, muỗi, đĩa... Hóa-sanh là chúng-hữu-tình chẳng nương nơi nào, từ nơi không mà bỗng hiện ra đủ thân mình và chi phận, như chư thiên, loài ở Địa-ngục....

Loài người sanh ra có đủ bốn cách: thai, noãn, thấp, hóa. Người do thai tạng sanh ra thì dễ biết, như nhơn loại hiện nay. Người thuộc về noãn sanh như ông Ô-Ba-Thế-La sanh từ trứng hạc, và trường hợp ba mươi hai người con của bà Lộc-Nữ, năm trăm người con của vua Bà-Giá-La. Người thuộc về thấp-sanh như các vị: Ô-Ba-Giá-Lư, Cáp-Man-Am-La-Vệ. Người thuộc về hóa-sanh như loài người vào thuở kiếp sơ.

Chúng Bàng-sanh có đủ bốn loại: thai, noãn, thấp hoá. Chư thiên, chúng Địa-ngục và thân Trung-hữu duy thuộc về hóa-sanh. Quỷ thú chỉ có hai loại: thai và hóa.

Trong bốn loại thai, noãn, thấp, hóa, loài nào thắng hơn cả?

Chỉ có loài hóa-sanh là tối thắng.

Nếu thế tại sao bậc hậu thân BỒ-Tát có thể sanh tự tại mà lại thọ thai sanh?

BỒ-Tát thọ thai sanh vì có những điều lợi ích như sau: Vì muốn dẫn dắt các hàng Thích chủng và thân thuộc vào chánh-pháp. Vì muốn cho mọi người biết BỒ-Tát dòng dõi Luân-vương mà sanh lòng cung kính, bỏ tà về chánh. Vì muốn cho chúng-sanh phát lòng hướng thượng nghĩ rằng: “Ngài cũng là người, ta cũng là người, tại sao ta không siêng năng tu tập để được như ngài?” Vì nếu không thị hiện như thế, thì khó biết tội tánh, mọi người sẽ nghi là trời hoặc quỷ. Vì muốn dứt lòng nghi báng của ngoại-đạo, bởi họ có truyền thuyết: “Qua một trăm kiếp sau, sẽ có nhà đại huyễn thuật ra đời, dẫn dụ chúng-sanh”. Vì muốn lưu thân giới cho chúng-sanh cúng dường để được phước sanh cõi trời và gieo nhân giải thoát. Nếu BỒ-Tát thọ hóa-sanh, thì không tội tánh, sau khi chết như ngọn đèn tắt, không còn lưu xá lợi để chúng-sanh nương theo đó phát lòng tín ngưỡng.

Trong tứ sanh, loài nào nhiều hơn hết?

Chỉ có loài hóa-sanh là nhiều hơn cả; vì trong ngũ thú, nhơn, súc, quỷ có thiếu phần hóa-sanh, còn chư thiên, chúng Địa-

ngục và tất cả thân Trung-hữu đều thuộc về hóa-sanh. (Luận Câu-Xá)

Tiết III: Thất Thú

Thất-thú cũng gọi là thất đạo, gồm có: Thiên, Tiên, Nhơn, A-tu-la, Quỷ-thần, Bàn-g sanh và Địa-ngục. Trong kinh có nơi chỉ gọi là lục đạo, vì Tiên đạo ở cõi Thiên, Nhơn, Quỷ, Súc đều có, nên nhiếp về các nẻo kia. Có nơi ước kết lại chỉ còn ngũ thú, không kể Tiên và A-tu-la, vì A-tu-la ở cõi Thiên, Nhơn, Quỷ, Súc đều có, cũng nhiếp các nẻo ấy. Tuy nhiên, Tiên cùng A-tu-la thật ra đều có chủng loại và nơi cư trú sai biệt, người học Phật cũng cần biết đến, nên xin kể đủ ra đây.

Sao gọi là “đạo” hoặc “thú”? “Đạo” chỉ cho đường nẻo, “thú” có nghĩa là nơi đến; đường nẻo của chúng-sanh luân chuyển gọi là “đạo”, chúng-sanh do nghiệp thiện ác phải đến đó để thọ sanh, cư trú, gọi là “thú”. Cho nên kinh Pháp-Hoa nói: “Lục đạo chúng-sanh, sanh tử sở thú”. Thất-thú chúng-sanh như sau:

1. Thiên-thú: Sao gọi là Thiên-thú? Thiên-thú là nẻo trời, chữ Thiên có nghĩa: thiên nhiên, tự nhiên. Đây là chỉ cho chúng-sanh ở các cõi trời do tu thượng phẩm Thập-thiện và các thiện định, nên được hưởng phước thiên nhiên, sự ăn mặc thọ dụng đều tùy niệm hóa hiện, không cần phải tạo tác. Lại chữ Thiên ở đây còn có bốn ẩn nghĩa: tối thắng, tối thiện, tối lạc, tối tôn. Sáu hạng trời ở cõi Dục đều có hình tướng nam nữ, dục nhiễm tùy theo cao thấp mà có nặng nhẹ. Mười tám hạng trời ở cõi Sắc, không hình tướng nam nữ, không có sự dục nhiễm,

dùng thiên định để trường dưỡng sắc thân. Còn bốn hạng trời ở cõi Vô-sắc thì không hình tướng sắc thân, duy có tâm thức, vì là báo thể của không-định.

2. Tiên-thú: Sao gọi là Tiên-thú. Tiên-thú là nẻo tiên: “Tiên” là an nhàn, tự tại, không còn bị sự phiền lụy của tục trần ràng buộc. Lại “tiên” cũng có nghĩa là “thuyên”, vì hạng này có thể thuyên chuyển hình thần khiến cho dung sắc tươi trẻ, mạng sống lâu dài. Tiên có nhiều bậc như thiên-tiên, nhơn-tiên, địa-tiên, hoặc dạo chơi nơi nhơn gian, hoặc ở ẩn nơi non sâu, hải đảo. Theo kinh Lăng-Nghiêm thì có mười hạng tiên:

Hạng chuyên tu về cách chế luyện các thức ăn, làm hoàn hoặc bánh để dùng. Các vị này do thực đạo mà thành, có thể mạnh khỏe sống lâu, nhưng chưa được nhẹ nhàng bay đi, gọi là Địa-hành-tiên.

Hạng chuyên phục thực các thứ thảo mộc như tử chi, huỳnh tinh, xương bồ. Hạng này được đạo mà thành, thân được nhẹ nhàng bay đi, gọi là Phi-hành-tiên.

Hạng chuyên phục thực các chất kim thạch, như thu thạch, hồng diên... Các vị này do hóa đạo mà thành, luyện đơn thành tiên cốt, điểm đá hóa vàng ròng, trong chớp mắt có thể đi xa muôn dặm, gọi là Du-hành-tiên.

Hạng chuyên luyện về sự động chỉ tu cách điều khí cố tinh. Các vị này do khí tinh mà thành, có thể dời hình ẩn bóng, đi trên hư không, gọi là Không-hành-tiên.

Hạng chuyên luyện về tân dịch, như nhả thứ cũ nuốt thứ mới, làm cho lửa xuống nước lên. Các vị này do nhuận đức mà

thành, mặt sáng rõ như ngọc, hay dạo chơi nơi cõi trời, gọi là Thiên-hành-tiên.

Hạng chuyên luyện về tinh sắc, mỗi ngày hớp thanh khí của trời đất, tổng hết cận bã, thấu lấy tinh hoa. Các vị này do hấp túy mà thành, có thể đi xuyên qua núi non, đạp trên nước lửa, gọi là Thông-hành-tiên.

Hạng chuyên luyện về chú cấm, nhờ công phu trì chú lâu ngày, nên tâm thần được ngưng tịnh. Các vị này do thuật pháp mà thành, có thể trị bệnh, dứt trừ ma quái để giúp ích cho quần sanh, gọi là Đạo-hạnh-tiên.

Hạng chuyên kiên cố về tư niệm, luyện theo lối buộc tâm tưởng nơi đơn điền, đưa chân khí xuống vĩ lư, thăng lên giáp tích, đạt đến nê hoàn, rồi xuất thần nơi đảnh. Các vị này do tư ức mà thành, có thể hồi quang phản chiếu, gọi là Chiếu-hạnh-tiên.

Hạng kiên cố về sự giao cảm luyện cách phối hợp khảm ly, thấu nhiếp tinh huyết. Các vị này do cảm ứng mà thành, làm cho thân xinh đẹp sống lâu, gọi là Tinh-hạnh-tiên.

Hạng chuyên luyện về biến hóa, hằng tồn tưởng nơi lý hóa, đến khi tỏ ngộ thì làm được sự huyền hóa to tát. Các vị này do giác ngộ mà thành, có thể di sơn đảo hải, biến hiện nhiều cách, gọi là Tuyệt-hạnh-tiên.

Các hạng tiên trên đây, gọi trường sanh thì có, nhưng bất tử thì không; đến khi số hết phải đọa luân-hồi, vì họ chấp hình thần hữu vi mà không rõ suốt chân tánh. Tuy nhiên, họ cũng sung sướng hơn người một bậc nên ở trên Nhơn-thú.

3. Nhơn-thú: Sao gọi là Nhơn-thú? Nhơn-thú là nẻo người. “Nhơn” có nghĩa là nhân, chỉ cho loài người khi gặp cảnh thuận nghịch có năng lực nhân nại an chịu với duyên phần. Lập-Thế-Luận nói: “Loài người do tu trung phẩm Thập-thiện mà được sanh. Trong ngũ thú chỉ có nhơn thú là nhiều kiêu mạn, nhưng về phần trần định tâm ý lại hay hơn các nẻo kia”. Chúng-sanh thuộc nẻo này có hình tướng nam nữ, ở rải rác khắp bốn đại-châu. Chúng-sanh trong bốn châu phần nhiều theo đường nhiễm dục, song cũng có người trọn đời giữ nếp sống tu hành thanh tịnh. Luận về phước báo, người ở ba châu: Tây-Ngưu-Hóa, Đông-Thắng-Thần, Bắc-Câu-Lư thù thắng hơn, nhưng về nhân duyên giải thoát thì họ lại kém thua người ở Nam-Thiệm-Bộ-Châu, vì nơi đây có ba điều đặc biệt: con người trí lanh lợi nhớ dai; nhiều kẻ siêng tu phạm hạnh; thường có Phật ra đời.

4. A-tu-la-thú: Sao gọi là A-tu-la? A-tu-la là loại chúng-sanh nhiều sân hận, đa số có hình tướng không đoan chánh. A-tu-la cũng gọi A-tố-lạc, dịch là Vô-đoan-chánh, Phi-thiên. Hai danh từ này có nghĩa: không xinh đẹp, có phước trời mà đức không bằng trời. Trong Kinh-luận có chỗ cho rằng loài A-tu-la do gây nhân hạ phẩm Thập-thiện mà được sanh. Nhưng đó chỉ là nói riêng về một phương diện mà thôi, cho đến danh từ Phi-thiên cũng như thế. Sự thật, phần chánh nhân là loài này do hay nóng giận, hiếu thắng ưa tranh cãi mà được sanh. A-tu-la chia thành bốn bậc: loài ở cõi trời thì giống trời, loài ở cõi người thì giống người, loài ở cõi quỷ thì giống quỷ, loài ở cõi súc thì giống súc. Vì họ không có chủng loại và trụ xứ nhất định, có thể nhiếp về các nẻo khác, nên trong kinh có chỗ chỉ gọi là ngũ đạo hoặc ngũ thú. A-tu-la ở cõi trời cũng có cung điện thất bảo, sự ăn

mặc tự nhiên hóa hiện như chư thiên. Nhưng do nhân sân hận họ có ba sự kiện kém hơn người, nên ở sau loài người: Dù loài này có ăn các món trân vị, song miếng sau rốt tự nhiên hóa ra bùn. Ở cõi trời mưa hoa hoặc châu báu, nơi cõi người mưa nước, cõi A-tu-la mưa xuống những binh khí dao gậy. Loài người tâm điềm tĩnh nên dễ thực hành theo chánh-pháp của Như-Lai, loài A-tu-la tâm sôi nổi hơn thua, nên khó tu đạo giải thoát.

5. Quý-thần-thú: Sao lại gọi là Quý-thần? “Quý” có nghĩa là “úy”, là hay khiếp sợ; “Thần” có nghĩa linh thông biến hóa. Trong kinh có nói loài quý do nhân trung phẩm thập-ác mà được sanh, và sắp quý đạo sau súc đạo. Nhưng đó là chỉ nói riêng về phương diện Nga-quỷ. Sự thật, nếu nói rộng, phải gọi là Quý-thần thú, vì loài này chia làm hai hạng: hạng có uy phước và hạng không uy phước. Đây là do những nghiệp nhân thiện ác bất định từ thuở tiền sanh. Loại Quý-thần uy phước cũng có cung điện, thân tướng trang nghiêm, nhiều kẻ tùy thuộc, hoặc thọ dụng những trân vị cam lồ, hoặc được người thờ cúng. Loại này lại chia ra làm hai hạng: chánh thần và tà thần. Bậc chánh thần thì giữ lòng chân chánh hay giúp đỡ nhơn gian; hạng tà thần tâm niệm quý quyết không chân thật, hoặc đa dâm đa sát, thường làm tổn hại cho người. Loại quý không uy phước thì vất vả, ở chỗ âm u, thường đói khát, hoặc ăn những đồ bất tịnh.

Xứ sở của Quý-thần có hai nơi: chánh trụ và biên trụ. Chánh trụ là như trong kinh Chánh-Pháp-Niệm nói: “Có thành Diêm-La, nơi ở chánh thức của vô số Nga-quỷ do Diêm-La-Vương thống lãnh. Thành này ở dưới châu Diêm-Phù-Đề, chu vi rộng 7.500.000 dặm. Nơi đây không có ánh sáng mặt trời, mặt

trăng”. Biên trụ là những chỗ như mé biển, triền núi, rừng bụi, đình miếu, hang hốc, đồng trống, mồ mả, cho đến vườn nhà cùng các nơi bất tịnh. Chánh trụ là xứ sở riêng của loài quý nghiệp nặng, thuộc về thế-giới Ngạ-quỷ. Biên trụ là xứ sở của các Quỷ-thần nghiệp nhẹ hoặc có phước nghiệp, thuộc về hạng ở lẫn lộn trong loài người.

6. Bàng-sanh-thú: Sao gọi là Bàng-sanh? Bàng-sanh là loại chúng-sanh có xương sống nằm ngang. Lại chữ “bàng” còn có nghĩa “biến mãn”, vì Bàng-sanh có nhiều chi loại, và ở các nẻo kia đều có loài này. Trong sách Phật có chỗ gọi nẻo này là Súc-sanh-đạo, nhưng danh từ Súc-sanh chỉ ở trong phạm vi loài sanh vật được người nuôi dưỡng, vẫn không rộng rãi và đầy đủ bằng danh từ bàng-sanh. Chủng loại bàng-sanh tuy nhiều, song đại ước có ba: loại bay trên hư không, loại ở mặt đất và loại sống dưới nước. Theo kinh Chánh-Pháp-Niệm, Bàng-sanh có đến 40 ức chi loại khác nhau. Duyên phận của loại này cao thấp không đồng, cao như Kim-súy-điều-vương, Long-vương, có uy phước thần thông; thấp như dòi, đĩa, côn trùng, sống một khung cảnh như nhóp tổi tằm, ngán ngủi. Bàng-sanh cũng có nghiệp nhân thiện ác bất định như Quỷ-thần và A-tu-la; nhưng nếu lấy phần đại khái về đa số, thì loài này do nhân hạ phẩm thập-ác mà được sanh.

7. Địa-ngục-thú: Sao gọi là Địa-ngục? Danh từ này do người Trung-Hoa y theo nghĩa mà lập danh, để chỉ cho lao ngục ở dưới đất, và chữ “ngục” có nghĩa là bó buộc không được tự do. Nhưng theo Luận-Bà-Sa, thì Địa-ngục-thú không phải đều ở dưới đất, mà có khi ở trên mặt đất, hoặc dưới nước, hoặc trên hư không. Vì thế bốn kinh Phạm-văn không gọi Địa-ngục, mà gọi là Nại-lạc-ca có những nghĩa: khổ cụ, phi đạo, ác nhọn, chỉ

cho nơi người tội ác làm điều trái đạo ở, nơi có đủ sự khôn đôn khổ đau. Địa-ngục tuy nhiều, nhưng đại ước có hai loại: chánh ngục và biên ngục. Chánh ngục vị trí ở dưới châu Diêm-Phù-Đề và giữa núi Thiết-Vi. Chánh ngục lại có hai thứ: hàn-ngục và nhiệt-ngục. Hàn-ngục và nhiệt-ngục mỗi thứ có tám nơi, mỗi nơi có 16 ngục phụ, mỗi ngục phụ lại có nhiều tiểu ngục khác nữa. Biên ngục cũng gọi là độc-ngục, thì ở lẻ loi trên núi, nơi mé biển, dưới nước, chỗ đình miếu, giữa đồng trống, hoặc trong hang sâu. Ở châu Nam-Thiệm-Bộ có đại Địa-ngục, còn ba châu kia chỉ có biên, độc Địa-ngục mà thôi. Theo kinh Nghiệp-Báo thì Địa-ngục là nơi thác sanh của loài hữu-tình tạo mười điều ác về thượng phẩm.

Tóm lại, y-báo và chánh-báo của Thất-thứ đều như huyễn. Chúng-sanh do nghiệp duyên lành dữ mà đổi thay hình dạng, chịu sự khổ vui lên lên xuống xuống, luân chuyển không cùng. (Lục-Đạo-Tập)

Tiết IV: Sắc Thân Của Hữu Tình

1. Thân-lượng: Thân chúng-sanh ở Nại-lạc-ca, cao thấp lớn nhỏ không định, có đủ các màu sắc và hình tướng nhọn, quẻ, súc, vì do các nẻo khác sanh về. Nếu loài hữu-tình tạo nghiệp cực ác, tự cảm thấy thân thể to lớn vô cùng, chịu đủ các sự khổ. (Luận Du-Già-Sư-Địa)

Thân chúng-sanh ở Bànng-sanh-thú cũng lớn nhỏ không định. Như Nan-Đà và Bạt-Nan-Đà Long-vương thân hình rất lớn, quần núi Tu-Di bảy vòng, đầu gác trên đỉnh núi, đuôi chấm xuống dưới biển. Loài chim lớn nhất không chi bằng Kim-súy-

điều-vương. Chim này đầu và đuôi cách nhau tám ngàn do-tuần, bề cao thấp cũng như vậy. Khi nó cất cánh thì bay luôn một mạch từ núi Tu-Di này đến núi Tu-Di kia, giữa chừng không nghỉ. Ở đại hàm hải có loài cá Ma-Kiệt, thân dài từ 300 đến 700 do-tuần, mắt mũi cực to, miệng như hang máu. (Kinh A-Hàm, Luận Tứ-Phân, Kinh Bồ-Tát-Xử-Thai)

Thân chúng-sanh ở Quỷ-thần-thú có tốt xấu, lớn nhỏ khác nhau. Đại khái, hạng quỷ lớn nhất, thân hình cao một do-tuần; hạng bậc trung thì thân hình không nhất định; hạng nhỏ hơn hết, thân hình như đứa trẻ mới vừa biết nói. Hạng Quỷ-thần có uy phước thân hình cao lớn xinh đẹp như chư thiên. Các Quỷ-thần ở non núi, sông ngòi, biển cả, phần nhiều thân thể đều trang nghiêm đoan chánh. Hạng quỷ không uy phước; thân hình thô xấu không thể kể xiết. Có loại bụng lép như chó đói, đầu rối nùi, chân-như khúc củi khô, miệng mũi thường chảy ra nước mũi, nước dãi, lỗ tai sanh mủ, nơi mắt chảy ra máu. Có loại cao lênh khênh, bụng lớn như cái trống, cổ họng nhỏ như mũi kim, miệng thường phụt ra lửa, thân mình hôi hám, lông cứng nhọn như gai. Các Nga-quỷ khác thân thể còn ghê gớm xấu xa hơn nữa. (Luận Bà-Sa)

Thân thể của A-tu-la tùy theo chủng loại không định, hoặc giống người, hoặc giống quỷ, hoặc giống súc. Các loại A-tu-la ở cõi nơn thiên, người nam thì xấu, trái lại người nữ rất xinh đẹp. Còn các bậc vua A-tu-la, bản thân cao từ một trăm đến bảy trăm do-tuần, hóa thân cao mười sáu vạn tám ngàn do-tuần, chân đứng dưới đáy biển, đầu cao bằng núi Tu-Di. A-tu-la-vương có đại huyễn thuật, thường đánh với chư thiên, vì phước kém hơn trời nên hằng bại trận. (Lục-Đạo-Tập)

Thân lượng chúng-sanh ở Nhơn thú thuộc châu Nam-Thiệm-Bộ tùy theo kiếp tăng giảm, lớn nhỏ không định. Người ở châu Đông-Tỳ-Ha-Đề, thân lượng quyết định. (Luận Du-Già-Sur-Địa)

Người ở Nam-châu thân cao ba châu rưỡi hoặc bốn châu. Người ở Đông-châu cao tám châu, ở Tây-châu cao mười sáu châu, ở Bắc-châu cao ba mươi hai châu (Luận A-Tỳ-Đàm),

Ở tám trung-châu, con người thân hình thấp nhỏ. Ngoài ra lại có 500 tiểu-châu, hoặc do loài người ở, hoặc do loài phi Nhơn ở, hoặc không có ai ở. (Luận Bà-Sa)

Người ở Bắc-châu mắt có thể thấy suốt tường vách núi non, tai có thể nghe rõ ràng những tiếng hoặc lớn hoặc nhỏ ở xa hay gần. Người ở Đông-châu mắt có thể thấy rõ ràng màu sắc hình dáng trong chỗ tối, tai có thể nghe tiếng ở cách xa một làn tên. Người ở Tây-châu mắt có thể nghe được tiếng và thấy suốt tường vách núi non; tai nghe được những âm thanh ở các nơi xa xôi cách ngại. Nhơn loại ở Nam-châu có đủ các sắc da, ở hai châu Đông, Tây cũng có các sắc da nhưng không có giống người da đen. Nhơn dân ở Bắc-châu chỉ toàn là người da trắng. (Luận A-Tỳ-Đàm)

Về thiên phú, nơi Dục-giới, chư thiên trời Tứ-Vương thân lượng cao nửa dậm, áo nặng nửa lượng. Chư thiên trời Đao-Lợi cao một dậm, áo nặng sáu thù. Chư thiên trời Dạ-Ma cao một dậm rưỡi, áo nặng ba thù. Chư thiên trời Đâu-Suất cao hai dậm, áo nặng hai thù. Chư thiên trời Hóa Lạc cao hai dậm rưỡi, áo nặng một thù. Chư thiên trời Tha-Hóa cao ba dậm, áo nặng nửa thù.

Ở Sắc-giới, chư thiên trời Phạm-Chúng thân lượng cao nửa do-tuần, trời Đại-Phạm cao một do-tuần rưỡi, trời Thiểu-Quang cao hai do-tuần, trời Vô-Lượng-Quang cao bốn do-tuần, trời Quang-Âm cao tám do-tuần, trời Thiểu-Tịnh cao 16 do-tuần, trời Vô-Lượng-Tịnh cao 32 do-tuần, trời Biến-Tịnh cao 64 do-tuần, trời Vô-Vân cao 125 do-tuần, trời Phước-Sanh cao 250 do-tuần, trời Quảng-Quả cao 500 do-tuần, trời Vô-Tướng cao 500 do-tuần, trời Vô-Phiền cao 1000 do-tuần, trời Vô-Nhiệt cao 2000 tuần, trời Thiện-Kiến cao 4000 do-tuần, trời Thiện-Hiện cao 8000 do-tuần, trời Sắc-Cứu-Cánh cao 16000 do-tuần.

Chư thiên cõi Sắc tuy không mặc y phục, song cũng như có mặc; tuy không đội thiên quan, cũng như có đội, vì do thân quang chiếu hiện.

Chư thiên ở Vô-sắc-giới chỉ có định-quả-sắc, nên không có thân lượng. (Luận Câu-Xá, Kinh-Khởi-Thế, Kinh Trường-A-Hàm)

2. Thân-Quang: Chư thiên ở Dục-giới do tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, thanh tịnh nên thân thường có ánh sáng rực rỡ. Chư thiên cõi Sắc do ly dục tu thiên định, nên nơi thân phát ra ánh sáng nhiệm màu, hơn cả ánh nhật, nguyệt và quang minh của thiên chúng cõi Dục. Ánh sáng đây là do tâm thanh tịnh mà có. (Luận-Trí-Độ)

Chư thiên ở cõi Dục thân hình có bốn sắc: biếc, hồng, vàng, trắng tươi sáng như ngọc. Thiên chúng ở đây khi mới hóa sanh, nếu thấy bích hoa hiện thì người sắc biếc, hồng, vàng, trắng cũng như thế. Chư thiên ở cõi Sắc đa số thân hình có hai sắc: huỳnh kim và bạch ngân. Nhưng cũng có số thiên chúng thân

sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, vì do nhân tu về Biến-xứ-định. (Luận A-Tỳ-Đàm)

Tiết V: Thọ Lượng Của Hữu Tình

Loài hữu-tình ở Địa-ngục tội ác sâu nặng, nên thọ mạng rất lâu dài. Chúng-sanh ngục Đẳng-Huột thọ 500 tuổi, một ngày đêm nơi đây bằng 16200 câu-đê năm cõi người. Chúng-sanh ngục Hắc-Thằng thọ 1000 tuổi, một ngày đêm nơi đây bằng 32400 câu-đê năm cõi người. Chúng-sanh ngục Chúng-Hiệp thọ 2000 tuổi, một ngày đêm nơi đây bằng 64800 câu-đê năm cõi người. Chúng-sanh ngục Kiêu-Hoán thọ 4000 tuổi, một ngày đêm nơi đây bằng 129600 câu-đê năm cõi người. Chúng-sanh ngục Đại-Kiêu-Hoán thọ 8000 tuổi, một ngày đêm nơi đây bằng 259200 câu-đê năm cõi người. Chúng-sanh ngục Viêm-Nhiệt thọ 16000 tuổi, một ngày đêm nơi đây bằng 518400 câu-đê năm cõi người. Như thế cứ tăng gấp đôi cho đến ngục Cực-Nhiệt, chúng-sanh thọ nửa trung-kiếp; ngục Vô-Gián chúng-sanh thọ một trung-kiếp. (Kinh Giáo-Lượng-Thọ-Mạng, Luận A-Tỳ-Đàm)

Loài hữu-tình ở Quỷ-thần và Bàn-sanh thú, thọ lượng dài ngắn không định, hoặc trong sát-na như cực vi trùng, hoặc muôn ức năm như loài Ngạ-quỷ. Các loại rồng và Kim-súy-điều thọ lượng một trung-kiếp, cũng có khi giữa chừng chết yểu. (Luận Du-Già, Kinh Khởi-Thế)

Loài hữu-tình ở A-tu-la-thú thọ lượng cũng bất định, tùy theo sức, quý, nhơn, thiên, mà có ít nhiều, hơn kém. Thiên A-tu-la thọ lượng bằng chư thiên, như La-Hầu A-tu-la-vương và thuộc

chúng ở thành Quang-Minh thọ 5000 tuổi, một ngày đêm nơi đây bằng 500 năm cõi người. Đông-Kiên A-tu-la-vương và thuộc chúng ở thành Tinh-Mang thọ 6000 tuổi, một ngày đêm nơi đây bằng 600 năm cõi người. Hoa-Man A-tu-la-vương và thuộc chúng ở thành Tỳ-Xá-La thọ 7000 tuổi, một ngày đêm nơi đây bằng 700 năm cõi người. Tỳ-Ma-Chất-Đa A-tu-la-vương và thuộc chúng ở thành Xá-Tỳ-La thọ 8000 tuổi, một ngày đêm nơi đây bằng 800 năm cõi người. (Kinh Chánh-Pháp-Niệm)

Chúng-sanh ở Nhơn-thú, thọ lượng tùy nơi có hơn kém. Người ở châu Nam-Thiệm-Bộ thọ lượng bất định, như ở vào lúc kiếp cực tăng thì sống đến 84000 tuổi, ở vào lúc kiếp cực giảm chỉ sống có 10 tuổi. Người ở châu Đông-Tỳ-Đề-Ha thọ 250 tuổi. Người ở châu Tây-Cù-Đà-Ni thọ 500 tuổi. Người ở châu Bắc-Uất-Đan-Việt thọ 1000 tuổi. Nhơn loại ở Bắc-châu thọ lượng nhất định, không có yếu chiết; còn ba châu kia thì có khi yếu chiết giữa chừng. (Luận Du-Già-Sư-Địa)

Thọ lượng của chúng-sanh ở Thiên-thú cũng có hơn kém tùy mỗi tầng trời. Như về Dục-giới, trời Tứ-Vương thọ 500 tuổi, một ngày đêm nơi đây bằng 50 năm cõi người. Trời Đao-Lợi thọ 1000 tuổi, một ngày đêm nơi đây bằng 100 năm cõi người. Trời Dạ-Ma thọ 2.000 tuổi, một ngày đêm nơi đây bằng 200 năm cõi người. Trời Đâu-Suất thọ 4.000 tuổi, một ngày đêm nơi đây bằng 400 năm cõi người. Trời Hóa-Lạc thọ 8.000 tuổi, một ngày đêm nơi đây bằng 800 năm cõi người. Trời Tha-Hóa thọ 16.000 tuổi, một ngày đêm nơi đây bằng 1600 năm cõi người.

Thọ mạng chư thiên ở cõi Sắc thì lấy kiếp làm lượng. Như về Sơ-thiên, trời Phạm-Chúng thọ nửa trung-kiếp, trời Phạm-Phụ

thọ một trung-kiếp, trời Đại-Phạm thọ một trung-kiếp rưỡi. Về Nhị-thiên, trời Thiệu-Quang thọ hai đại-kiếp, trời Vô-Lượng-Quang thọ bốn đại-kiếp, trời Quang-Âm thọ tám đại-kiếp. Về Tam-thiên, trời Thiệu-Tịnh thọ 16 đại-kiếp, trời Vô-Lượng-Tịnh thọ 32 đại-kiếp, trời Biên-Tịnh thọ 64 đại-kiếp. Về Tứ-thiên, trời Vô-Vân thọ 128 đại-kiếp, cứ như thế tăng gấp đôi cho đến trời Sắc-Cứu-Cánh thọ 16.000 đại-kiếp. Trong đây trừ Vô-Tướng thiên thọ lượng đồng với Quảng-Quả-Thiên.

Ở cõi Vô-sắc, trời Không-Vô-Biên thọ 20.000 đại-kiếp, cứ tăng gấp đôi cho đến trời Phi-Phi-Tướng thọ 80.000 đại-kiếp. (Luận Câu-Xá, Luận A-Tỳ-Đàm, Kinh Giáo-Lượng-Thọ-Mạng)

Tiết VI: Thọ Dụng Của Hữu Tình

1. Khổ lạc thọ dụng: Sự thọ dụng của loài hữu-tình như về khổ lạc thọ dụng, thì chúng-sanh ở Địa-ngục chịu đựng nhiều phần hình phạt khổ sở. Chúng-hữu-tình thuộc Bàn-sanh-thú chịu nhiều phần khổ về sự ăn nuốt lẫn nhau, chút ít phần vui. Chúng-hữu-tình thuộc Quỷ-thần-thú chịu nhiều phần khổ về sự đói khát, chút ít phần vui; trừ loại Quỷ-thần có uy phước. Chúng-hữu-tình thuộc A-tu-la và Nhơn-thú thọ sự khổ vui xen tạp, hoặc nhiều hoặc ít tùy theo tội phước hơn kém. Chư thiên ở cõi Dục thọ dụng nhiều phần vui, ít phần khổ về sự suy não đọa lạc. Thiên-chúng ở cõi Hóa-Lạc tự biến ra lạc cảnh để làm vui. Thiên-chúng ở cõi Tha-Hóa lấy hóa cảnh dục lạc của trời Hóa-Lạc làm vui. Ở Sắc-giới từ Sơ-thiên đến Tam-thiên chư thiên lấy định cảnh làm vui, sự vui cùng cực duy ở cõi Tam-

thiên. Từ trời Tứ-thiên cho đến cõi Vô-sắc thì không có khổ lạc thọ. (Luận Du-Già, Luận Câu-Xá)

2. Âm thực thọ dụng: Về âm thực thọ dụng, chúng-hữu-tình ở Nại-lạc-ca đều dùng thức thực mà duy trì thân. Loài này cũng có thọ dụng phần đoạn thực vi tế, là ở nơi tạng phủ có hơi gió thoảng động, do nhân duyên này mà được sống lâu. Các Bàn-sanh, Quỷ-thần đều dùng thô đoạn thực. Các loài rồng thường dùng cá, rùa, trùng, ếch nhái làm thức ăn. Những vị Long-vương có phước báo cũng thọ dụng các trân vị như hương phạn, cam lồ, nhưng miếng ăn sau rốt hóa thành ếch nhái. Loài Kim-súy-điều dùng rồng làm thức ăn. Loài Quỷ-thần có uy phước thọ dụng những trân vị. Loài Quỷ-thần không uy phước thường đói khát, khi ăn đồ bất tịnh. Loài Nga-quỷ nghiệp nặng khi dùng nước hoặc thức ăn, thì những thứ này đều hóa thành máu, lửa, hoặc cát, sạn.

Chúng A-tu-la và Nhơn-thú thọ dụng thô đoạn thực và tế đoạn thực. Tế đoạn thực là khi ở trong thai thọ dụng huyết phần của mẹ. Thô đoạn thực là ăn những thức: cơm, bánh, trái, cá, thịt, hoặc các thứ trân vị khác. Các A-tu-la ở cõi trời cũng dùng vị tô đà như chư thiên. Trong bốn châu ở cõi người, riêng về Bắc-châu thì do phước báo nhiều, nên sự ăn mặc tự nhiên mà có, không cần phải tạo tác như ba châu kia. Nói rộng ra ngoài việc ăn uống, các sự thọ dụng khác như phòng nhà, chăn gối, tắm gội, xông ướp hương, thoa dầu phấn, xoa nắn thân thể... cũng gọi là vi tế thực.

Chư thiên ở Dục-giới thọ dụng những trân vị như cam lồ, tô đà, cùng trăm món quý lạ khác, khi ăn vào liền tiêu hóa không có đại tiểu tiện. Còn các sự thọ dụng vi tế như những âm nhạc,

xướng hát, du ngoạn, cung điện thất bảo... thì rất thù thắng nhiệm màu. Tuy nhiên, chư thiên phước báo cũng có dày mỏng nên có vị thì sự thọ dụng đầy đủ, có vị sự thọ dụng lại không xứng tâm. Như chư thiên ăn chung trong một bảo khí, vị phước đức bậc thượng thấy cơm sắc trắng, vị phước đức bậc trung thấy cơm sắc vàng, vị phước đức bậc hạ thấy cơm sắc đỏ, mùi vị cũng có thứ bậc ngon dở hơn kém. Chư thiên ở Sắc-giới thọ phần tư thực, dùng sự vui thiên định để nuôi dưỡng sắc thân. Còn chư thiên ở cõi Vô-sắc thì chỉ có thức thực. (Kinh Chánh-Pháp-Niệm, Kinh Khởi-Thế, Luận Du-Già)

3. Dục nhiễm thọ dụng: Về dục nhiễm thọ dụng, thì loài hữu-tình ở Địa-ngục không có sự dâm, vì bị nhiều hình phạt quá đau khổ. Các hữu-tình thuộc Bàng-sanh, Quỷ-thần, A-tu-la và Người, do vì khổ vui xen lẫn, nên có sự dâm dục. Ở các cõi này, khi hai giống giao hợp, liền có chất bất tịnh thoát ra. Thiên-chúng ở Dục-giới khi gần gũi nhau, không có thứ bất tịnh ấy, duy nơi căn môn có hơi gió nhẹ thổi ra, dục niệm liền tiêu. Trời Tứ-Vương và Đạo-Lợi sự giao hợp cũng như loài người. Trời Dạ-Ma, nam nữ chỉ ôm nhau là dục niệm đã thỏa mãn. Trời Đâu-Suất, hai bên nắm tay nhau dục niệm liền tiêu. Trời Hóa-Lạc, chư thiên nam nữ chỉ chăm chú nhìn nhau cười, là dục sự đầy đủ. Trời Tha-Hóa, chư thiên nam nữ chỉ liếc nhau là đã xong rồi dục sự. Chư thiên cõi Sắc và Vô-sắc đều tu phạm hạnh, không có dục nhiễm thọ dụng.

Các loại Bàng-sanh, Quỷ-thần, A-tu-la, tùy theo hạng cao thấp, hoặc có giá thú, đôi bạn, hoặc si mê giao hợp xen tạp. Loài người ở Nam, Tây, Đông-châu, có lễ giá thú, đôi bạn và thê thiếp riêng. Loài người ở Bắc-châu, vì không ngã sở nên không có sự giá thú. Đại-lực-quỷ và chư thiên cõi Dục cũng có

đôi bạn thê thiếp riêng như người ở ba châu kia, duy trừ trời Hóa-Lạc và Tha-Hóa-Tự-Tại. (Luận Du-Già-Sư-Địa)

Chúng-sanh trong ba cõi chen chúc nhau nhiều đến số vô lượng, nhưng do đâu mà bị luân chuyển và sẽ đi về đâu? Kinh nói: “Tất cả hữu-tình đều nương sự ăn mà trụ. Tất cả chúng-sanh đều lấy dâm dục làm phần chánh cho mạng sống”. Chữ “dâm” ở đây cũng có nghĩa là tham nhiễm, dù là tham nhiễm thiên lạc, không định. Sự khổ của thế gian bắt nguồn từ điểm này. Muốn thoát khổ phải trừ lòng tham, muốn trừ tham nhiễm phải dứt ngã chấp. (Lục-Đạo-Tập)

Thân Trung Hữu Và Sự Thọ Sanh

<i>Tiết</i>					<i>mục:</i>
I.		<i>Thân</i>			<i>Trung-hữu</i>
II.	<i>Trạng</i>	<i>thái</i>	<i>lúc</i>	<i>vào</i>	<i>thai</i>
III.	<i>Trạng</i>	<i>thái</i>	<i>khi</i>	<i>ở</i>	<i>trong</i>
IV.		<i>Sanh</i>		<i>về</i>	<i>ác-đạo</i>
V.		<i>Sanh</i>		<i>về</i>	<i>thiện-đạo</i>
VI.	<i>Nghiệp</i>	<i>duyên</i>		<i>thọ</i>	<i>sanh</i>

Pháp tạng trích dẫn: Tỳ-Nại-Gia-Tạp-Sự, Luận Du-Già, Kinh Đại-Bảo-Tích, Kinh Thủ-Hộ-Quốc-Giới, Tạp-Sự-Lục, Đại-Thừa-Trang-Nghiêm-Kinh-Luận, Kinh Chánh-Pháp-Niệm, Luận Thuận-Chánh-Lý, Luận Câu-Xá, Kinh Thủ-Lãng-Nghiêm, Pháp-Giới-Tập.

Đề yếu: Loài hữu-tình sau khi mạng chung, đã bỏ thân tiền-hữu, chưa thọ thân hậu-hữu thì ở vào giai đoạn cảm thân

Trung-hữu. Thân Trung-hữu này do năm ám vi tế kết hợp, nên cũng gọi là Trung-ám-thân. Trong đây, trừ những chúng sanh tạo nghiệp cực thiện thuộc cõi Vô-sắc, hoặc nghiệp cực ác thuộc nẻo A-tỳ, thì liền hóa sanh ngay những nơi đó, mà không trải qua Trung-ám-thân. Ba tiết trước của bản chương thuật lại hình dáng xấu đẹp sai biệt của những Trung-ám-thân thuộc các nẻo thiện ác, trạng thái của Trung-hữu lúc vào thai và khi chuyển thọ thân hậu-hữu ở trong thai. Hai tiết mục kế, nói về tiên triệu khi chúng sanh lâm chung sẽ sanh về ác-đạo hay thiện-đạo, cùng những cảnh tượng hiển hiện khi Trung-hữu sắp sanh về các nẻo. Tiết sau cùng nói tổng quát về nghiệp duyên của chúng-sanh thăng trầm trong tam giới, hoặc được siêu sanh về Tịnh-độ. Mục đích của chương này là trình bày cảnh duyên thiện ác, cho người học Phật bỏ điều dữ tu pháp lành, và biết trước các nghiệp tương để tìm nẻo thiện sanh, tránh đường sa đọa.

Tiết I: Thân Trung Hữu

Sao gọi là Trung-hữu? Trung-hữu là thân quả báo ở khoảng giữa của đời này và đời sau, vì quả báo ấy có mà chẳng phải không, nên gọi là “hữu”. Trung-hữu cũng gọi là trung-ám, vì thân ấy do năm ám tạo thành.

Đức Phật bảo Nan-Đà: “Khi cha mẹ giao hợp là lúc thân Trung-hữu vào thai. Trung-ám có hai loại: hình sắc xinh đẹp, và dung mạo xấu xa. Trung-hữu của Địa-ngục hình rất xấu, sắc đen như than. Trung-hữu của Bàng-sanh sắc nám như khói.

Trung-hữu của Nga-quỷ sắc đậm như nước. Trung-hữu của người và trời Dục-giới sắc như vàng ròng. Trung-hữu của chư thiên cõi Sắc rất đẹp, màu tươi trắng sáng rõ. Thân trung-âm của hàng nhơn thiên ở cõi Dục, đại để bằng đũa trẻ năm bảy tuổi. Thân trung-âm của chúng-sanh cõi Sắc lớn bằng thân bản hữu và có y phục vì do nhiều chủng tử tâm tu. Chúng-sanh ở cõi Vô-sắc không có trung-âm-thân, bởi vì không hình sắc. Loài hữu-tình cực thiện như nghiệp báo cõi Vô-sắc và cực ác như nghiệp báo ngục A-Tỳ, khi chết rồi liền thọ sanh ngay, không trải qua thân Trung-hữu. Trung-âm-thân có loại hai tay hai chân, có loại bốn chân, nhiều chân, hoặc không chân”. Đại khái, chúng-hữu-tình tùy theo nghiệp đã tạo, phải thác sanh về nẻo nào, loài nào, thì Trung-âm-thân có hình dáng giống như loài ấy. Trung-hữu của chư thiên đầu hướng lên, Trung-hữu của người, Bàn-sanh và quỷ nằm ngang mà bay đi. Trung-hữu của chúng-sanh cõi Địa-ngục đầu chúc xuống. Các Trung-âm-thân đều có thân thông, nương hư không mà đi, thị tuyến rất xa và sáng suốt, trong khoảnh khắc đã tìm đến chỗ phải thọ sanh. (Tỳ-Nại-Gia-Tạp-Sự)

Trung-âm-thân cũng có đủ các căn. Trung-hữu của kẻ tạo nghiệp ác, ánh ra sắc đen xám cũng như đêm tối tăm. Trung-hữu của kẻ tạo nghiệp thiện ánh ra sắc trắng như đêm trong sáng. Mắt của Trung-âm-thân nhìn suốt xa như thiên nhãn, không bị chướng ngại, thấy các Trung-hữu khác và chỗ mình sẽ thọ sanh. Trong giây phút, Trung-âm-thân có thể bay vòng quanh giáp núi Tu-Di, lại có thể đi xuyên qua tường vách núi non không chi chướng ngại, trừ ra thai mẹ và tòa Kim Cang của Phật. Những Trung-hữu thuộc về nghiệp ác, úp mặt nhìn

xuống mà bay đi, còn những Trung-hữu thuộc về nghiệp thiện thì đầu ngược lên.

Trung-âm-thân chỉ trụ được bảy ngày đêm, nếu trong thời hạn ấy không tìm được chỗ thác sanh, thì chết rồi sống lại, nhưng đại khái trong vòng 49 ngày là được thọ sanh. Trung-hữu khi chết, hoặc sanh trở lại như thân trước, hoặc do nghiệp lành dữ chuyển biến, đổi lại thành thân của các loại khác. Trung-âm cũng có tên là Kiên-Đạt-Phước (Hương-hành), vì đi tìm mùi, dùng mùi mà tự nuôi sống. Lại Trung-hữu, khi sắp diệt để thọ thân hậu-hữu, tùy theo nghiệp đã tạo, thấy nhiều tướng khác nhau; bảy giờ tâm thức mơ màng dường như ở trong mộng. Những kẻ tạo nghiệp sát, hay giết heo, dê, gà, vịt, tôm, cá, thì lúc ấy thấy những loài đó, lại thấy có người đang làm thịt, tùy theo túc nghiệp tự nhiên sanh ra ưa thích muốn đi đến xem. Khi đến nơi liền bị cảnh sắc làm trở ngại không thể thoát ly, Trung-hữu liền diệt mà thọ thân hậu-hữu. Lúc sắp diệt, trung-âm thấy nhiều màu sắc sanh diệt liên tục, như người sắp chết thấy những hình tượng tạp loạn, mắt chăm chú nhìn, tay chỉ chỗ này, chỗ khác. (Luận Du-Già).

Tiết II: Trạng Thái Lúc Vào Thai

Trường hợp nào thân Trung-hữu không vào thai được? Đó là những lúc cha mẹ không giao hợp, hoặc khi giao hợp tinh cha ra tinh mẹ không ra, tinh mẹ ra tinh cha không ra, hoặc đều không ra. Lại nữa, hoặc khi người mẹ quá mập, nhiều thịt dư, hay có các chứng bệnh như tử cung lạnh, khí huyết kết thành cục, vàng võ nhiều đàm, hoặc do uống thuốc cấm thai, cùng

các chứng bịnh riêng của người cha. Về phần nghiệp báo, nếu cha mẹ tôn quý con ty tiện, hay là trái lại, thì không thể thành thai. Hoặc có khi cha mẹ cùng con đều tôn quý hay đều ty tiện, nhưng nghiệp duyên không hợp cũng không thể thành thai.

Đức Phật bảo: “Này Nan-Đà! Nếu không có các trường hợp như trên, thì Trung-hữu mới vào thai mẹ. Như các duyên đều thuận, khi cha mẹ giao hợp, Thân Trung-âm ở xa trông thấy ánh sáng liền bay đến đó. Lúc ấy, do túc nghiệp, Trung-hữu liền khởi ra các sự vọng tưởng; như Trung-âm nam thì đối với mẹ sanh lòng mến yêu, với cha lại ganh ghét; Trung-hữu nữ thì đối với mẹ sanh lòng ganh ghét, với cha lại mến yêu; hoặc nam hoặc nữ đều thấy chính mình làm việc ân ái với cha hay mẹ. Bấy giờ Trung-âm bỗng có cảm giác nóng hoặc lạnh, hay thấy mưa to, gió lớn, mây mù nổi lên, hoặc nghe nhiều tiếng huyên náo đáng chán buồn, hay tiếng thanh tao đáng ưa thích. Khi các vọng tâm, huyễn cảnh này hiện ra, tùy nghiệp hơn kém, Trung-hữu lại khởi sanh mười huyễn tướng khác như: nay ta vào nhà, ta muốn lên lầu, ta lên đèn đài cao đẹp, ta lên ngồi trên giường ghế, ta vào am tranh, ta vào chòi lá, ta đi vô rừng, ta vào lùm bụi, ta xuyên qua lỗ tường vách, ta chui vào hàng rào. Khi khởi các tướng niệm như trên xong, Trung-hữu liền vào thai. Sự kết thai đây có ba điều kiện hỗn hợp: tinh cha, huyết mẹ và nghiệp thức. Trạng thái này ví như người đổ sữa chín vào bình, rồi lấy đũa quậy đánh mãi cho đến khi dậy lên thành ra vị-tô. Kết quả hỗn hợp của tinh cha, huyết mẹ, nghiệp thức hòa thành một khối gọi là Yết-la-lam.

Này Nan-Đà! Ví như loại thảo trùng nương nơi cỏ mà sanh, cỏ không phải trùng, trùng không lìa cỏ, nhưng do nhân duyên cỏ hòa hợp mà con trùng thân sắc màu xanh. Trường hợp này

cũng như con bọ hung sanh nơi phân trâu, thân sắc màu vàng sậm. Nên biết thân Yết-la-lam do tinh cha huyết mẹ cũng lại như thế.

Lại nữa, thân Yết-la-lam phải có đủ bốn giới: địa, thủy, hỏa, phong, tức là các tánh chất: cứng đặc, ướt nhuần, nóng ấm và khinh động. Nếu thân ấy chỉ có địa giới thiếu thủy giới thì không thành; ví như người dùng tay nắm bột hoặc tro khô, khi buông tay ra, tro bột đều bay tan. Trường hợp có thủy giới thiếu địa giới cũng như thế; ví như người chỉ nhồi nước hoặc dầu, rót cuộc vẫn là chất tan lỏng không kết thành khối được. Nên biết do thủy giới nên địa giới không rã, do địa giới nên thủy giới không tan. Và, nếu Yết-la-lam thiếu phong giới thì không thể tăng trưởng, thiếu hỏa giới thì không thể thành thực. Cho nên sắc thân con người khởi thi từ Yết-la-lam do các duyên hòa hợp mà có sanh, trụ, tăng trưởng, suy hoại, thật rất đáng chán, ta không chút chi ưa thích! Xét ra sanh tức là khổ, trụ là bệnh, tăng trưởng, suy hoại tức là già, chết. Kẻ nào đối với biến hữu vi mà sanh lòng ưa thích, tất phải nằm trong thai mẹ, chịu đủ các điều khổ”. (Luận Du-Già, Tỳ-Nại-Gia-Tạp-Sự)

Tiết III: Trạng Thái Khi Ở Trong Thai

Đức Phật bảo: “Này A-Nan! Thân Yết-la-lam ở nơi thai mẹ trong bảy ngày đầu, hình dáng như sữa tươi, từ đó do sức nội nhiệt, lần lần tăng trưởng. Trong khoảng bảy ngày thứ hai, cảm phát gió nghiệp tên là Biên-mãn, thổi hai bên hông người mẹ, khiến cho Yết-la-lam đọng lại như sữa đặc, sắp hiện ra tướng trạng người, gọi là An-phù-đà. Trong khoảng bảy ngày thứ ba,

cảm phát gió nghiệp tên là Tàng-khẩu; so sức gió này thân An-phù-đà có hình dáng hai cánh tay khép lại, giống như cái chày đâm thuốc. Trong khoảng bảy ngày thứ tư, cảm phát gió nghiệp tên là Nhiếp-thủ; do sức gió này biến tướng hai cánh tay khép lại thành ra Đà-na (mật-hậu, mật-hiệp), hình như chiếc giày cong cong. Trong khoảng bảy ngày thứ năm, cảm phát gió nghiệp tên là Nhiếp-trì; do sức gió này chuyển biến Đà-na thành Bát-la-xa-khê (nhục-đoàn-vị), hiện ra tướng hai bên hông, hai vai, thân và đầu. Trong khoảng bảy ngày thứ sáu, cảm phát gió nghiệp tên là Vi-phạn; do sức gió này chuyển thành bốn tướng là hai cánh tay và hai bắp chơn. Trong khoảng bảy ngày thứ bảy, cảm phát gió nghiệp tên là Toàn-chuyển; do sức gió này, thai nhi lần hiện ra hai bàn tay hai bàn chơn. Trong khoảng bảy ngày thứ tám cảm phát gió nghiệp tên là Phiên-chuyển; do sức gió này, mười ngón tay và chơn sanh ra đầy đủ. Trong khoảng bảy ngày thứ chín, cảm phát gió nghiệp tên là Phân-tán; do sức gió này sanh ra các tướng; mặt, tai, mũi, miệng và đường đại tiểu tiện. Trong khoảng bảy ngày thứ mười, cảm phát hai luồng gió nghiệp tên là Kiên-tiên và Phổ-môn, hai thứ gió này làm cho thai nhi động chắc lại và phòng no đầy đủ dường như cái pháo. Trong khoảng bảy ngày thứ 11, cảm phát gió nghiệp tên là Kim-cang, sức gió này làm cho thai nhi cửu khiếu đều thông, tay chơn máy động, miệng tươm máu bầm, mũi chảy ra nước. Trong khoảng bảy ngày thứ 12, cảm phát hai luồng gió nghiệp tên là Khúc-khẩu, Xuyên-phát; sức thổi của hai thứ gió này khiến cho sanh ra đại tiểu trường, 320 chi tiết và 101 yếu huyết. Trong khoảng bảy ngày thứ 13, cảm phát gió nghiệp tên là Cơ-khát; do sức gió này, thai nhi bỗng sanh ra niệm đói khát, từ nơi cuống rún thâu rút chất bổ ăn

uống của người mẹ vào, để tự nuôi dưỡng”. Lúc ấy, Đức Thế-Tôn nói bài kệ:

Đứa	bé	trong	thai	mẹ
Mười	ba	lần	bảy	ngày
Cảm	giác	thân	trống	không
Liên	sinh	niệm	đói	khát
Thức	ăn	của	người	mẹ
Tư	dưỡng	vào	thai	nhi
Do	đó	thân	mạng	còn

Lần lần được thêm lớn.

Này A-Nan! Trong khoảng bảy ngày thứ 14, cảm phát gió nghiệp tên là Tuyền-khẩu; do sức gió này 900 đường gân sanh ra. Trong khoảng bảy ngày thứ 15, cảm phát gió nghiệp tên là Liên-hoa, sức gió này làm cho sanh ra 20 mạch lớn, chất ăn uống chạy theo đó mà tư dưỡng thai nhi. Mỗi mạch lớn có 40 mạch trung, mỗi mạch trung lại có 100 mạch nhỏ, thành ra tám vạn mạch có đủ màu sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng. Những mạch này liên quan với các lỗ chân lông. Trong khoảng bảy ngày thứ 16, cảm phát gió nghiệp tên là Cam-lộ, sức gió này làm cho cửu khiếu đều thông các tạng bên trong, hơi thở lưu chuyển theo thân thai nhi không còn trở ngại. Trong khoảng bảy ngày thứ 17, cảm phát gió nghiệp tên là Mạo-ngưu-diện; sức gió này làm cho đôi mắt thai nhi sáng sạch, các căn khác lần lần thành tựu. Trong khoảng bảy ngày thứ 18 cảm phát gió nghiệp tên là Đại-kiên-cường, sức gió này làm cho các căn tươi sạch, như gió thổi mây tan lộ ánh nhựt nguyệt. Trong khoảng bảy ngày thứ 19, cũng do sức gió trước, từ thân căn, mạng căn, ý căn, cho đến các căn khác thấy đều thành tựu đầy đủ. Trong khoảng bảy ngày thứ 20 cảm phát gió nghiệp tên là Kiên-cổ; do sức gió

này, các thứ xương thân đều sanh ra. Trong khoảng bảy ngày thứ 21, cảm phát gió nghiệp tên là Sanh-khởi, sức gió này làm cho sanh ra thịt. Trong khoảng bảy ngày thứ 22, cảm phát gió nghiệp tên là Phù-lưu, sức gió này làm cho sanh ra máu. Trong khoảng bảy ngày thứ 23, cảm phát gió nghiệp tên là Tịnh-trì; sức gió này làm cho sanh ra da. Trong khoảng bảy ngày thứ 24, cảm phát gió nghiệp tên là Trì-vân, sức gió này làm cho bì phu có sắc tươi nhuận. Trong khoảng bảy ngày thứ 25, cảm phát gió nghiệp tên là Trì-thành, sức gió này làm cho máu thịt của thai nhi lần lần được tư nhuận. Trong khoảng bảy ngày thứ 26, cảm phát gió nghiệp tên là Sanh-thành, sức gió này làm cho sanh ra tóc, lông, móng tay và chơn. Trong khoảng bảy ngày thứ 27, cảm phát gió nghiệp tên là Khúc-dược; sức gió này làm cho thân tướng được thành tựu. Khi ấy, Đức Thế-Tôn nói bài kệ:

Đứa	bé	trong	thai	mẹ
Hăm	bảy	lần	bảy	ngày
Do	các	ngiệp	lành	dữ
Thân	tướng	hiện	xấu	đẹp.
Nếu	thai	nihi	là	traí
Ở	hông	bên	mặt	mẹ
Ngồi	co,	tay	che	mặt
Hướng	về	phía	xương	sống.
Như	thai	nihi	là	gái
Thì	ở	hông	bên	traí
Hai	tay	úp	vào	mặt
Ngồi	hướng	về	trước	bụng.
Khi	người	mẹ	đi	mau

Hoặc	ngồi	nằm	hơi	lâu
Hoặc	ăn	các	mùi	vị
Nóng,	lạnh	không	hợp	thân
Hoặc	ăn	ít	ăn	nhiều.
Thai	nhi	đều	chịu	khô.
Cho	nên	người	có	trí

Chớ mền nỏ luân hồi.

Lại nữa, A-Nan! Trong khoảng bảy ngày thứ 28, thai nhi sanh ra tám thứ vọng tưởng điên đảo, như: mình ngồi xe ngựa hoặc đi thuyền, ở lầu cao, nằm trên giường, nghe suối chảy, đến đầm ao, thấy sông rộng, ở khu vườn nhỏ, vào hoa viên to. Trong khoảng bảy ngày thứ 29, cảm phát gió nghiệp tên là Hoa-điều, sức gió này làm cho thai thân sáng sủa, các tướng phân minh; do nghiệp lành dữ đời trước, thai nhi hoặc đen, hoặc trắng, hoặc không đen trắng, hoặc có các màu sắc khác, hoặc khô khan, hoặc tươi nhuận. Trong khoảng bảy ngày thứ 30, cảm phát gió nghiệp tên là Thiết-khẩu; do sức gió này, tóc, lông, móng tay chơn đều dài ra. Trong khoảng bảy ngày thứ 31, đến 35, thai thân lần lần lớn, nhọn tướng đầy đủ. Trong khoảng bảy ngày thứ 36, thai nhi sanh lòng nhàm chán, không vui. Trong khoảng bảy ngày thứ 37, thai nhi khởi ra năm tướng niệm điên đảo: tướng tướng bất tịnh, tướng sự hôi nhơ, ở trong tù ngục, ở chỗ tối tăm, mình thấy buồn chán. Trong khoảng bảy ngày thứ 38, cảm phát hai luồng gió nghiệp tên là Câu-duyên và Thú-hạ; sức thổi của hai thứ gió này làm cho thai nhi xoay chuyển, đầu trở xuống dưới, xuôi hai tay như sắp muốn ra. Nếu đứa bé đời trước có tạo nghiệp đọa lạc, thì tay chơn ngang dọc xoay trở không được, chết trong bụng mẹ; làm cho người mẹ rất đau đớn khổ sở hoặc có thể mạng chung. Như đứa bé đời

trước tạo những nghiệp lành hay gây nhân sống lâu, thì khi sanh ra, mẹ con đều an ổn”. (Kinh Đại-Bảo-Tích)

Nếu thai nhi ở trong bụng mẹ được chín tháng hay hơn chín tháng mới sanh ra gọi là viên mãn. Như chỉ có tám, bảy hay sáu tháng, thì không gọi là viên mãn. Thai-tạng khi sanh trưởng có tám vị sai biệt: Yết-la-lam, Yết-bộ-đàm, Bế-thi, Kiên-nam, Bát-la-xa-khê, Phát-mao-trảo, Căn-vị, Hình-vị. Yết-la-lam-vị là lúc tinh huyết mới kết động còn hơi lỏng hình như mũi tên. Yết-bộ-đàm-vị (cũng gọi là An-phù-đà) là lúc thai tạng chưa sanh thịt, trong ngoài như sữa đặc. Bế-thi-vị là lúc thai nhi mới tượng hình, có dáng hai cánh tay khép lại, thịt đã sanh mà còn rất mềm. Kiên-nam-vị (cũng gọi là Đà-na) là lúc khối thịt đã hơi cứng có thể xoa rờ được. Bát-la-xa-khê-vị (cũng gọi là Ban-la-xa-khê) là lúc thai nhục lớn lên hiện ra tướng tay chân và đầu. Phát-mao-trảo-vị là lúc tóc, lông, móng tay và chơn hiện ra. Căn-vị là lúc phát sanh mắt, tai, mũi, miệng, và đường đại tiểu tiện. Hình-vị là lúc các tướng nơi thân hiện ra đầy đủ rõ ràng.

Lại thai nhi còn do nghiệp đời trước của mình, hoặc ảnh hưởng bởi người mẹ gây ra, mà tóc lông, màu sắc làn da, hoặc chi phần có sự biến đổi. Nếu trong lúc mang thai, người mẹ ăn nhiều chất hôi, chất mặn, đứa con bị nguyên nhân ấy mà tóc lông thưa ít. Như người mẹ ở nơi chật hẹp nóng bức, hoặc thường gần chỗ lửa nóng, đứa con bị ảnh hưởng đó, màu da trở nên đen đúa; nếu trái lại, thường ở chỗ lạnh, thì đứa con màu da trắng. Hoặc người mẹ thích ăn nhiều chất nóng, về sau hài nhi sẽ có màu da hung đỏ. Nếu trong lúc cần thai, người mẹ còn nhiều dâm dục, đứa con sẽ có làn da gẻ chốc, sần sùi. Trong lúc thai nghén, người mẹ không khéo giữ gìn, thường

chạy nhảy làm việc xốc xáo, nặng nề, do ảnh hưởng đó, các chi phần của đũa con hoặc xiên xẹo hoặc không đầy đủ. (Luận Du-Già)

Tiết IV: Sanh Về Ác Đạo

Con người khi sắp chết, thân tâm hôn muội như ngủ mà không có chiêm bao. Lúc ấy minh liễu ý thức không hiện khởi, không thể biết được cảnh sở duyên của sáu chuyển thức, đó là tán-hữu-tâm cũng gọi sanh-tử-tâm. Bảy giờ do nghiệp lành dữ, thân phần lần lần lạnh, chỗ nào còn nóng sau rốt, là thần thức ra nơi đó. Có bài tụng rằng:

“Đánh sanh cõi Thánh, mắt sanh Trời.

Bụng nóng Ngạ-quỷ, tim nóng Người.

Bàng-sanh thần thức ra đầu gối.

Nóng ở bàn chơn Địa-ngục thôi!” (Đại-Thừa-Trang-Nghiêm-Kinh-Luận)

Người nào khi lâm chung, sắp đọa vào loài Bàng-sanh, thì có những tiên triệu như sau: 1. Thân mang bệnh nặng tâm mê mờ tán loạn như ở trong mây mù. 2. Sợ nghe danh hiệu Phật, không chịu ai khuyên bảo điều lành. 3. Ưa thích mùi cá thịt. 4. Quyến luyến vợ con, đấm đuôi không bỏ. 5. Các ngón tay và chơn đều co quắp. 6. Cả mình toát ra mồ hôi. 7. Khóe miệng chảy ra nước. 8. Tiếng nói khò khè hoặc rít róng khó nghe. 9. Miệng thường ngậm đồ ăn.

Người nào khi lâm chung, sắp đọa vào đường Nga-quỷ, thì có những tiên triệu như sau: 1. Thân mình nóng như lửa. 2. Lưỡi luôn luôn liếm môi. 3. Thường cảm thấy đói khát, ưa nói đến việc ăn uống. 4. Miệng hở ra không ngậm lại. 5. Tham tiếc tiền của, dây dưa khó chết. 6. Mắt thường trương lên mà không nhắm. 7. Đôi mắt khô khan như mắt chim gỗ. 8. Không có tiểu tiện nhưng đại tiện thì nhiều. 9. Đầu gối bên mặt lạnh trước. 10. Tay bên mặt thường nắm lại, tiêu biểu cho lòng bòn sẻn. 11. Lúc tắt hơi hai mắt vẫn mở.

Người nào khi lâm chung, sắp đọa vào nẻo Địa-ngục, thì có những tiên triệu như sau: 1. Nhìn ngó thân quyến bằng con mắt giận ghét. 2. Đưa tay lên quờ quạng hư không. 3. Đi đại tiểu tiện không tự biết. 4. Thân thường có mùi hôi hám. 5. Nằm úp mặt xuống hoặc che giấu mặt mày. 6. Hai mắt đỏ ngầu. 7. Nằm co về bên trái. 8. Xương lóng đau nhức. 9. Thiện tri thức dù có chỉ bảo, họ cũng không tùy thuận. 10. Nhắm nghiền đôi mắt không mở. 11. Mắt bên trái hay động đậy. 12. Sống mũi xiên xẹo. 13. Gót chân đầu gối luôn luôn run rẩy. 14. Thấy ác tướng vẻ mặt sợ sệt mà nói không được, hoặc sáng sớm kêu la bảo là quỷ hiện. 15. Tâm thức rối loạn. 16. Cả mình giá lạnh, tay nắm lại, thân thể cứng đơ. (Kinh Thủ-Hộ-Quốc-Giới)

Thân Trung-âm nào sắp sanh về cõi A-tu-la, thì sẽ thấy có những vườn cây khả ái và những vàng lửa lẫn lộn chuyển xoay. Nếu thấy cảnh tượng ấy sanh lòng vui vẻ đi đến đó, tức là thác sanh vào nẻo này.

Trung-âm nào sắp đọa vào loài chó lợn, thường thấy nhiều cô gái đẹp, mình ưa thích chạy theo; do nhân duyên đó mà bị thác thai. Trung-âm nào sắp đọa vào các loài Bàng-sanh khác,

cảm thấy có luồng gió mãnh liệt cuốn lôi không tự cưỡng lại được, hoặc thấy vô số Quỷ-thần cầm binh trượng đuổi theo hoặc thấy lửa cháy lan tới rần rần, sấm sét phủ đầu dữ dội, sương mù phủ giăng mịt mịt, núi lở biển dậy âm âm, tự mình sợ hãi chạy vào rừng bụi, hang đá mà lẩn trốn; hoặc đang khi ấy thấy ba cái hồ trắng, đỏ, đen, liền nhào xuống mà ẩn thân. Do nhân duyên đó bị thọ sanh vào dị loại như hùm, beo, nai, chồn, rắn, rít...

Những trung-âm nào sắp đọa vào đường Nga-quỷ, thì tự thấy, có một bãi sa mạc rộng lớn mênh mông không cây cối, hoặc chỉ có những hang hồ cỏ cây khô héo. Lúc ấy tự mình bị sức gió nghiệp đưa đến đó, liền thác sanh vào Nga-quỷ đạo, chịu nhiều sự nóng bức, đói khát khổ sở vô cùng!

Trung-âm nào sắp sanh vào Địa-ngục bỗng nghe những khúc ca hết sức bi ai buồn thảm, thấy cảnh giới mù mịt tối tăm, nhà cửa sắc đen hay trắng, hoặc thấy hang hồ sâu thẳm, đường sá lờ mờ. Lúc ấy chính mình bị quỷ xua đuổi vào trong đó, khi vào rồi thì thân không được tự do, liền bị thác sanh.

Trung-âm nào sắp đọa vào ngục hàn-băng, do sức nghiệp, bỗng nhiên thân thể nóng bức không kham, gặp hơi lạnh ở hàn ngục xông lên, tự cảm thấy mát mẻ dễ chịu, khởi lòng ưa thích vội vã bay xuống nơi đó, lúc ấy liền bị thác sanh. Trung-âm nào sắp đọa vào ngục viêm-nhiệt, do sức nghiệp, bỗng nhiên thân thể giá rét không kham, gặp hơi nóng ở hỏa ngục xông lên, tự cảm thấy ấm áp dễ chịu, khởi lòng ưa thích vội vã bay xuống nơi đó, lúc ấy liền bị thọ sanh. Trung-âm nào sắp đọa vào ngục phản-ước, do sức nghiệp, bỗng cảm thấy một mùi thơm ngọt ngào chịu không kham, bấy giờ trong tâm ước ao

muôn tìm nơi có mùi hôi thúi để đánh át bớt mùi thơm đó; bởi nhân duyên ấy mà bị thọ sanh.

Lại trung-ấm nào thấy ánh sáng màu lục lờ mờ, ưa thích đi vào đó, liền thác sanh về cõi A-tu-la. Trung-ấm nào thấy ánh sáng màu hơi xanh, ưa thích đi vào đó, liền bị thọ thân Bàng-sanh. Trung-ấm nào thấy ánh sáng màu hơi đỏ, ưa thích đi đến đó, liền thác sanh vào loài Nga-quỷ. Trung-ấm nào thấy ánh sáng mờ đục như khói đen, ưa thích đi đến đó, liền thác sanh vào nẻo Địa-ngục. (Tập-Sự-Lục)

Đức Phật bảo Đại-Dược Bồ-Tát: “Những chúng-sanh tạo nghiệp ác, sắp đọa vào Nại-lạc-ca, tự nhiên có lòng buồn thảm kinh sợ tùy theo bản nghiệp thấy hình tướng của các thú Địa-ngục, khi thần thức lìa thân liền sanh vào nơi đó. Hoặc có kẻ thấy phương khác có dáng đỏ tươi dường như máu rươi, liền sanh lòng nhiễm trước, do nhân duyên đó mà thọ sanh”.

Bấy giờ ngài Bạt-Đà-La-Bà-Lê thưa: “Bạch Thế-Tôn! Các chúng-sanh ở Nại-lạc-ca thân hình có những màu sắc gì? Thọ thân như thế nào?”

Đức Phật bảo: “Nếu chúng-sanh nào nhiễm trước chỗ máu, thì thân thể đỏ như sắc máu. Nếu chúng-sanh nào nhiễm trước sông Tỳ-la-ni (Nan-độ-hà), thì thân thể như sắc mây không trắng không đen. Nếu chúng-sanh nào nhiễm trước Khôi-hà, thì thân thể có sắc vàng. Chúng-sanh ở những nơi đó thọ thân to lớn, cao tám châu rươi, râu ria cùng tóc rất dài, bàn chơn hướng về phía sau. Giả sử người ở cõi Diêm-phù được trông thấy hình tướng ghê gớm của các chúng-sanh ấy, cũng phải kinh sợ mà chết!” (Kinh Đại-Bảo-Tích).

Tiết V: Sanh Về Thiện Đạo

Người nào khi lâm chung, sẽ sanh lại cõi người, thì có những tiên triệu như sau: 1. Thân không bình nặng. 2. Khởi niệm lành, sanh lòng hòa dịu, lòng vui vẻ vô tư, ưa việc phước đức. 3. Ít sự nói phô, nhớ nghĩ đến cha mẹ vợ con. 4. Đối với việc lành hay dữ, tâm không lăm loạn. 5. Sanh lòng tịnh tín, thỉnh Tam-bảo đến đối diện quy-y. 6. Con trai con gái đều đem lòng thương mến và gần gũi, coi như việc thường. 7. Tai muốn nghe tên họ của anh em, chị em, bè bạn. 8. Tâm chánh trực không dua nịnh. 9. Rõ biết bạn bè giúp đỡ cho mình, khi thấy bà con sẵn sóc sanh lòng vui mừng. 10. Dặn dò giao phó các việc lại cho thân quyến, rồi từ biệt mà đi.

Người nào khi lâm chung, sẽ sanh lên cõi trời, thì có những tiên triệu như sau: 1. Sanh lòng thương xót. 2. Phát khởi tâm lành. 3. Lòng thường vui vẻ. 4. Chánh niệm hiện ra. 5. Đối với tiền của vợ con không còn tham luyến. 6. Đôi mắt có vẻ sáng sạch. 7. Ngược mặt trông lên miệng mỉm cười, hoặc tai nghe thiên nhạc, mắt thấy thiên-đồng. 8. Không có những sự hôi hám. 9. Sống mũi không xiên xẹo. 10. Lòng không giận dữ.

Người nào lúc bình thời giữ giới niệm Phật không được tinh tấn khi sắp chết không có các tướng lành dữ, nhắm mắt đi xuôi như người ngủ; kẻ ấy nghi tình chưa dứt, sẽ sanh về nghi thành ở biên-phương Tịnh-độ.

Người nào khi lâm chung biết ngày giờ trước, chánh niệm rõ ràng, tự tắm gội thay đổi y phục, hoặc thấy quang minh chiếu

thân, hoặc thấy tướng hảo của Phật, các điềm lành hiển hiện, kẻ ấy sẽ sanh về cõi Tịnh-độ. (Kinh Thủ-Hộ-Quốc-Giới)

Chúng-hữu-tình ở ba đường ác, khi nghiệp hết, nếu có túc phước cũng được sanh ngay trên cõi trời, như loại Bàng-sanh, lúc mạng chung sắp chuyển sanh lên Thiên-cung, tự thấy có ánh sáng rực rỡ, lòng si nhẹ bớt, trí tuệ mở mang, trong lòng an vui, liền thoát hóa về thiên giới. Các Ngạ-quỷ lúc mạng chung sắp sanh lên cõi trời, tự có cảm giác không còn đói khát, tuy thấy các thức ăn uống, chỉ lấy mắt mà nhìn, nơi tâm vui vẻ, liền được thọ sanh. Chúng-sanh ở Địa-ngục khi nghiệp hết sắp sanh lên Thiên-cung thì đang lúc bị các hình phạt như: quý tốt đánh đập, bỏ vào vạc dầu sôi, để trên giường sắt nóng, hay trong khi chim sắt, ác thú cắn mổ liền chết ngay không còn sống lại. Bây giờ, tự nghe thấy chư thiên múa hát cười nói, cảm biết gió thơm thổi vào mình, liền được thọ sanh.

Các hữu-tình khi mạng chung, thân Trung-âm đang bơ vơ không nơi nương tựa, thì lúc ấy có ánh sáng yếu ớt của lục phàm soi đến. Tùy theo nghiệp duyên thân Trung-âm sẽ sanh về cõi nào luồng ánh sáng của đạo ấy càng rực rỡ hơn lên. Ánh sáng của tứ ác đạo như trước đã nói, còn ánh sáng của nẻo trời thì hơi trắng, ánh sáng của nẻo người thì hơi vàng.

Lại nữa, các cõi Phật ở mười phương cũng phóng ra những hào quang rực rỡ và mạnh như: hào quang sắc xanh chói lòa, hào quang sắc trắng trong sạch, hào quang sắc vàng bóng suốt như ngọc, hào quang sắc đỏ mãnh liệt. Như thế có rất nhiều thứ hào quang của chư Phật chói suốt lẫn nhau. Nhưng vì nghiệp lực, nên thân Trung-hữu sợ hãi những hào quang mãnh liệt của chư Phật đã soi đến, mà chỉ ưa thích những hào quang yếu ớt

trong lục đạo. Vì thế nên chúng-sanh thường bị xoay vần quanh nẻo luân-hồi, chịu nhiều điều khổ não

Loài người hiện tại khi mạng chung sắp sanh trở lại châu Nam-Thiệm-Bộ, trước tiên thấy có tòa núi to như muốn rớt trên mình, tự đưa tay ra đỡ. Liên khi ấy, lại thấy tòa núi đó đổi hình lại như giải nệm trắng, chính mình ngồi nơi nệm ấy mà bay đi. Trong khi bay lên, lại thấy nệm hóa ra màu đỏ. Kế đó, lại thấy ánh sáng, trong ánh sáng có nam nữ hội hiệp. Nếu sẽ sanh làm thân nam, thì tự thấy mình cùng mẹ giao hiệp, đối với cha cho là chướng ngại, có lòng ghét; như sẽ sanh làm thân nữ thì trái lại. Bấy giờ hốt nhiên tướng Trung-ấm diệt liền vào thai.

Chúng-hữu-tình ở châu Nam-Thiệm-Bộ sắp sanh về châu Đông-Phát-Bà-Đề, khi lâm chung thấy tất cả đều là màu xanh, có một giải nệm xanh rủ xuống, lúc ấy do sợ giải nệm xanh rớt, tự đưa hai tay lên đỡ lấy, vẻ mặt dường như có sắc kinh hãi. Kế đó lại thấy một cái hồ, bày ngựa chạy giỡn trên bãi cỏ, cha là ngựa đực, mẹ là ngựa cái. Nếu Trung-ấm sẽ sanh làm người nam, thì tự thấy mình là ngựa đực, đối với cha sanh lòng ghét, với mẹ sanh lòng yêu. Như Trung-ấm sẽ sanh làm người nữ, thì tự thấy mình là ngựa cái, đối với cha yêu mến, với mẹ lại ganh ghét. Lúc ấy liền được thọ sanh.

Chúng-hữu-tình ở châu Nam-Thiệm-Bộ khi lâm chung sắp sanh về châu Tây-Cù-Đà-Ni, thì trước tiên thấy một giải nệm vàng vẩy quấn, nhà cửa đều biến thành sắc vàng. Kế đó lại thấy một cái hồ, bốn bên bờ có trâu gặm cỏ, thân mình là trâu, cha là trâu đực, mẹ là trâu cái. Lúc ấy tùy nghiệp duyên sẽ sanh làm trai hay gái, đối với cha hoặc mẹ sanh lòng điên đảo yêu ghét. Bấy giờ liền được thọ sanh.

Chúng-hữu-tình ở châu Nam-Thiệm-Bộ khi lâm chung sắp sanh về châu Bắc-Uất-Đan-Việt, trước tiên thấy một giải nệm đỏ mịn màng, trong lòng ưa thích đưa tay khuấy động như muốn tiếp lấy. Kế lại trông thấy một hồ sen xanh, các loài bạch nga, hồng, nhạn, uyên ương lội đùa trên mặt nước, mình cũng vào đó chơi giỡn. Khi ở dưới hồ bước lên, vừa lúc cha mẹ dục nhiệm bất tỉnh, do nghiệp điên đảo thấy mình là chim ngỗng, cha là ngỗng trống, mẹ là ngỗng mái. Bảy giờ tùy nghiệp duyên sẽ sanh làm trai hay gái, đối với cha mẹ sanh lòng điên đảo ghét yêu. Trong khi đó liền được thọ sanh.

Chúng-hữu-tình ở Đông, Tây, Bắc-châu, từ nơi đây sanh nơi kia, khi lâm chung thấy trong hang tối có lá phướn dài rủ xuống: ánh sáng như làn điện đỏ. Lúc ấy tự mình nắm phăng theo ngọn phướn đi vào, mà thọ Trung-âm-thân. Còn các tướng sanh về châu nào thì tùy mỗi nơi hoặc thấy hai con ngựa, hai con trâu, hai chim ngỗng như trước.

Chúng-hữu-tình ở châu Nam-Thiệm-Bộ, khi lâm chung sắp sanh lên cõi trời, trước tiên thấy một giải nệm trắng tể nhuyễn rủ xuống như muốn rót, lại trông thấy các tướng vườn cây, ao hoa, chư thiên múa hát. Lúc đó dù quyền thuộc có than khóc kêu gọi, do bởi phước nghiệp, kẻ ấy cũng không nghe biết, chỉ người thấy mùi thơm, nghe tiếng âm nhạc, trong lòng vui vẻ không còn nhớ nghĩ chi cả, liền được thiện chung.

Chúng-hữu-tình ở châu Phát-Bà-Đề, khi lâm chung sắp sanh lên cõi trời, tự thấy cung đèn nghiêm đẹp, xung quanh có thiên-tử, thiên-nữ đang vui vẻ nhàn du. Lúc đó trong lòng sanh hoan hỷ, tự có cảm giác như người mới thức dậy. Bảy giờ liền được thọ sanh.

Chúng-hữu-tình ở châu Cù-Đà-Ni, khi lâm chung sắp sanh lên cõi trời, trước tiên thấy nước chảy xao xuyên trong ao đầm rộng lớn. Lúc ấy thần thức nương theo ngọn nước trôi qua đến bờ bên kia. Kế đó lại thấy các thiên-nữ xinh đẹp, tự mình chạy đến mà ôm. Khi ấy chính là lúc hóa sanh.

Chúng-hữu-tình ở châu Uất-Đan-Việt, khi sanh lên cõi trời, có nhiều tướng trạng. Nếu là người phước đức bậc hạ, thì lúc lâm chung, mũi ngửi mùi thơm lạ, mắt thấy hoa quý đẹp, trong lòng ưa thích muốn leo lên cây cao. Đang khi leo cây chính là lúc Trung-âm bay lên núi Tu-Di. Khi đến nơi liền thấy thế-giới của chư thiên, cung điện vườn hoa, tất cả đều trang nghiêm xinh đẹp. Lúc ấy tùy theo nhân nhơn duyên kẻ đáng làm cha mẹ mà hóa sanh. Như kẻ phước đức bậc trung, thì khi lâm chung thấy có bảy ong vùn vũ xung quanh một hoa sen trong hồ, tự mình bước lên hoa sen ấy, bay đến thiên cung. Lúc ấy tùy nơi nhân duyên của kẻ đáng làm cha mẹ mà hóa sanh. Còn người phước đức bậc thượng, thì khi lâm chung thấy cung điện tốt đẹp trang nghiêm, thân Trung-hữu nương nơi cung điện ấy mà bay lên hóa sanh nơi thiên giới.

Chư thiên khi thọ chung sắp sanh lại cõi trời, tự thấy các đồ trang nghiêm nơi thân không mất, không có vị thiên-tử nào ngồi ở bản tòa của mình. Lúc ấy tự thân bỗng diệt rồi lại sanh, như ngọn đèn tắt rồi lại cháy. Nếu sanh lên cõi trời cao hơn, thì có những tướng trạng thù thắng đáng mến. Như sanh xuống cõi trời thấp hơn, thì thấy vườn cây ao đầm đều không bằng khi trước, tự có cảm niệm u buồn đói khát. Lúc đó liền hóa sanh. (Kinh Chánh-Pháp-Niệm, Tạp-Sự-Lục)

Bấy giờ, Đại-Dược Bô-Tát hỏi Phật rằng: “Bạch Thế-Tôn! Loài hữu-tình sau khi mạng chung, tướng trạng thọ thiên thân như thế nào?” Đức Phật bảo: “Này Đại-Dược! Những chúng-sanh có phước nghiệp khi sắp sanh lên thiên giới, thì có thiên nhân, thấy được y-báo và chánh-báo ở cõi lục dục. Chúng-sanh đó thấy nhiều cung điện tốt đẹp, ao hoa, vườn cây quý lạ, rừng hoan hỷ.... Nơi ấy có những tòa cao trải lót bằng thiên y cùng vô lượng sự trang nghiêm khác. Chư thiên vị nào cũng xinh đẹp, trang sức bằng hoa tai, vòng xuyên, chuỗi anh lạc. Những thiên-tử và ngọc-nữ dạo chơi khắp các nơi, đối nhau tươi cười. Lúc thấy các tướng như thế, chúng-sanh ấy tự nhiên sanh lòng vui mừng. Khi người đó mạng chung, tâm không điên đảo, mũi không xiên vẹo, miệng không có mùi hôi, tai và mắt giống như sắc hoa sen xanh, thân thể không chảy máu cũng không ra đờ bất tịnh, tay chân không co rút. Lại khi lâm chung, kẻ ấy hoặc thấy xe kiệu tốt đẹp hiện ra trước. Xe đó rộng lớn có đến ngàn cây cột, trang nghiêm bằng hoa thơm, chuỗi ngọc, lưới châu, linh báu. Từ nơi bảo linh phát ra các tiếng nhiệm mầu. Mùi hương bay lan phưởng phất. Vô lượng thiên-đồng cũng theo xe đi đến. Khi thấy các tướng trạng như thế, người ấy thân tâm vui vẻ, yên ổn mà xả thân”. (Kinh Đại-Bảo-Tích)

Chư thiên cõi lục dục khi mới sanh, tùy theo thiên giới cao thấp, thân hình có lớn nhỏ sai biệt, hoặc như đứa bé năm, sáu, bảy tuổi, hoặc như đứa bé tám, chín, mười tuổi. Sau khi hóa sanh, thiên-đồng cảm thấy đói khát, liền có các vị tô đà, cam lộ, đựng trong bảo khí hiện ra. Lúc đó tùy theo phước báo ít nhiều, tự mình thấy thức ăn có những sắc hoặc trắng, vàng, đỏ khác nhau. Khi ăn uống xong, thân thể hóa hiện trang nghiêm, cao lớn. Thường thường thiên nam hóa sanh ở đầu gối bên trái

của mẹ. Hoặc có khi chư thiên nam, nữ đều hóa sanh ở đóa hoa nơi tay của thiên mẫu. Chư thiên cõi Sắc khi mới sanh, thiên tướng liền viên mãn, không trải qua sự ăn uống. Tất cả thiên chúng đều tự biết thánh-ngữ, không cần học tập. (Luận Thuận-Chánh-Lý)

Chư thiên khi sắp mạng chung có năm tướng tiểu suy: 1. Y phục và đồ trang nghiêm như vòng xuyên, chuỗi anh lạc, kêu vang ra tiếng không được thanh tao êm dịu. 2. Ánh sáng nơi thân hốt nhiên mờ yếu. 3. Khi tắm, gội, các giọt nước dính đọng nơi mình. 4. Tánh tình thường thung dung phóng khoáng, nay bị trệ lại một cảnh. 5. Mắt luôn luôn máy động, không được trong lặng như mọi khi. Nhưng năm tướng này hiện ra cũng có khi nhằm trường hợp khác, không phải nhất định là sẽ chết. Kế đó lại có năm tướng đại suy: 1. Y phục dính bụi. 2. Vòng hoa trên đầu rũ héo. 3. Hai nách chảy ra mồ hôi. 4. Thân có mùi hôi bay ra. 5. Không ưa chỗ ngồi của mình. Lúc năm tướng này hiện ra, quyết định sẽ mạng chung. (Luận Câu-Xá. Theo kinh Nhân-Quả thì năm tướng đại suy điều 1 là hai mắt máy động; điều 4 là ánh sáng nơi thân tắt mất).

Tiết VI: Nghiệp Duyên Thọ Sanh

Đức Phật bảo: “Này A-Nan! Tất cả loài hữu-tình chết nơi đây, sanh nơi kia, sống chết nối nhau không dứt. Mỗi khi lâm chung, các nghiệp lành dữ trong một đời đều hiện. Chúng-sanh nào thuận tướng thì bay lên hóa sanh nơi cõi trời. Nếu trong sự thuận tướng gồm có phước huệ và tịnh nguyện, thì tự nhiên tâm khai được thấy mười phương chư Phật, tùy nguyện sanh về

cõi Tịnh-độ. Chúng-sanh nào tình ít tướng nhiều thì vào hàng phi-tiên, bay đi rất nhẹ nhàng, nhưng không được xa bằng hạng thuần tướng. Chúng-sanh nào tình, tướng bằng nhau, sẽ thác sanh vào cõi người; bởi tướng là thông sáng, tình là tối mê, nên không lên không xuống. Chúng-sanh nào tình nhiều tướng ít, sẽ lạc vào đường Bàng-sanh, nhẹ thì làm loài phi-cầm, nặng thì làm loài tẩu-thú. Chúng-sanh nào bảy phần tình ba phần tướng, sẽ bị đọa làm thân Nga-quỷ, thường chịu nóng bức đói khát trải qua trăm ngàn kiếp. Chúng-sanh nào chín phần tình, một phần tướng, sẽ bị đọa vào Nại-lạc-ca nhẹ thì sanh nơi ngục hữu-gián, nặng thì sanh nơi ngục vô-gián. Chúng-sanh nào thuần tình sẽ bị vào đọa ngục đại A-Tỳ. Nếu trong tâm ấy còn kiêm các tội như: Hủy cấm giới của Phật, khinh báng kinh Đại-thừa, thuyết pháp sai lầm, tham của tín thí, lạm thọ sự cung kính và phạm ngũ nghịch thập ác, thì sẽ bị quả luân chuyển sanh về ngục vô-gián ở mười phương”. (Kinh Thủ-Lăng-Nghiêm)

Bởi ba cõi định ngôi, sáu đường chia loại, nên hình hài xấu đẹp, quả có khổ vui! Tìm ra điểm sanh khởi chẳng rời sắc tâm; xả đến chỗ hội quy không ngoài sanh diệt. Mà sanh diệt luân-hồi chính thật vô thường, sắc tâm hư huyễn nguyên là cội khổ! Thế nên, kinh Pháp-Hoa dụ cho nhà lửa, kinh Niết-Bàn ví với sông to. Bạc thánh-nhơn thuyết giáo để đưa sanh loại vượt ra ba cõi, về nẻo chân tâm là do lẽ trên vậy. Đến như Thiên-báo, tuy lâu quỳnh áo gấm, người đẹp cảnh xinh, nhưng trên trời Tha-Hóa còn có Thiên-ma, trong cõi Vô-Vân vẫn nhiều ngoại-đạo. Huống nữa bậc Phi-tướng-định còn đọa Phi-ly, trời Đâu-Xuất-Đà hãy mê ngũ dục; nên biết phước báo dễ sanh kiêu mạn, cảnh vui khó học Niết-bàn! Đến khi thắng nghiệp hết rồi, thì tóc tiên hoa héo, áo ngọc bụi vương, điện vàng tắt ánh

quang minh, thân nhớt còn chi vẻ đẹp? Khấp khuyên rửa lòng sám hối, niệm Phật làm lành, xa thì vui quả chân thường, gần được về nơi Tịnh-độ. (Pháp-Giới-Tập-Thuật-Ngữ)

Thế Giới Quan Của Đạo Phật

Tiết mục:

I. Tiểu-thế-giới

II. Ba luân bao bọc

III. Chín núi tám biển

IV. Bốn đại-bộ-châu

V. Địa-ngục

VI. Thiên-xứ ở núi Tu-Di

VII. Không-cư-thiên

Kinh sách tham khảo: *Luận Lập-Thế-A-Tỳ-Đàm, Luận Câu-Xá, Kinh Bồ-Tát-Tạng, Kinh Tăng-Nhất-A-Hàm, Kinh Trường-A-Hàm, Kinh Khởi-Thế-Nhân-Bản, Kinh Nghiệp-Báo-Sai-Biệt, Luận Thuận-Chánh-Lý, Kinh Tỳ-Gia-Tiên-Nhơn, Truyện Thiên-Nhơn-Cảm-Thông.*

Đề yếu: *Kinh Hoa-Nghiêm nói: “Tâm như người họa khéo. Vẽ vờ cảnh thế gian” (Tâm như công họa sư. Thiên họa chư thế gian). Tất cả chánh-báo y-báo khổ vui xấu đẹp, đều do tâm chúng-sanh huyễn hiện. Chúng-sanh đã có vô lượng nghiệp thiện ác, tất y-báo chánh-báo cũng tùy đó có vô lượng sai biệt. Vì thế, nói theo Tục-đế, các cõi khổ vui đều có thật.*

Thuở xưa, trong khi thuyết pháp Đức Phật có nói đến ba cõi sáu đường cùng các thế giới tinh uế. Về tam giới lục đạo, vì mục đích để chỉ cho đồ chúng biết những nhân-quả thiện ác, Đức Phật duy nói khái lược những điểm chánh yếu không phân tích tỉ mỉ như các nhà khoa học hiện nay. Vì vậy dù dày công khảo cứu kinh Phật, cũng khó mà biết một cách tinh vi về sự an lập và vận chuyển của các thế giới. Bản tánh người Đông-phương phần nhiều thích đi sâu về huyền lý, không quan thiết lắm với thời gian, không gian. Còn người Tây-phương thì lịch sử, địa dư, nhất nhất đều phải rành rẽ. Tuy nhiên, người học Phật không thể không biết qua thế-giới-quan của đạo Phật, dù rằng biết một cách sơ lược. Vì mục đích trên, trong bản chương, bút giả cố gắng sưu khảo các Kinh-luận, để lược trình về điểm này.

Tiết I: Tiểu Thế Giới

1. Chủ thuyết: Giữa thời khoa học, nói đến thế-giới-quan của đạo Phật, các học giả Phật-giáo không khỏi sanh quan niệm hoài nghi, vì trong vấn đề này, Phật-giáo và khoa học có đôi điểm sai khác. Có kẻ đã ngờ rằng: hoặc giả Đức Thích-Ca muốn thỏa mãn lòng ước vọng của môn đồ, hay muốn tránh lỗi “thế gian tương vi” theo Nhân-minh-học, nên mới đem cổ thuyết về thế-giới-quan của Bà-La-Môn giáo làm của Phật-giáo. Nhưng theo sự nghiên cứu và so sánh gần đây của Diễn-Bồi pháp sư trong quyển Tiểu-Thừa-Phật-Giáo-Tư-Tượng-Luận, thì thế-giới-quan của Bà-La-Môn-giáo cho đến Kỳ-Na-

giáo, đều khác xa với Phật-giáo. Thế thì ức thuyết trên hoàn toàn không đúng.

Riêng Mộc-Thôn-Thái-Hiền, một học giả Nhật-Bản lại bảo: “Thỉ chung Đức Phật vẫn từ chối nói về thế-giới-quan, vì vấn đề ấy không cấp thiết, con người phải nghĩ ngay đến nỗi khổ thân tâm hiện tại mà sớm tìm cách đoạn trừ. Vậy thế-giới-quan trong kinh A-Hàm, có lẽ do người sau đặt ra, để làm thỏa mãn một tin tưởng thần thoại hay lòng hiếu kỳ nào đó của người học Phật”. Theo bút giả, luận thuyết này không khỏi có tánh cách hàm hồ, bởi hai lẽ:

a). Thế-giới-quan của đạo Phật không phải chỉ có nói trong kinh A-Hàm, mà rất nhiều Kinh-luận Đại, Tiểu-thừa đều đề cập đến.

b). Đoạn thuyết pháp mà Mộc-Thôn-Thái-Hiền ám chỉ, là Đức Phật muốn ngăn quan niệm vắn vơ của một vị tỳ-khưu trước kia nguyên gốc người ở phái Anatanantika, chuyên thảo luận về thế-giới hữu hạn hay vô hạn, hữu biên hay vô biên. Vậy không nên đem câu chuyện tùy cơ giáo hóa riêng cho một cá nhân, mà gán ép rằng: đó là ý tưởng chung, không xê dịch, trong một đời thuyết pháp của Phật.

Theo bút giả, khi xét về vấn đề thế-giới-quan của Phật-giáo, ta nên thận trọng trong ba điểm:

a. Chớ một mặt theo lòng tin tưởng của mình: Đức tin cố nhiên là điều rất tốt cho người học đạo, nhưng lòng tin luôn luôn phải dung hòa với lý trí. Nếu nghe đâu tin đó, tất dễ bị lạc lầm. Điểm này chính Đức Phật cũng có đem khuyên răn các đệ-tử.

b. Đừng quá chấp nê theo lý trí: Lý trí là một hướng dẫn tinh thần tốt trên đường đời cũng như đường đạo. Nhưng ta chớ quên rằng lý trí con người vẫn ở trong phạm vi hữu hạn, theo sự thấy biết hay dự đoán của giác quan. Một thí dụ gồm cả chứng minh hiện thật: Như khi xưa vua Tụ-Đức và triều thần, vì chưa tiếp xúc với nền văn minh Âu-Tây, nên khi nghe cụ Phan-Thanh-Giản đi Pháp về, nói có thứ đèn không đốt mà cháy, xe thuyền không có ngựa kéo, người bơi, hoặc trương buồm mà vẫn chạy được; ai nấy đều cho là vô lý, là đi xa về kiếm chuyện nói dối. Cho đến cụ Nguyễn-Tri-Phương là một bạn đồng liêu thân nhất của cụ Phan, cũng một mực lắc đầu không tin. Thế thì nếu căn cứ nơi lý trí của mấy vị ấy, đèn điện, xe hơi, tàu thủy không có hay sao?

Còn một điều không đáng tin nơi giác quan của chúng-sanh, mà Đức Phật gọi đó là “Biệt-nghiệp-vọng-kiến”. Thí dụ: người bị bệnh nóng sảng sốt, nhìn lên mái nhà thấy mấy cây đòn tay tưởng là những con rắn lẳng quăng; biệt-nghiệp-vọng-kiến của chúng-sanh cũng như thế, loài người thấy chất ở dưới sông là nước, các thủy tộc thấy đó là nhà cửa, chư thiên nhìn ra là lưu ly, Ngạ-quỷ thấy là một vùng máu lửa. Có được sự thấy xác đáng nhất, âu chỉ là chư Phật. Kinh Pháp-Hoa nói: “Bất như tam giới kiến ư tam giới chi tướng, Như-Lai tri kiến vô hữu thác mậu”. Câu này có nghĩa: “Cái thấy tam giới của Như-Lai; không phải lầm lạc như cái thấy tam giới của chúng-sanh”. Dẫn ra lời này dường như hơi xa vấn đề, nhưng để cho chúng ta đừng vội tự hào rằng lý trí của mình luôn luôn là đúng, và đừng đem tâm hiểu biết của phàm-phu mà trắc lượng, phê bình sự hiểu biết của hiền-thánh. Cho nên trong kinh có đoạn Phật bảo: “Phải suy xét kỹ, đừng vội tin một lời gì, dù người ta bảo đó là

lời của Như-Lai nói”. Nhưng cũng có đoạn Phật bảo: “Phải tin nơi lời thành thật chắc chắn của Như-Lai, vì cảnh giới này không phải là sức các người có thể hiểu biết được”. Ta nên suy gẫm lại điểm ấy.

c. Không nên cực đoan y cứ theo khoa học: Xin lập lại, đây không phải ý nghĩa phủ nhận khoa học, mà là một cảnh giác nhắc ta nên dè dặt, đừng chấp nhận khoa học theo lối cực đoan. Vì dù sao, khoa học vẫn còn ở trên con đường suy luận, chưa đi đến chỗ kết luận. Đã có vài nhận định, trong thời gian quá khứ khoa học cho là đúng, nhưng trong hiện tại nó đã thành sai. Theo đó suy ra, việc này là xác thật ở hiện kim, biết đâu tương lai nó lại chẳng có thể hóa nên lầm lạc? Như trước kia người kia bảo trái đất vuông, bây giờ nó chẳng phải vuông mà là tròn, có thể mai sau nó sẽ thành hình méo. Hoặ như mặt trời người ta vẫn cho là định tinh, nhưng gần đây một vài nhà khoa học lại bảo rằng nhật cầu có sự xê dịch. Sở dĩ bút giả nêu lên điểm này, vì nhận thấy trước trào lưu văn minh mới đa số người Đông-phương cho cái gì của Tây-phương cũng là hay mà quên cái hay cố hữu của mình, cái gì của khoa học cũng là đúng, mà không xét kỹ xem nó có phải thật đúng hay không? Do đó, mới ghi ra đây một cảnh giác dè dặt như thế thôi.

Dung hội ba điểm trên để xét qua vấn đề thế-giới-quan của Phật-giáo, ta có thể ước lượng như sau: có lẽ một ít chi tiết về thế-giới-quan của Phật-giáo là sai lạc, chẳng hạn như trong một việc mà các Kinh-luận nói khác nhau, nhưng phần chánh yếu như các cõi trời, tứ-đại-bộ-châu, địa-ngục, thì quyết nhiên có thật vì các kinh lập luận tương đồng. Thí dụ như Hương-thủy-hải là có, nhưng kinh Khởi-Thế-Nhân-Bản nói biển Hương-thủy ngoài núi Tu-Di bề ngang rộng 84.000 do-tuần. Luận Câu-

Xá nói rộng 80.000 do-tuần. Hoặc như tứ-đại-bộ-châu có thể là bốn quả địa cầu như nhật cầu, nguyệt cầu chẳng hạn, nhưng có lẽ vì muốn giản dị hóa cho người thời bấy giờ dễ hiểu, hay vì lý do khoa học thuở xưa chưa được tinh minh, nên người ghi chép diễn tả một hòn đảo. Phần chi tiết có lẽ sai là thế, còn phần chánh yếu thì chung vẫn là đúng. Sự đúng này căn cứ nơi trí-lượng, hiện-thật-lượng và thánh-ngôn-lượng mà quyết đoán, tuyệt không phải lời nói mơ hồ. Dù sao, bản ý của bút giả chẳng qua chỉ muốn ghi lại nơi đây một khái niệm về thế-giới-quan của Phật-giáo vậy. Vì phạm vi của bài có hạn, cũng đề khởi đi xa vấn đề xin miễn giải thích về ba lượng đã nói, mong gặp lại một dịp khác. Kế đây, xin tiếp nói lược qua về tiểu-thế-giới.

2. Khái luận: Theo học thuyết cổ Bà-La-Môn-giáo, đại khái thế gian chia làm ba cõi là: Địa-giới, Không-giới và Thiên-giới. Trong Phật-giáo cũng có nói đến ba cõi nhưng khác hơn, ấy là Dục-giới, Sắc-giới và Vô-sắc-giới. Bà-La-Môn-giáo cho rằng thế-giới này do Phạm-Thiên tạo thành, từ lúc khởi nguyên cho đến khi diệt tận đều do thần quyền làm chủ. Trái lại Phật-giáo không quan niệm như thế. Theo thế-giới-quan đạo Phật, thì các cõi từ sự thành lập, biến diệt đến tương khổ vui, xấu đẹp, đều do nhân duyên, nghiệp lực của chúng-sanh.

Lập trường của A-Tỳ-Đạt-Ma, Phật-giáo nhìn ba cõi trên phương diện vật lý. Vì thế, trong vấn đề hiện-tượng-luận của thế-giới, học thuyết này không đề cập đến cõi Vô-sắc, bởi cõi ấy hoàn toàn thoát ly mọi quan hệ về vật chất. Được nói đến trong Thế-Giới-Hiện-Tượng-Luận, chỉ có Dục-giới và Sắc-giới. Trong một Tiểu-thế-giới, núi Tu-Di là trung tâm điểm. Về trục độ, trên từ trời Tha-Hóa-Tự-Tại cho đến phong-luân. Về

hoành-độ thì có cõi Lục-Dục, chín lớp núi, tám lớp biển, mặt trời mặt trăng, bốn đại-châu và địa-ngục. Quả đất của chúng ta đang ở chỉ là một châu trong bốn châu của Tiểu-thế-giới mà thôi.

Tiết II: Ba Luân Bao Bọc

Tiểu-thế-giới được ba lớp bao bọc. Lớp nhất ở trong gọi là Kim-luân (lớp cứng chắc), bề thâm hậu 3 lạc-xoa 20000 du-thiện-na, bề rộng 12 lạc-xoa 3.450 du-thiện-na. (Mỗi lạc-xoa là một ức, số ức thời xưa có bốn bậc: 100.000, 1.000.000, 10.000.000, 100.000.000 du-thiện-na (yojana) tức do-tuần, do-tuần cũng có ba bậc: 16 dặm, 30 dặm, 60 dặm). Ngoài Kim-luân, có lớp thứ hai gọi là Thủy-luân, bề thâm hậu 8 lạc-xoa du-thiện-na, bề rộng cũng 12 lạc-xoa 3.450 du-thiện-na. (Thủy luân khi còn là hơi nước, chưa bị gió thổi đọng lại, bề thâm hậu đến 11 lạc-xoa 20.000 du-thiện-na). Do nghiệp lực của chúng-sanh, nước không tan rã như thức ăn, khi chưa tiêu không sa vào thực tạng. Ngoài Thủy-luân, có lớp thứ ba là Phong-luân, bề thâm hậu 16 lạc-xoa du-thiện-na, bề rộng có vô số du-thiện-na. Ngoài Phong-luân lại có hư không rộng rãi vô biên tế. Kim-luân an trụ nơi Thủy-luân, Thủy-luân an trụ nơi Phong-luân, Phong-luân an trụ nơi hư không. (Trích luận Câu-Xá, theo các Kinh-luận khác như Trường-A-Hàm-Kinh, Khởi-Thế-Kinh, Khởi-Thế-Nhân-Bản-Kinh, Lâu-Thán-Kinh, Lập-Thế-A-Tỳ-Đàm-Luận, thì có chỗ lại thêm vào Địa-luân, về bề thâm hậu cùng bề rộng của mỗi luân có đôi chút sai khác).

Tiết III: Chín Núi Tám Biển

Một Tiêu-thế-giới có một núi Tu-Di làm trung tâm điềm; đó là lớp núi thứ nhất. Núi Tu-Di (Sumeru - Diệu-Cao-Son) an trụ nơi Kim-luân, hình thể trên dưới rộng ra, khoảng giữa eo lại, bề cao từ mặt nước trở lên 80.000 do-tuần (có chỗ nói 84.000 do-tuần). Ngoài núi Tu-Di có một vòng biển nước thơm gọi là Hương-thủy-hải, chiều ngang cũng rộng 80000 do-tuần. Kế biển này đến lớp núi thứ hai là Trì-Song-Son (Du-Kiên-Đạt-La - Sudassana), bề cao từ mặt nước trở lên 40.000 do-tuần, ngoài có một vòng Hương-thủy-hải bao bọc, chiều ngang rộng 40.000 do-tuần. Kế biển này đến lớp núi thứ ba là Trì-Trục-Son (Y-Sa-Đà-La - Isadhara) bề cao từ mặt nước trở lên 40.000 do-tuần, ngoài có một vòng Hương-thủy-hải bao bọc, chiều ngang cũng rộng 20.000 do-tuần. Kế biển này đến lớp núi thứ tư là Chiêm-Mộc-Son (Khê-Địa-Lạc-Ca - Nemindhara), bề cao từ mặt nước trở lên 10.000 do-tuần, ngoài có một vòng Hương-thủy-hải bao bọc, chiều ngang cũng rộng 10.000 do-tuần. Kế biển này đến lớp núi thứ năm là Thiện-Kiến-Son (Tô-Đạt-Lê-Xá-Na - Assakanna), bề cao từ mặt nước trở lên 5.000 do-tuần, ngoài có một vòng Hương-thủy-hải bao bọc, chiều ngang cũng rộng 5.000 do-tuần. Kế biển này đến lớp núi thứ sáu là Mã-Nhĩ-Son (Ngạch-Phạ-Yết-Noa - Karavika), bề cao từ mặt nước trở lên 2.500 do-tuần, ngoài có một vòng Hương-thủy-hải bao bọc, chiều ngang cũng rộng.

Như thế có tất cả chín lớp núi, tám lớp biển. Núi Tu-Di do bốn chất báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê hợp thành. Bảy lớp núi kế gọi là Thất-Kim-Son, đều do chất vàng tạo thành. Núi Thiết-Vi do chất sắt tạo thành. Tu-Di-Son là chỗ chư thiên, chư thần ở. Thất-Kim-Son là chỗ chư thiên thần và ngũ-thông-tiên-nhơn

ở. Thiết-Vi-Son là chỗ của chúng Nga-quỷ, Địa-ngục ở. Chín lớp núi đều an trụ trên Kim-luân và chiều sâu từ mặt nước trở xuống đều 80000 do-tuần, chu vi của mỗi núi bằng bề cao từ mặt nước trở lên. Tám lớp biển đều sâu 80000 do-tuần. Bảy biển trước gọi là nội hải, đầy đầy nước Bát-công-đức ngọt thơm; một biển sau gọi là ngoại hải, thuộc về vùng nước mặn. Thế nào là Bát-công-đức-thủy của Hương-hải? Ấy là thứ nước có tám đặc tánh: ngon ngọt, mát mẻ, trong sạch, nhu nhuyễn, nhẹ nhàng, trơn nhuận, thơm tho không mùi hôi, uống vào trừ đói khát và bình hoạn, uống vào có thể trường dưỡng các căn (theo các Kinh-luận khác, chiều rộng của mỗi biển, và chiều sâu của mỗi núi từ mặt biển trở xuống có hơi sai biệt).

Tiết IV: Bốn Đại Bộ Châu

Bốn đại-bộ-châu vị trí ở vào vùng biển thứ tám là Đại-Hàm-Thủy-hải.

Phía nam núi Tu-Di là phương vị của Nam-Thiệm-Bộ-Châu. Châu này cũng có tên là Diêm-Phù-Đề (Jambudvika), vì ở phương bắc của bản châu có thứ cây Diêm-phù, dưới cây ấy có chất vàng rất quý tên là Diêm-phù-na-đàn (Thắng-kim). Hình thế châu Nam-Thiệm-Bộ phương bắc rộng, phương nam hẹp, chu vi độ 7000 du-thiện-na, xung quanh có hai trung-châu và nhiều tiểu-châu.

Phía đông núi Tu-Di là Đông-Thắng-Thần-Châu. Châu này tiếng Phạm gọi là Tỳ-Đề-Ha hay Phát-Bà-Đề (Purvavidela - Thắng-Thần). Châu Thắng-Thần hình bán nguyệt, phương

đông hẹp, phương tây rộng, chu vi độ 9000 du-thiện-na, xung quanh có hai trung-châu và nhiều tiểu-châu.

Phía tây núi Tu-Di là châu Cù-Đà-Ni (Aparagodaniya), cũng gọi là Ngu-Hóa-Châu. Nhân dân ở châu này dùng trâu, bò, ngựa, châu báu, để mua bán, đổi chác vật dụng cho nhau, nên do đó mà được mệnh danh (Ngu-Hóa). Lập-Thế-Luận thì cho rằng ở châu này có một quả núi rất to, hình giống như con trâu, vì thế nên được gọi là Cù-Đà-Ni. Tây-Ngu-Hóa-Châu địa hình như mặt trăng tròn, chu vi độ 8000 du-thiện-na, xung quanh có hai trung-châu và nhiều tiểu-châu. Phía bắc núi Tu-Di là Bắc-Câu-Lư-Châu, cũng gọi là Uất-Đan-Việt (Uttara - Kuru - Tỏi-Thắng). Cảnh sắc và nhơn vật ở châu này đều hơn ba châu kia. Về y-báo thì tại bản châu non sông tú lệ, cây cỏ thanh u, nhiều hồ ao trong mát, hoa quả đủ màu sắc tốt tươi. Các loài chim như bạch nga, hồng, nhạn, oan ương kêu hót giao hòa khắp nơi. Khí hậu quanh năm mát mẻ trong lành; không có gai góc cùng loài ruồi, muỗi, độc trùng; các thứ gạo thơm tự nhiên sanh ra, đầy đủ vị ngon. Về chánh-báo thì loài người ở đây toàn là giống da trắng, khỏe mạnh sống lâu, thân hình cao lớn xinh đẹp. Khi muốn ăn, họ lấy gạo thơm để trong bảo khí, phía dưới đặt hạt châu Diệm-Quang-Ma-Ni, trong giây phút ánh sáng hạt châu tắt là gạo đã chín. Lúc muốn cần dùng y phục, vật dụng, họ đến cây Hương-thọ hái trái chín, trái này tự nứt ra, trong ấy có đủ y phục tốt đẹp, hoặc đồ dùng, hoặc thức ăn. Muốn nghỉ mát, họ đến dưới cây Khúc-cung, cây này cành lá dày nhạt xanh tươi, nắng mưa không lọt, có thể nằm ngủ ở dưới mà không lo ngại. Muốn dạo chơi, họ xuống bảo thuyền bơi nhẹ theo sông hồ, đề huề đàn sáo, khúc ca tiếng nhạc hòa điệu lẫn nhau, âm thanh du dương trong trẻo nhiệm

màu. Khi vậy đoàn tắm gội, họ xếp y phục để trên mé hồ, ai lên trước cứ gập cái nào mặc ngay cái ấy, không cần tìm chọn đồ của mình, mặc xong cũng hóa vừa vặn xinh đẹp như y phục cũ. Người ở Bắc-Câu-Lư-Châu hình mạo đều đồng, không có tật bệnh, tóc chỉ rủ xuống tới chân mày, màu xanh biếc. Lúc nghĩ đến sự dục lạc, người nam chăm chú nhìn người nữ; nếu bên nữ đồng ý, thì đem nhau đến vườn cây. Như nữ hơn với nam hơn vốn là người thân thuộc thì cây Khúc-cung không phủ xuống, mỗi bên tự tản đi. Nếu không phải người trong thân, tự nhiên cây phủ xuống chụp úp kín đáo, hai bên tùy ý ân ái từ một ngày đến bảy ngày rồi phân tán. Người nữ mang thai độ bảy tám ngày liền sanh. Lúc sanh ra, dù là trai hay gái, cũng đem để ở ngã tư đường; mỗi người đi qua đều đến đưa ngón tay vào miệng đứa bé, từ trong ngón tay tuôn ra chất sữa ngọt, hài nhi được no đủ. Như thế đến ngày thứ bảy, đứa bé cao lớn như thường hơn, con trai thì đi theo đoàn người nam, con gái đi theo đoàn người nữ. Đất ở châu này nhu nhuyến, dân chúng khi đi, chân đạp đến đâu đất nơi ấy tự êm dịu bằng phẳng. Lúc người đại tiểu tiện, đất tự nứt ra, khi xong rồi, cũng tự khép lại. Hơn dân ở châu Uất-Đan-Việt thọ lượng đều đúng 1.000 tuổi, nên khi chết không ai khóc lóc tang điệu. Kẻ chết được đồng bọn gói gắm kỹ, đem để nơi đường vắng. Liền đó có loại chim to lớn tên là Ưu-Uất-Thiên-Già gặp thấy đem đi xa bỏ nơi khác. Chúng-sanh ở nơi đây sở dĩ được phước báo như thế, là do vì đời trước có tu Thập-thiện nghiệp.

Châu Bắc-Câu-Lư hình vuông, chu vi độ 10.000 do-tuần, xung quanh có hai trung-châu và nhiều tiểu-châu.

Các Kinh-luận đều nói, hình dáng của châu nào ra sao, thì khuôn mặt của dân chúng châu đó cũng như thế ấy. Như người

ở Nam-Thiệm-Bộ-Châu, khuôn mặt phần nhiều trên lớn dưới nhỏ. Người ở Đông-Thắng-Thần-Châu khuôn mặt tương tự hình bán nguyệt. Người ở Tây-Ngưu-Hóa-Châu khuôn mặt như trăng tròn. Người ở Bắc-Câu-Lư-Châu khuôn mặt hơi vuông.

Tiết V: Địa Ngục

Lập thuyết Địa-ngục của Phật-giáo, từ tư tưởng sơ kỳ đến tư tưởng chung cuộc được trình bày qua các Kinh-luận như: Kinh Tăng-Nhất-A-Hàm, Kinh Trung-A-Hàm (Ba-ly), Kinh Bản-Sanh, Kinh Trường-A-Hàm, Luận Lập-Thế-A-Tỳ-Đàm, Luận Thế-Gian-Thi-Thiết, Luận Câu-Xá, Luận Du-Già-Sư-Địa.

Xứ sở và số lượng của Địa-ngục, tiết Thất-thứ nơi chương một của bản thiên đã có nói lược qua. Về vấn đề ngục-tốt, các luận-sư của Đại-Chúng-bộ, Chánh-Lượng-bộ cho là thuộc về loại hữu-tình, nhưng bên Hữu-bộ và Kinh-Lượng-bộ lại chỉ định là đại chủng biến hình của nghiệp ác. Duy-Thức-Nhị-Thập-Tụng-Thuật-Ký của Đại-thừa cũng đồng ý với lập luận sau. Đến như thuyết Diêm-Ma-Pháp-Vương thì kinh Trường-A-Hàm và luận Lập-Thế-A-Tỳ-Đàm đều quy thuộc về Quỷ-thần loại, có phận sự răn trách xử phạt tội nhơn.

Trở lại vấn đề Địa-ngục, xin y theo Câu-Xá-Luận, lược thuật hai chủng loại hàn, nhiệt của Nại-lạc-ca. Về nhiệt ngục từ kinh đến trọng có tám thứ: 1. Đẳng-Hoạt (Cánh-hoạt). 2. Hắc-Thằng. 3. Chúng-Hiệp. 4. Hiền-Kiểu (Kiểu-Hoán). 5. Đại-Hiền-Kiểu (Đại-Kiểu-Hoán). 6. Viêm-Nhiệt. 7. Cực-Nhiệt. 8. Vô-Gián.

Hàn-ngục cũng có tám thứ khinh trọng: 1. Ân-Phù-Đà (Nhục-Đoạn). 2. Ni-Lại-Phù-Đà (Bào-Đổng). 3. A-Tra-Tra (Ha-Ha). 4. A-Ba-Ba (Nại-Hà). 5. Ấu-Hầu-Hầu (Dương-Minh). 6. Ưu-Bát-La (Thanh-Liên). 7. Ba-Đầu-Ma (Xích-Liên). 8. Phân-Đà-Lợi (Bạch-Liên).

Mỗi ngục trên đây đều có 16 ngục phụ, như thế kể cả bản ngục và phụ ngục của hai loại hàn nhiệt, tất cả có 272 ngục. Ngoài phụ ngục còn có nhiều tiểu ngục, ngoài tiểu ngục lại có vô số biên ngục. Đại khái, chúng-sanh nào tạo thập-ác thuộc về phẩm thượng thượng, sẽ bị đọa vào chánh ngục; chúng-sanh nào tạo thập-ác thuộc về phẩm thượng trung, sẽ bị đọa vào phụ ngục; chúng-sanh nào tạo thập-ác thuộc về phẩm thượng hạ, sẽ bị đọa vào tiểu ngục, biên ngục. Các ngục sở do đồng, sắt hoặc đá tạo thành, những hình cụ trong ấy nhiều đến vô lượng. Tất cả đều bởi nghiệp ác của chúng-sanh mà huyễn hiện.

Tiết VI: Thiên Xứ Ở Núi Tu Di

1. Tứ-vương và tùy thuộc: Như trên đã nói, núi Tu-Di bề cao từ mặt nước trở lên được 80.000 do-tuần, hình thể khoảng giữa eo lại, trên dưới rộng ra. Chu vi của hai đầu trên dưới đều 80.000 do-tuần. Từ mặt nước lên đến giữa núi Tu-Di có bốn tầng cấp, mỗi tầng cấp cách nhau 10.000 do-tuần. Tầng cấp thứ nhất bao vòng quanh núi, de rộng ra ngoài 16.000 do-tuần. Đây là chỗ ở của thần Kiên-Thủ. Tầng cấp thứ hai bao vòng quanh núi, de rộng ra ngoài 8.000 do-tuần. Đây là chỗ ở của thần Trì-Hoa-Man. Tầng cấp thứ ba bao vòng quanh núi, de rộng ra ngoài 4.000 do-tuần. Đây là chỗ ở của thần Thường-Phóng-Dật

(Hằng-Kiều-Dược-Xoa). Ba xứ sở này là nơi ở các thần dưới quyền thống lãnh của Tứ-Thiên-Vương. Tầng cấp thứ tư bao vòng quanh núi, de rộng ra ngoài 2.000 do-tuần. Đây là trụ xứ của bốn vị thiên-vương, gọi là Tứ-Thiên-Vương (Càturmahàràjakàyika).

Tứ-Thiên-Vương thống lãnh chư thần ủng hộ bốn đại-bộ-châu. Phương đông, giữa chừng núi Tu-Di, là chỗ ở của Đề-Đầu-Lại-Tra thiên-vương (Trì-Quốc thiên-vương) và chư thiên tùy thuộc. Đề-Đầu-Lại-Tra thiên-vương thống lãnh các Quỷ-thần Càn-Thát-Bà và Tỳ-Xá-Xà, ủng hộ Đông-Thắng-Thần-Châu. Thiên-xứ này thuộc về vùng bạch ngân cung điện phần lớn đều bằng chất bạc trắng, có một khu thành to rộng gọi là Thượng-Hiền. Phương nam giữa chừng núi Tu-Di, là chỗ ở của Tỳ-Lưu-Lạc-Xoa thiên-vương (Tăng-Trưởng thiên-vương) và chư thiên tùy thuộc. Tỳ-Lưu-Lạc-Xoa thiên-vương thống lãnh các Quỷ-thần Cưu-Bàn-Trà và Tịch-Hiệp-Đa, ủng hộ Nam-Thiệm-Bộ-Châu. Thiên-xứ này thuộc về vùng thanh lưu ly, cung điện phần lớn đều bằng chất lưu ly xanh, có một khu thành to rộng gọi là Thiệm-Kiến. Phương tây giữa chừng núi Tu-Di, là chỗ ở của Tỳ-Lưu-Bác-Xoa thiên-vương (Quảng-Mục thiên-vương) và chư thiên tùy thuộc. Tỳ-Lưu-Bác-Xoa Thiên-vương thống lãnh các Long thần và quỷ Phú-Đơn-Na, ủng hộ Tây-Ngưu-Hóa-Châu. Thiên-xứ này thuộc về vùng hoàng kim, cung điện phần lớn đều bằng chất vàng ròng, có một khu thành to rộng gọi là Châu-La. Phương bắc giữa chừng núi Tu-Di, là chỗ ở của Tỳ-Sa-Môn thiên-vương (Đa-Văn thiên-vương) và chư thiên tùy thuộc. Tỳ-Sa-Môn thiên-vương thống lãnh các Quỷ-thần Dạ-Xoa, La-Sát, ủng hộ Bắc-Câu-Lư-Châu. Thiên-xứ này thuộc về vùng thủy tinh, cung điện phần

lớn đều bằng chất thủy tinh, có ba khu thành to rộng tên là: Khả-Úy, Thiên-Kính, và Chúng-Quy. Tứ-Thiên-Vương mỗi vị đều có tám viên đại tướng, chín mươi một người con. Theo Trí-Luận thì các thần núi, sông, đất, rừng, cây, thành quách, cung điện.... tất cả Quỷ-thần đều thuộc về quyền thống nhiếp của Tứ-Đại-Thiên-Vương.

2. Tam-thập-tam-thiên: Trên đỉnh núi Tu-Di là xứ sở của trời Đao-Lợi (Tra yastrimsá - Tam-thập-tam-thiên). Nơi đây địa thế rộng rãi tốt đẹp. Ở bốn góc trên đỉnh núi Tu-Di có bốn tòa núi nhỏ, bề cao và rộng đều 500 do-tuần, có thần Dược-Xoa tên là Kim-Cương-Thủ trụ nơi đây để tuần thị và hộ vệ chư thiên.

Chính giữa đỉnh Tu-Di có khu thành rộng lớn, bề chu vi 10.000 do-tuần, tên là Diệu-Kiến (Thiện-Kiến, Hỷ-Kiến), có 1.000 cửa. Giữa khu thành này lại có một tòa thành quách chu vi rộng 1.000 do-tuần, cao một do-tuần rưỡi, toàn bằng chơn kim, có 500 cửa. Đất nơi đây cũng bằng chất chơn kim nhu nhuyến như nệm, khi bước đi tự nhiên êm dịu không làm tổn chân. Chỗ này là thành đô của trời Đế-Thích, lầu các nguy nga tráng lệ, nghiêm sức bằng các thứ tạp bảo. Điện của trời Đế-Thích ở tên là Tỳ-Thiên-Diên, xung quanh có 101 tòa lầu các gồm 10.770 phòng, mỗi phòng có bảy thiên-nữ, mỗi thiên-nữ có bảy thể nữ hầu hạ. Các thiên-nữ đó đều là chánh phi của trời Đế-Thích. Đế-thích ở chung với Xá-Chỉ-Ngọc-Nữ, hóa thân của ông ở với các bà phi.

Khoảng giữa thành Diệu-Kiến và Tỳ-Thiên-Diên có bảy khu thị tứ là: Mễ-Cốc, Âm-Thực, Y-Phục, Chúng-Hương, Hỷ-Nữ, Công-Xảo, Hoa-Man. Tại bảy nơi đây đều có thị quan. Các

thiên-tử, thiên-nữ khi đến du ngoạn, cũng bình luận món này món khác là đắt hay rẻ, y như cách thức mậu dịch, nhưng không ai bán cũng chẳng ai mua, thỉnh thoảng vị nào muốn cần dùng món gì, có thể tự tiện lấy đem đi. Trong thành Diệu-Kiến lại có thiên châu, thiên huyện, thiên thôn, đầy khắp các nơi.

Xung quanh thành Diệu-Kiến có 32 thiên-xứ, mỗi nơi do một vị thiên chủ quản trị. Ba mươi hai thiên-xứ này với trung đô của Đê-thích, hợp lại 33 thiên-xứ, nên gọi là Tam-thập-tam-thiên.

Ngoài bốn phía thành Diệu-Kiến, có bốn đại viên uyển; vườn Chúng-Xa ở phương đông, vườn Thô-Sáp ở phương nam, vườn Táp-Lâm ở phương tây, vườn Hoan-Hỷ ở phương bắc. Khi chư thiên vào vườn Chúng-Xa, tùy nơi phước đức hơn kém, các thứ xe hoặc thăng hoặc liệt đều hiện ra, mỗi vị đều lên ngôi cỗ xe của mình mà dạo chơi. Lúc chư thiên sắp đánh với A-tu-la, liền kéo nhau vào vườn Thô-Sáp, nơi đây các món giáp trượng tự hiện ra. Cảnh vườn này rất tươi đẹp, chư thiên khi vào du ngoạn tranh nhau đi trước, đi sau. Vườn Táp-Lâm là nơi có nhiều cung điện, rừng cây u nhã, các thể nữ ở cung Tỳ-Thiên-Diên thường ra đây họp bạn với thiên chúng mà chơi đùa, thọ đủ năm sự dục lạc. Vườn Hoan-Hỷ có một cảnh sắc đặc biệt, chư thiên vào đây đều sanh lòng hơn hờ tươi vui. Mỗi khu vườn, bốn góc có bốn hồ Như-Ý, mỗi hồ chu vi rộng 50 do-tuần, trong ấy đầy đầy nước Bát-công-đức. Các thứ hoa trong mỗi hồ tranh nhau đua nở, phô trương vẻ đẹp thần tiên. (Theo các vị A-la-hán sau Phật diệt độ, thì ở bốn khu vườn đều có bảo tháp thờ di tích của Phật. Như ở vườn Chúng-Xa có khu tiểu viên tên là Chiếu-Minh, nơi đây có tháp thờ tóc Phật.

Vườn Thô-Sáp có tháp thờ y của Phật. Vườn Tạt-Lâm có tháp thờ bát của Phật. Vườn Hoan-Hỷ có tháp thờ răng của Phật).

Phía đông bắc thành Diệu-Kiến, có cây Ba-lợi-chất-đa (Paricitra - Hương-biến-thọ) cao 100 do-tuần, tàng rậm cũng 100 do-tuần, như chiếc tán to lớn, đây là một thắng sở du ngoạn của chư thiên. Cây này hoa nở liên miên không dứt, mùi hương thanh nhẹ bay lan rộng xa, gặp khi thuận gió hơi thơm đầy khắp 100 do-tuần khi nghịch gió cũng được 50 do-tuần. Phía tây nam thành Diệu-Kiến, có ngôi Thiện-Pháp-Đường. Ngôi điện này rất to rộng, có đến 84.000 cây cột. Đây là chỗ chư thiên tập họp để bàn luận về đạo lý, xử đoán các việc phi pháp của A-tu-la, và kiểm soát những điều thiện ác trong thế gian. Khi tập họp, trời Đế-Thích ngồi tòa sư tử ở giữa, hai bên tả hữu đều có 16 thiên-vương ngồi đối diện nhau. Mỗi Thiên-vương có hai thái-tử cũng là hai vị đại tướng, ngồi hai bên ở sau mà tùy thị. Nơi vòng ngoài, Trì-Quốc thiên-vương cùng hàng đại-thần ngồi ở phía Đông, Tăng-Trưởng thiên-vương cùng tùy thuộc ngồi ở phía Nam, Quảng-Mục thiên-vương cùng tùy thuộc ngồi ở phía Tây, Đa-Văn thiên-vương cùng tùy thuộc ngồi ở phía Bắc. Tứ-Đại-Thiên-Vương đem việc thiện ác ở thế gian tâu với trời Đế-Thích. Nếu Thích-Đề-Hoàn-Nhân (Năng-Thiên-Chủ) nghe ở hạ giới không có nhiều kẻ giữ giới, bố thí, thì sanh lòng lo buồn và bảo: “Thiên chúng sẽ lần lần kém ít, các A-tu-la càng ngày lại tăng thêm!”

Nói chung, Tam-thập-tam-thiên có tất cả bảy lớp thành, bảy lớp lan can, bảy lớp linh võng (lưới có treo linh báu), phía ngoài lại có bảy lớp hàng cây Đa-la bao quanh, nhiều màu sắc xinh đẹp. Mỗi lớp thành có nhiều cửa, ở mỗi cửa cũng có lầu ngăn giặc. Ngoài ra còn những điện các, ao nước, rừng hoa,

những thứ chim hòa nhau kêu, thiên nhạc tự nhiên tấu theo giờ khắc. Màu sắc và ánh sáng của cây cối đều khác nhau. Nơi đây không có ánh sáng mặt trời mặt trăng, chỉ có quang minh của cung điện, bảo thọ và chư thiên. Khi hoa sen hồng khép lại, hoa sen xanh nở ra, thiên chúng ưa ngủ nghỉ là ban đêm. Lúc hoa sen hồng nở ra, hoa sen xanh khép lại, chư thiên ít ngủ, thích đi dạo chơi là ban ngày. Thiên chúng ở trời Đao-Lợi vui đấm theo dục lạc như quên mất thời gian, ca múa nói cười, dạo hết cảnh này lại kéo nhau du ngoạn cảnh khác.

Tiết VII: Không Cư Thiên

Các tầng trời y cứ nơi núi Tu-Di gọi là Địa-cư-thiên, vượt khỏi đảnh Tu-Di trở lên thuộc về Không-cư-thiên. Không-cư-thiên là những thiên-xứ rộng lớn hư phù giữa không gian như mây.

Từ cõi Đao-Lợi lên trên 160000 do-tuần, có một thiên giới lơ lửng như mây, do thất bảo nhu nhuyễn tạo thành, bằng phẳng an ổn, chu vi rộng 80000 do-tuần, cung điện lầu các, vườn cây ao hoa, tất cả đều trang nghiêm diễm lệ. Đây là cõi trời Dạ-Ma (Yàma - Tu-Diệm-Ma, Thời-Phận-Thiên). Từ trời Dạ-Ma lên trên cách 320000 do-tuần, có một thiên giới bằng thất bảo, lơ lửng như mây, chu vi rộng 160000 do-tuần. Đây là cõi trời Đâu-Suất-Đà (Tusita - Đô-Sử-Đa, Hỷ-Túc-Thiên). Từ trời Đâu-Suất lên trên cách 640000 do-tuần, có một thiên giới bằng thất bảo, lơ lửng như mây, chu vi rộng 320000 do-tuần. Đây là cõi trời Hóa-Lạc (Nirmànarati - Tu-Niết-Mật-Đà, Hóa-Tự-Lạc-Thiên). Từ cõi Hóa-Lạc lên trên cách 1.280.000 do-tuần, có

một thiên giới bằng thất bảo, lơ lửng trên mây, chu vi rộng 640000 do-tuần. Đây là cõi trời Tha-Hóa (Paranirmita - vàsavartin - Bà-Xá-Bạt-Đề, Tha-Hóa-Tự-Tại-Thiên), cũng là tầng trời cao nhất của Dục-giới. Trên đây là hiện tượng quen thuộc phạm vi một Tiểu-thế-giới. Từ cõi Dục trở lên, lại có bốn tầng thiên thiên của Sắc-giới, mỗi tầng khoảng cách nhau và bề rộng đều gấp bội. Duy có cõi Vô-sắc là không phương xứ. Về danh mục các cõi trời của Sắc và Vô-sắc-giới, trong chương một của bản thiên đã có nói rõ. Để tinh giảm bút mực và tinh thần, nơi đây xin miễn đề cập đến.

---o0o---

Cõi Đại Thiên Và Thời Kiếp

Tiết mục:

I. Đại-thiên-thế-giới

II. Kiếp lượng

III. Bốn giai đoạn của đại-kiếp

IV. Ba đại-kiếp của cõi Ta-Bà

Kinh sách tham khảo: *Hoa-Nghiêm-Sớ-Sao, Luận Tỳ-Bà-Sa, Kinh Kim-Quang-Minh, Luận Lập-Thế-A-Tỳ-Đàm, Luận Du-Già-Sư-Địa, Luận A-Tỳ-Đàm, Kinh Trường-A-Hàm, Kinh Trung-A-Hàm, Kinh Tăng-Nhất-A-Hàm, Kinh Khởi-Thế, Kinh Lôu-Thán, Luận Chánh-Lý, Luận Câu-Xá, Kinh Tam-Thiên-Phật-Danh, Từ-Ân-Kiếp-Chương, Phật-Tổ-Thống-Kỷ.*

Đề yếu: Trước đã nói về Tiểu-thế-giới, trong bản chương, tiết thứ nhất lại tiếp tục thuyết minh về phạm vi của các cõi: Tiểu-thiên, Trung-thiên và Đại-thiên. Tiết thứ hai phân biệt về kiếp lượng và các thời kiếp như: tăng-kiếp, giảm-kiếp, tiểu-kiếp, trung-kiếp, đại-kiếp. Thời kiếp có tăng, giảm, thịnh, suy, đều do nghiệp lực lành hoặc dữ của chúng-sanh. Như thuở xưa ở miền Hợp-Phố nước Trung-Hoa, khi quan tham ô đến cai trị, loài trai có ngọc đều xa lánh, lúc quan liêm chánh đến trấn nhậm thì chúng lại trở về. Cho nên thế gian tu thiện, tất mưa hòa gió thuận, châu báu xuất sanh; nhơn loại tạo ác, tất ngũ cốc mất mùa, thiên tai nổi dậy. Lý cảm ứng này không phải là điều huyền hoặc. Tiết thứ ba nói về bốn giai đoạn thành, trụ, hoại, không của đại-kiếp. Trong đây chỉ có kiếp-trụ là thời kỳ y-báo, chánh-báo ở thế gian thể hiện đầy đủ. Tiết thứ tư nói khái lược về sự ứng tích của chư Phật trong ba đại-kiếp: quá khứ, hiện tại, và vị lai.

Tóm lại, thế gian xấu, tốt, khổ, vui, đều do hạnh nghiệp của chúng-sanh. Muốn tạo nên hoàn cảnh tươi đẹp thanh bình, mọi người cần phải hướng về nẻo thiện.

Tiết I: Đại Thiên Thế Giới

Kể theo phần chánh yếu, Tiểu-thế-giới có một Lục-Dục-thiên, một nhật nguyệt, một núi Tu-Di và một Tứ-đại-châu. Một ngàn Tiểu-thế-giới hợp lại thành một Tiểu-thiên-thế-giới. Một ngàn Tiểu-thiên-thế-giới hợp lại thành một Trung-thiên-thế-giới. Một ngàn Trung-thiên-thế-giới hợp lại thành một Đại-thiên-thế-giới. Đại-thiên-thế-giới có nơi gọi là Tam-thiên-đại-thiên-thế-giới. Danh từ này chỉ cho Đại-thiên-thế-giới do ba lần

ngàn thế-giới kết hợp, chớ không phải có ba ngàn cõi Đại-thiên.

Hoa-Nghiêm-Sớ-Sao nói: “Về Tiểu-thiên-thế-giới, chỉ kể Sơ-thiên; về Trung-thiên-thế-giới, phải kể Nhị-thiên; về Đại-thiên-thế-giới, thì kể Tam-thiên”. Luận Bà-Sa nói: “Bề rộng của trời Sơ-thiên che bốn châu thiên hạ. Bề rộng của trời Nhị-thiên che một cõi Tiểu-thiên. Bề rộng của trời Tam-thiên che một cõi Trung-thiên. Bề rộng của trời Tứ-thiên che một cõi Đại-thiên”. Thế thì Tiểu-thiên-giới có 1.000 cõi Sơ-thiên, Trung-thiên giới có 1000 cõi Nhị-thiên, Đại-thiên giới có 1.000 cõi Tam-thiên. Xin nêu số lượng thống nhiếp của Tiểu, Trung, Đại-thiên-thế-giới theo biểu đồ như sau:

Xét qua Tam-tạng, ta thấy như kinh A-Hàm, luận Câu-Xá nói cõi Đại-thiên có 10.000 ức núi Tu-Di; kinh Quang-Minh, kinh Hoa-Nghiêm nói cõi Đại-thiên có 100 ức núi Tu-Di. Lại trong Kinh-luận có chỗ nói cõi Đại-thiên có 100 ức trời Tứ-thiên. Mới xem qua, dường như các Kinh-luận có sự bất đồng về số nhiều ít và lượng rộng hẹp, song kỳ thật không phải. Như trước đã nói số ức thời xưa có bốn bậc; kinh A-Hàm, luận Câu-Xá lấy số 100.000 làm ức, nên nói có 10.000 ức núi Tu-Di (1.000.000.000); kinh Quang-Minh, Hoa-Nghiêm lấy số 10.000.000 làm ức, nên nói có 100 ức núi Tu-Di (1.000.000.000), kỳ thật số lượng vẫn đồng. Còn luận thuyết cõi Đại-thiên có một cõi Tứ-thiên che phủ là nói về phần tổng, luận thuyết cõi Đại-thiên có 100 ức cõi Tứ-thiên là nói về phần biệt. Ví như có áng mây to rộng che phủ cả xứ; đứng về phương diện chung của một xứ, duy chỉ có một áng mây; nhìn về phương diện cá biệt của các tỉnh, quận, xã trong xứ thì có nhiều áng mây.

Lại theo các kinh như Kim-Quang-Minh, Lăng-Nghiêm, thì trên Sắc-giới có Tứ-không-thiên. Riêng kinh Hoa-Nghiêm lại nói: “Ước về xứ sở của Tứ-không, duy tới cõi Sắc-Cứu-Cánh là cùng cực; Tứ-không chẳng có phương sở, tùy xứ mà thọ quả, như ở Dục-giới đắc định thì thọ quả báo nơi cõi Dục, ở Sắc-giới đắc định thì thọ quả báo nơi cõi Sắc”. Hai thuyết trên dường như trái nhau, nhưng kỳ thật, cũng không trái. Luận-cứ của các kinh Kim Quang-Minh, Lăng-Nghiêm là nói về sự thọ báo trong quả, luận-cứ của kinh Hoa-Nghiêm nói về sự thọ báo trong nhân, thật ra vẫn có Tứ-không-thiên. Dẫn ra mấy điểm trên để nhắc cho chúng ta nên có ý niệm về những điều sai biệt trong kinh, phải tìm hiểu xem trong ấy nói ở phương diện nào, chớ vội chỉ định cho là sai lầm.

Tiết II: Kiếp Lượng

Danh từ “Kiếp”, Phạm-ngữ gọi kiếp-ba (kalpa), Trung-Hoa dịch là Trường-thời hoặc Đại-thời, chỉ cho thời gian quá dài, khó dùng năm tháng ngày giờ mà tính kể được. Nhưng “kiếp” trong Phật-giáo cũng có khi không nhất định. Theo luận Lập-Thế-A-Tỳ-Đàm, có trường hợp một tiểu-kiếp kể là một kiếp, hoặc hai mươi, bốn mươi, sáu mươi, tám mươi tiểu-kiếp kể là một kiếp. Ngoài ra lại còn có những thời kiếp như: bàn-thạch-kiếp, giới-tử-kiếp, hằng-sa-kiếp, vi-trần-kiếp, hải-kiếp... Bàn-thạch-kiếp là ví như có một tảng đá vuông, chu vi của bề mặt là 40 dặm, cứ mỗi trăm năm lấy cái áo rất nhuyễn nhẹ mà phát qua một lần, phát đến chừng nào đá mòn tan, kể là một kiếp. Giới-tử-kiếp là ví như có một vòng thành cao, chu vi bốn mươi dặm, trong ấy đổ đầy những hạt cải, cứ mỗi trăm năm lấy ra

một hạt cải, đến thời gian nào lấy hết số hạt cải, kể là một kiếp. Hằng-sa-kiếp là cát ở sông Hằng rất nhuyễn mịn và nhiều, cứ mỗi hạt cát kể là một đại-kiếp, tính hết tất cả số kiếp của cát sông Hằng, gọi là hằng-sa-kiếp. Vi-trần-kiếp là như đem đất của cõi Đại-thiên nghiền thành bụi nhỏ, mỗi hạt bụi kể là một đại-kiếp, gồm chung tất cả số kiếp của bụi đó, gọi là vi-trần-kiếp. Hải-kiếp là như nước tất cả biển của cõi Đại-thiên, cứ mỗi giọt nước kể là một đại-kiếp, tính hết số của bao nhiêu giọt nước những biển ấy, gọi là hải-kiếp. Kinh Hoa-Nghiêm nói: “Phật trong vô biên kiếp-hải xa. Vì độ chúng-sanh cầu giác đạo”. (Phật ư vô biên đại-kiếp hải. Vị chúng-sanh cố cầu bồ-đề). Tóm lại, riêng một phương diện, “kiếp” không có hạn kỳ nhất định, đại để chỉ cho ý nghĩa thời gian dài vô lượng năm.

Tuy nhiên, phương diện khác, “kiếp” cũng có thời hạn nhất định của nó như: giảm kiếp, tăng-kiếp, tiểu-kiếp, trung-kiếp, đại-kiếp.

1. Giảm-kiếp: Kiếp giảm lấy như thọ trong thời kỳ tiệm giảm làm hạn lượng. Thọ số của nhưn loại ở châu Diêm-Phù, mức cực cao là 84.000 tuổi. Từ 84.000 tuổi mỗi 100 năm giảm một tuổi, giảm đến chừng nào con người còn 10 tuổi là mức cuối cùng. Khoảng thời gian này kể là một giảm kiếp. Như thế một giảm kiếp tính ra có đến 8.399.000 năm $((84000-10) \times 100)$. Trong khi thọ lượng được 84.000 tuổi, con người cao 840 trượng, qua trăm năm giảm một tuổi, bề cao cũng thấp xuống một tấc, qua ngàn năm giảm 10 tuổi, bề cao thấp xuống một thước. Đến chừng nhưn loại còn 10 tuổi là thượng thọ, bề cao con người chỉ còn một thước. Trong kiếp giảm, ác nghiệp của nhưn loại càng ngày càng tăng, phước báo càng lúc càng kém. Như khi nhưn thọ 84.000 tuổi, do phước nghiệp tăng thạnh,

nên có bảy báu hiện ra, điềm lành tập hợp, năm vị ngon quý, người thần vui đẹp, mưa gió thuận thời, suối ngọt gạo thơm, dân chúng hiền lành, bậc thánh-vương trị nước. Lúc nhơn thọ còn mười tuổi, do ác nghiệp tăng thịnh nên bảy báu ẩn mất, năm vị lợt lạt, điềm dữ hiện ra, nhơn vật khốn cùng, Quỷ-thần kêu khóc, âm dương trái độ, mưa gió lỗi thời, cảnh đói khát lan tràn, con người tranh đua lường gạt chém giết lẫn nhau. Lại trong kiếp giảm có tiểu-tam-tai là: nạn cơ cần, nạn dịch khí, và nạn đao binh.

Theo luận Du-Già-Sư-Địa, lúc nhơn thọ giảm còn 30 tuổi, có tai nạn cơ cần (đói khát) kéo dài bảy năm bảy tháng bảy ngày. Trong thời gian này cách rất lâu mới có một cơn mưa, ngũ cốc không sanh loài người chết vô số, xương trắng đầy đồng. Khi đó nếu người nào tìm được một hạt lúa, họ xem như ngọc ma-ni, đem cất giấu ở trong rương. Qua một loạt chết chóc kinh khủng này, những kẻ còn sống sót khởi lòng nhàm chán bậc hạ, thật tâm ăn năn sám hối, tai nạn đó mới dứt. Lúc nhơn thọ giảm còn 20 tuổi, do loài người lui sụt tâm nhàm chán ăn năn trước kia, lần lần làm ác, nên có tai nạn dịch khí (bệnh truyền nhiễm) nổi lên, trải qua thời gian bảy tháng bảy ngày, thầy chết rải rác ngổn ngang khắp đường sá đồng ruộng, không ai chôn cất. Khi ấy mọi người tự biết do nghiệp ác nên phải chịu quả khổ như thế, ai nấy đều ăn năn sám hối, khởi lòng nhàm chán bậc trung, nạn dịch khí liền dứt. Rồi tháng năm chậm chậm trôi qua, nhơn loại lần lần quên bao nhiêu cảnh khổ, trở lại tạo thập ác thêm nhiều. Đến lúc thọ lượng của thế nhơn còn 10 tuổi, con người sanh ra ít ngày là biết đi, mới năm tháng đã có chồng vợ. Lúc ấy nhơn loại lấy lúa lép làm thức ăn bậc nhất, lấy tóc kết lại làm y phục bậc nhất, lấy sắt làm đồ trang nghiêm bậc nhất. Bao

nhieu thức ăn ngon quí đều ảm mất, các thứ mật, mía, dầu, muối đều biến chất, không thành mùi vị. Khi có yến hội lớn, người ta thường nấu xương khô để thiết đãi lẫn nhau. Bảy giờ lại có tai nạn đao binh nổi lên. Trước tiên các nước đem binh đánh giết lẫn nhau; trong thân quyến như cha con, anh em, chồng vợ còn luôn luôn có sự tranh cãi, hướng chi đối với kẻ khác. Đến lúc kiếp mạt, thế lực của nghiệp ác mạnh mẽ cùng cực, trong vòng bảy ngày, loài người như mê cuồng, tay cầm đến cây, gậy, ngói, đá, những thứ ấy đều hóa ra đao, kiếm không luận kẻ thân sơ, hễ gặp mặt là tàn sát nhau. Ai nấy đều nghĩ rằng: nếu mình không giết người ta, người ta cũng giết mình. Trong thời gian đó, thây chết cùng khắp, đường sá vắng người. Qua bảy ngày này nghiệp sát tiêu tan, còn độ một muôn người sống sót, trốn ở trong hang đá rừng núi lần lượt đi ra. Bảy giờ thế giới hoang sơ, trong vòng mấy muôn dặm khó thấy một bóng người, nên khi được gặp mặt họ liền ôm nhau mà khóc. Thời gian này kiếp giảm đã đến mức cuối cùng, loài người khởi tâm nhàm chán bậc thượng, lần lần tu pháp lành, nên phước thọ cũng lần lần tăng thêm.

Nói chung, sở dĩ có kiếp giảm, là do nghiệp ác tăng trưởng. Theo kinh Trung-A-Hàm, khi nhơn loại được tám muôn tuổi, trước tiên loài người sanh ra nghiệp trộm cắp, nên thọ lượng lần giảm xuống còn bốn muôn tuổi. Đến thời gian này chúng-sanh lại tăng thêm nghiệp sát, nên thọ lượng lần giảm xuống còn hai muôn tuổi. Kế đó vì tăng thêm nghiệp vọng ngữ, thọ lượng lại giảm xuống còn một muôn tuổi. Rồi sau lại tăng thêm nghiệp tà dâm, ganh ghét, bất hiếu với cha mẹ, không tôn kính bậc trưởng thượng và người tu hành đạo đức, nên thọ lượng và thân hình lần chuyển giảm. Kiếp càng giảm, thì những người

hiền lành tu Thập-thiện bị khinh rẻ xem thường, những kẻ thô bạo làm mười điều ác, trái lại được tán dương nể trọng. Chẳng hạn như người nhu hòa bị chê là hèn nhát, kẻ sát hại nhiều được tôn trọng là anh hùng; người thật thà chất phác bị chê là ngu si, kẻ xảo trá lanh lợi được khen là khôn ngoan mưu trí; người giữ lễ giáo bị chê là cổ hủ, kẻ ăn chơi phóng đãng được khen là phong nhã hào hoa. Trên đây là các điểm sơ lược về tình hình chung của kiếp giảm.

2. Tăng-kiếp: Khi thế lực của giảm-kiếp đã mãn, như loại giết nhau hầu hết, lại bắt đầu chuyển sang kiếp tăng. Qua bảy ngày đao binh, loài người khi gặp mặt liền sanh lòng từ ái, xem nhau như thân thuộc, đối với cảnh khổ vừa xảy ra, họ đồng có một tâm niệm ăn năn nhằm chán đến cực điểm. Tất cả đều bảo nhau rằng: “Do chúng ta sanh lòng si cuồng độc ác nên mới có thảm họa ấy. Từ đây về sau chúng ta phải gắng sức làm lành, mới mong cảnh khổ kia khỏi tái diễn. Trước tiên họ giữ giới sát, nên từ 10 tuổi thọ lượng lần lần tăng đến 20 tuổi, sắc thân người cũng lần lần cao đẹp hơn lên. Thấy giữ hạnh lành có kết quả tốt, mọi người lại phát nguyện xa lìa sự trộm cắp, thọ lượng lại lần tăng đến 40 tuổi. Rồi kế tiếp, họ xa lìa những tâm hạnh xấu như: gian dâm, vọng ngữ, tham lam, ganh ghét, giận hờn, tà kiến cùng tu tập những điều lành nên thọ lượng tăng lần lần từ 80, 160, 300, 2.000, 5.000, 10.000, 80.000, 84.000 tuổi. Khi mạng sống đã tăng thì sắc thân của loài người cũng lần lần cao lớn xinh đẹp. Trong các Kinh-luận, có thuyết nói thưở kiếp tăng, bề cao như loại từ một thước đến 840 trượng, có thuyết nói chỉ cao đến 32 trượng là đình chỉ. Khi thọ số như loại được 84.000 tuổi, mọi người đều hiền lành, biết hiếu thuận với cha mẹ, cung kính bậc Sa-môn, tu các phước nghiệp, nam nữ

đến 500 tuổi mới có đôi bạn, mưa gió điều hòa, vật loại tốt tươi, thức ăn đầy đủ những thượng vị, nhơn dân an lạc, thế gian không có tai nạn bệnh khổ, đao binh.

Thời gian của kiếp-tăng cũng có 8.399.000 năm như kiếp-giảm. Trong kiếp-tăng lại có bốn bậc luân-vương ra đời. Khi nhơn thọ được hai muôn tuổi có Thiết-luân-vương xuất thế, thống trị toàn châu Nam-Thiệm-Bộ, nhưng phải ra oai thiên hạ mới định. Lúc nhơn thọ được bốn muôn tuổi, có Đồng-luân-vương xuất thế, thống trị hai châu Nam-Thiệm-Bộ, Đông-Thắng-Thần, đợi khi oai đức thanh hành, thiên hạ mới phục. Lúc nhơn thọ được sáu muôn tuổi, có Ngân-luân-vương xuất thế, thống trị ba châu Nam-Thiệm-Bộ, Đông-Thắng-Thần, Tây-Ngu-Hóa, còn phải sai sứ đi du thuyết, thiên hạ mới phục. Khi nhơn thọ được tám muôn tuổi có Kim-luân-vương xuất thế, thống trị bốn châu: Nam-Thiệm-Bộ, Đông-Thắng-Thần, Tây-Ngu-Hóa, Bắc-Câu-Lư, thiên hạ chỉ trông oai đức liền qui phục. Kim-luân-vương có bảy báu, một ngàn người con. Trong bảy báu, món thứ nhất là Luân-bảo, do chơn kim tạo thành, từ trục giữa ra đến ngoài vành có 1000 bức trụ, trung gian tinh tế dày đặc. Ngày Luân-vương làm lễ quán đảnh, Luân-bảo này hiện giữa hư không; vua dùng Luân-bảo chở các tướng và bốn binh bay khắp tứ đại-bộ-châu, các vì vua khác trông oai đức mà thuận hóa, không cần đánh dẹp. Báu thứ hai là Ngọc-nữ, Ngọc-nữ này hóa sanh nơi hoa sen xinh đẹp bậc nhất, khéo biết tâm ý của vua mà thừa thuận. Báu thứ ba là Binh-thần, đây là một bề tôi phụ tá của vua, sức mạnh và trí mưu đều quán chúng. Báu thứ tư là Tàng-thần, vị đại-thần này có thể nhìn thấy các kho báu kỳ lạ ẩn tàng ở dưới đất, dưới nước, trong núi, tùy ý vua dùng mà lấy ra. Báu thứ năm là Như-ý-châu, hạt châu này

chiếu sáng một do-tuần, khiến cho ban đêm như ban ngày, lại có thể tùy ý vua mà làm mưa xuống các thứ trên bảo vật dụng. (Có chỗ gọi báu thứ năm là Trí-thần, một vị văn thần giúp vua coi việc chánh trị trong nước). Báu thứ sáu là Bạch-tượng, đây là một thứ voi to lớn, thân trắng như tuyết, có đủ sáu ngà. Báu thứ bảy là Long-mã, một con ngựa quý xuất sanh từ giống rồng; phi mau vô cùng, có thể trong một ngày đi khắp bốn châu thiên hạ. Kim-luân-vương thọ 84.000 tuổi, trong thời gian trị hóa có bảy thứ trên báu là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não xuất hiện, các thượng vị nổi lên trên lớp đất mặt rồi tự xuất sanh ra thứ gạo thơm; mưa gió điều hòa, vật sản phong nhuận, dân chúng đều tu mười nghiệp lành.

3. Tiểu-kiếp, trung-kiếp, đại-kiếp: Cứ một kiếp-tăng, kiếp-giảm là một tiểu-kiếp. Như thế, một tiểu-kiếp có 16.678.000 năm. Hai mươi tiểu-kiếp là một trung-kiếp. Trung-kiếp có 333.560.000 năm. Bốn trung-kiếp hợp thành một đại-kiếp. Đại-kiếp có 1.334.240.000 năm. Thế thì một đại-kiếp có 80 tiểu-kiếp. Bốn trung-kiếp trong đại-kiếp là: trung-kiếp-thành, trung-kiếp-trụ, trung-kiếp-hoại và trung-kiếp-không. Tam-thiên-thế-giới sanh diệt theo tuần tự thành, trụ, hoại, không của đại-kiếp. Dưới đây, xin kể lược qua bốn giai đoạn ấy.

Tiết III: Bốn Giai Đoạn Của Đại Kiếp

1. Kiếp-thành: Khi thế-giới đã tiêu hoại, chỉ còn một khoảng hư không trống rỗng trải qua thời gian rất lâu xa. Do nghiệp lực của chúng-sanh, bấy giờ từ nơi không gian bỗng nhiên biến hiện ra áng mây to rộng che khắp một vùng bằng khoảng Tam-

thiên-đại-thiên-thế-giới. Kế đó lại có mưa to đổ xuống, mỗi giọt mưa lớn như cái bánh xe. Cứ mưa như thế hết trận này đến trận khác. Do nghiệp chúng-sanh, có nhiều trận mưa sai biệt: có cơn mây mưa lớn tên là Năng-Diệt, làm cho tiêu tan những hơi nóng bức. Có cơn mây mưa lớn tên là Năng-Khởi, làm cho nước dâng lên cao. Có cơn mây mưa lớn tên là Năng-Chỉ, làm cho nước lắng hạ xuống. Có cơn mây mưa lớn tên là Năng-Thành, hay tạo thành chất ngọc ma-ni và các thứ trân bảo. Có cơn mây mưa lớn tên là Phân-Biệt hay khu phân các vùng của Đại-thiên-thế-giới. Mưa như thế trải qua ngàn muôn năm, nước lần lần dâng cao đến cõi Phạm-Thiên. Trong khi mưa lại có bốn thứ gió to xen lẫn. Một là Năng-Trì-phong-luân, thứ gió này duy trì khiến cho nước không tan rã. Hai là Năng-Tiêu-phong-luân, thứ gió này làm cho nước tiêu bớt. Ba là Kiến-Lập-phong-luân, thứ gió này làm cho các xứ sở được thành lập. Bốn là Trang-Nghiêm-phong-luân, thứ gió này phân bố các xứ sở một cách thiện xảo.

Khi nước đã dâng lên cao đầy khắp cõi Đại-thiên, lại có những hoa sen to lớn tự sanh ra che trải giáp mặt nước. Thứ hoa sen này có 1.000 cánh, tên gọi là Như-Lai-Xuất-Hiện-Công-Đức-Bảo-Trang-Nghiêm, chư thiên ở cõi trời Tịnh-Cur trông thấy, bay xuống đếm xem được bao nhiêu hoa sen, liền biết trong đại-kiếp này có bao nhiêu vị Phật ra đời. Sau khi hoa sen mọc ra không bao lâu, bỗng có cơn gió lớn tên gọi A-Na-Tỳ-La, thổi nước xao động thành những cụm bọt to đong đặc lại. Kế tiếp lại có thứ gió tên gọi là Thiện-Tịnh-Quang-Minh, gió này thành lập các Thiên-cung thuộc cõi Sắc. Trước tiên cõi Tam-thiên được thành lập, thứ đến cõi Nhị-thiên, thứ nữa đến cõi Sơ-thiên. Kế tiếp lại có thứ gió tên là Tịnh-Quang-Minh-

Trang-Nghiêm, gió này thành lập các cung điện của Không-cư-thiên thuộc cõi Dục. Kế tiếp lại có thứ gió tên là Kiên-Mật-Vô-Năng-Hoại, gió này thành lập các Luân-Vi-Sơn lớn nhỏ và Kim-Cang-Sơn. Kế tiếp lại có thứ gió tên Thăng-Cao, gió này thành lập các núi Tu-Di. Kế tiếp lại có thứ gió tên là Bất-Động, gió này thành lập mười loại núi lớn là: núi Khê-Đà-La, núi Tiên-Nhơn, núi Phục-Ma, núi Đại-Phục-Ma, núi Trì-Song, núi Ni-Dân-Đà-La, núi Mục-Chơn-Lân-Đà, núi Ma-Ha-Mục-Chơn-Lân-Đà và Hương-Sơn, Tuyết-Sơn. Kế tiếp lại có thứ gió tên là An-Trụ, gió này thành lập các miền đại địa của Đại-thiên-giới. Kế tiếp lại có thứ gió tên là Trang-Nghiêm, gió này thành lập các cung điện của Địa-cư-thiên, cung điện Long-vương và thần Càn-Thất-Bà. Kế tiếp lại có thứ gió tên là Vô-Tận-Tạng, gió này thành lập tất cả biển lớn của cõi Đại-thiên. Kế tiếp lại có thứ gió tên là Phổ-Quang-Minh-Tạng, gió này thành lập các báu ma-ni của Đại-thiên-thế-giới. Kế tiếp lại có thứ gió tên là Kiên-Cổ-Căn, gió này thành lập tất cả các cây Như-Ý. Như thế do nghiệp duyên của chúng-sanh không đồng, nên tự nhiên nổi lên những thứ gió sai biệt để tạo thành các cõi sai biệt.

(Đoạn thành lập các núi trên đây là trích dẫn theo kinh Hoa-Nghiêm) xin lược dẫn thêm một đoạn trong luận Du-Già-Sur-Địa để học giả so sánh: Bảy giờ giữa hư không lại nổi lên các Giới-tạng-vân. Do những ánh mây này, có nhiều thứ mưa to đổ xuống, nước mưa đều y trụ trên Kim-tánh-địa-luân. Kế đó lại có gió mạnh khởi lên cổ động làm cho nước thành những chất đặc. Các chất tinh diệu bậc thượng hợp thành núi Tu-Di. Núi này khi hoàn thành, thể chất của nó là bốn thứ báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Những chất đặc bậc trung, kết thành bảy núi

vàng như: núi Trì-Song, núi Trì-Trục, núi Chiêm-Mộc, núi Thiện-Kiến, núi Mã-Nhĩ, núi Tượng-Nhĩ, núi Trì-Địa. Bảy dãy núi này an lập theo thứ lớp và đều vây quanh núi Tu-Di. Những chất đặc bậc hạ kết thành bốn đại-châu, tám trung-châu, núi Thiết-Vi, cung điện của hàng Phi-thiên, Long-cung, Tuyết-Son, bờ núi bao quanh A-Nậu-Trì, các chánh ngục, biên ngục, và một phần biệt xứ của loài Nga-quỷ, Bàn-sanh. Cung điện của hàng Phi-thiên ở dưới chân núi Tu-Di gần mé nước Long-cung ở rải rác theo các Hương-thủy-hải, giữa bảy núi vàng. Trong các Long-cung này có tám đại Long-vương, thọ lượng đồng một trụ kiếp. Tám Long-vương ấy là: Trì-Địa long-vương, Hoan-Hỷ long-vương, Mã-Loa long-vương, Mục-Chơn-Lân-Đà long-vương, Ý-Mãnh long-vương, Trì-Quốc long-vương, Đại-Hắc long-vương, Ê-La-Diếp long-vương.

Tóm lại, kiếp thành là giai đoạn thế-giới đang thành lập. Thời gian này kể có 20 tiểu-kiếp.

2. Kiếp-trụ: Kiếp-trụ là gì? Ấy là thế-giới đã thành, có thể khiến cho chúng-sanh được an trụ mà thọ dụng. Kinh Hoa-Nghiêm nói: “Tam-thiên-đại-thiên-thế-giới đã thành lập, khiến cho vô lượng chúng-sanh được nhiều sự nhiều ích: những loài thủy tộc được sự nhiều ích của nước; những loài ở lục địa được sự nhiều ích của đất; những loài ở cung điện được sự nhiều ích của cung điện; những loài ở hư không được sự nhiều ích của hư không”.

Khi thế-giới mới vừa thành lập, đất như chất sữa đặc, có đủ mùi vị thơm tho ngon đẹp. Lúc ấy hàng chư thiên phước, mạng đều hết, từ cõi trời Quang-Âm hóa sanh xuống miền đại địa. Loài hữu-tình này các căn đầy đủ, thân có ánh sáng, bay đi tự

tại giữa hư không lấy sự hỷ lạc làm thức ăn, thọ số rất lâu dài. Bảy giờ thế-giới không có mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, thời tiết và ngày đêm, cũng không phân biệt ai là nam, nữ, sang, hèn mọi người gặp nhau chỉ gọi là “Tát đỏa, tát đỏa”. Khi đó các hữu-tình hóa sanh thấy lớp địa tô trắng nhuyễn, lấy ngón tay chấm đưa vào lưỡi nếm thử. Nếm vài ba lần, cảm thấy thơm ngon, mùi vị đặc biệt, họ liền sanh lòng tham trước. Những kẻ nào ăn chất địa tô nhiều, thân thể lần lần thô phì, người ăn ít thì nhan sắc quang nhuận hơn. Do đó họ sanh tâm phân biệt tốt xấu hơn kém. Khi các hữu-tình ấy tham nhiễm chất địa tô, thì thân thông ánh sáng và diệu sắc của thân thể cũng lần suy mờ và mất hẳn, thế-giới trở nên tối tăm. Lúc đó các ngọn hắc phong thổi vào mặt biển, từ nơi đây phát hiện mặt trời, mặt trăng bay lên hư không soi sáng thế gian. Người thời bảy giờ thấy mặt trời mọc thì mừng, thấy mặt trời lặn thì lo lắng sợ hãi, từ đó mới có ngày đêm phân biệt. Khi loài người đã sanh lòng hơn kém thị phi, phước đức cũng suy giảm, chất địa tô biến thành địa bì, mùi vị kém hơn trước. Lần lần chất địa bì cũng diệt, sanh ra chất địa phu; chất địa phu lại diệt, biến ra chất địa phi, mùi vị như rượu bồ đào. Kế đó chất địa phi cũng mất, từ dưới đất mọc lên cây bồ đào trái ngon ngọt, nhọn loại hái thứ trái ấy mà ăn, ăn hết lại có trái khác sanh ra tiếp tục. Lần lần cây bồ đào thưa thớt không còn trái, từ dưới đất lại mọc lên thứ gạo không có vỏ thóc bên ngoài; thứ gạo này không cần gia vị mà vẫn có đủ mùi chất thơm ngon.

Bảy giờ loài người hóa sanh ăn thứ gạo thơm, còn lại cặn bã nơi thân, thể chất lại biến sanh ra đại, tiểu tiện đạo, hiện rõ căn hình nam nữ. Những kẻ tình nhiễm hơi nặng biến thành nữ nhọn, người tình nhiễm nhẹ hơn biến thành nam tử; hai bên đối

nhau cười nói, dục niệm càng tăng, lần lần đi đến sự phối hợp và kết thành chồng vợ ở chung nhau. Từ đây loài người sanh ra đều từ thai tạng của mẹ. Thứ gạo thơm thuở ấy dài độ bốn tấc, ban mai cắt chiều liền sanh, chiều cắt mai lại sanh, hạt nào hạt nấy đều chín mọng. Trong khi đó đôi kẻ sanh tâm lười biếng, họ cắt luôn thật nhiều, để dành ăn trong ba ngày, năm ngày, hoặc nhiều ngày. Những người kia trông thấy thế bắt chước làm theo, do nghiệp tham lam phóng dật ấy, gạo lần lần sanh ra vỏ thóc, khi cắt rồi không mọc lại liền như lúc trước. Trước cảnh trạng ấy, loài người buồn rầu khóc lóc, cùng nhau phân chia ranh giới của ruộng nương, mỗi gia đình đều tàng trữ lúa riêng, rồi ra sức gieo trồng để tự nuôi sống.

Thời gian sau, lại có kẻ tham lam lười biếng, không chịu gắng sức làm việc, lén cắt trộm lúa của người khác, nhân đó sanh ra sự tranh đấu lẫn nhau. Bảy giờ đại chúng họp lại lựa bậc có đức công cử lên làm đền chủ, với nhiệm vụ xử đoán việc phải quấy, trách phạt kẻ có tội, mỗi người đều trích bớt phần ăn của mình để thù đáp công lao của vị ấy. Đây là mầm móng xuất phát hàng vua chúa và giai cấp Sát-Đế-Lý về sau. Lúc đó lại có những kẻ thấy như loại lần trở nên ô nhiễm xấu xa, sanh lòng thương xót yếm ly, bỏ vào núi tu hành, giữ hạnh trong sạch được mọi người tôn kính cúng dường. Đây là nguồn gốc của hàng xuất-gia tu tịnh hạnh và giai cấp Bà-La-Môn về sau. Lại có những kẻ học tập các kỹ nghệ, hoặc giúp việc cho người khác để tự mưu sanh. Đây là hàng thứ dân và tiện dân, cũng là nguyên ủy của hai giai cấp Phệ-Xá, Thủ-Đà-La sau này.

Tóm lại, thời gian của kiếp-trụ cũng gồm có hai mươi tiểu-kiếp. Mỗi tiểu-kiếp khi tăng thành đều có bốn bậc Luân-vương ra đời, lúc giảm cực đều có tiểu-tam-tai.

3. Kiếp-hoại: Khi trụ-kiếp đã mãn, thế-giới bắt đầu hư hoại đây gọi là kiếp-hoại. Sự hư hoại này có hai phương diện: thú-hoại và giới-hoại. Thú-hoại là chỉ cho sự tiêu hoại của chúng-sanh trong Thất-thú, tức là hữu-tình-giới. Lúc đó những chúng-sanh nào có phước nghiệp liền được sanh về các tầng trời không tiêu hoại, hoặc sanh về các thế-giới khác tương xứng với nghiệp của mình. Những chúng-sanh nghiệp nặng, sau khi thân xác tiêu tan liền được chuyển sanh về ác đạo ở tha phương. Giới-hoại là sự tiêu hoại của non sông vạn vật, tức là khí-thế-giới.

Về kiếp-hoại lại có tướng đại-tam-tai là: hỏa-tai, thủy-tai và phong-tai.

Khi hỏa-tai sắp khởi, những chúng-sanh có phước đức đều sanh lên cõi Nhị-thiên. Do nghiệp của loài hữu-tình kể đó hắc phong nổi lên dữ dội, khởi thì có hai mặt trời hiện ra, làm cho nước ở các ao hồ rạch nhỏ đều khô cạn. Kế tiếp có ba mặt trời hiện ra, làm cho nước ở các sông lớn đều khô cạn. Kế lại có bốn mặt trời hiện ra, làm cho nước ở A-Nậu-Trì (Vô-nhiệt-trì) khô cạn. Khi năm mặt trời hiện ra biển lớn đều khô; sáu mặt trời hiện ra núi non đất liền bốc cháy khói lên ngàn ngút; bảy mặt trời hiện ra núi Tu-Di sập đổ, chư thiên trời Lục-Dục thấy đều mạng chung, sức lửa hủy hoại cả Dục-giới và tầng Sơ-thiên của Sắc-giới. Lúc ấy từ cõi trời Quang-Âm trở xuống, vạn vật đều thành tro bụi, chư thiên mới hóa sanh lên đây thấy cảnh tượng chưa từng có ấy, đem lòng sợ hãi. Các thiên-tử cự

trụ đến an ủi rằng: “Chư vị chớ lo sợ, kiếp lửa không thể tiêu hủy được cõi này”.

Khi thủy-tai nổi lên, những chúng-sanh có phước đức đều sanh trước lên cõi Tam-thiên. Do nghiệp lực của loài hữu-tình, tam-thiên-thế-giới nổi lên cơn mưa mãnh liệt. Từ cõi Tam-thiên trở xuống, cung điện chư thiên, núi Tu-Di, Thất-Kim-Sơn, Tứ-đại-châu đều ẩn hình trong biển nước. Cả cõi Dục và tầng Sơ-thiên, Nhị-thiên của Sắc-giới đều bị sức nước xung phá tiêu tan. Ví như một khối muối to bỏ xuống nước bị tiêu tan thế nào những sắc chất của cõi này cũng bị tiêu tan như thế ấy.

Khi phong-tai nổi lên, những chúng-sanh có phước đức đều sanh trước lên cõi Tứ-thiên. Do nghiệp lực của loài hữu-tình, có cơn gió mãnh liệt tên là Đại-Tăng-Già nổi lên. Từ cõi Tứ-thiên trở xuống, cung điện chư thiên, núi non, tất cả các sắc chất đều va chạm nhau tan nát như vi-trần trong sức quay cuồng dữ dội của gió. Nói chung, phong-tai tiêu hoại đồng thời tất cả trời Tam-thiên, Nhị-thiên, Sơ-thiên, và 1.000.000.000 cõi Dục của Đại-thiên-thế-giới.

Đại-tam-tai không phải đồng thời khởi lên trong một đại-kiếp. Như đại-kiếp thứ nhất bị hỏa-tai tiêu hoại, đến đại-kiếp thứ tám mới bị thủy-tai tiêu hoại, cứ bảy lần hỏa-tai có một lần thủy-tai, bảy lần thủy-tai mới có một lần phong-tai. Đại-tam-tai tuần hoàn 64 lần trong một kiếp vận, nếu đại-kiếp thứ nhất bị hỏa-tai tiêu hoại, đến đại-kiếp thứ 64 mới có phong-tai tiêu hoại thế-giới. Như thế trong một kiếp-vận (64 đại-kiếp), có 56 lần đại hỏa-tai, 7 lần đại thủy-tai, 1 lần đại phong-tai.

Hiền-Tông-Luận nói: “Chư thiên cõi Sơ-thiên do sức phiền não vi tế của tâm sở tầm, từ bên trong, nên chiêu cảm hỏa-tai bên ngoài. Chư thiên cõi Nhị-thiên do sức nhuận trạch của tâm khinh an, hoan hỷ bên trong, nên chiêu cảm thủy-tai bên ngoài. Chư thiên cõi Tam-thiên do sức dao động của tâm lạc thọ bên trong, nên chiêu cảm phong-tai bên ngoài. Bậc Sơ-thiên vì có đủ ba tai nạn bên trong, nên phải thọ ba tai nạn bên ngoài. Bậc Nhị-thiên vì có hai tai nạn (thủy, phong-tai) bên trong, nên phải thọ hai tai nạn bên ngoài. Bậc Tam-thiên vì có một tai nạn (phong-tai) bên trong, nên phải thọ một tai nạn bên ngoài”. Cứ theo đây mà xét thì trong thời kỳ hỏa-tai cũng có thủy-tai và phong-tai, nhưng thế lực của nước và gió kém hơn lửa, nên chỉ kể phần lửa là đại hỏa-tai. Trong thời kỳ thủy-tai cũng có hỏa-tai và phong-tai, nhưng thế lực của lửa và gió kém hơn nước, nên chỉ kể phần nước là đại thủy-tai. Trong thời kỳ phong-tai cũng có hỏa-tai và thủy-tai, nhưng thế lực của lửa và nước kém hơn gió, nên chỉ kể phần gió là đại phong-tai. Hỏa-tai phá hoại đến cõi Sơ-thiên, thủy-tai phá hoại đến cõi Nhị-thiên, phong-tai phá hoại đến cõi Tam-thiên. Tạp-Tâm-Luận nói: “Bậc Tứ-thiên không có lửa giác-quán như Sơ-tịnh-lự, không có nước hoan hỷ như Nhị-tịnh-lự, không có gió lạc-thọ như Tam-tịnh-lự nên không bị tam-tai làm hại. Vì thế cõi Tứ-thiên vĩnh viễn không tiêu hoại. Nhưng đệ Tứ-thiên chưa được gọi là chân thường vì định cảnh này không vĩnh viễn tương tục khi sức định đã mòn thế lực của nó phải tiêu tan. Vì thế cõi Tứ-thiên tuy không bị tam-tai, nhưng còn bị sự sanh diệt vô thường làm hư hoại. Tướng hư hoại ấy như thế nào? Như khi vị thiên-tử cõi Tứ-thiên mới hóa sanh, cung điện và bao nhiêu y-bảo tùy thân cũng đồng thời hiện; khi họ mạng chung y-bảo riêng cũng đồng thời tiêu diệt”.

Trên đây là tướng trạng chung về sự tiêu hoại của thế-giới. Mỗi lần thế-giới hoại diệt đều trải qua một thời gian là 20 tiểu-kiếp. Tóm lại các tướng hữu vi là pháp sanh diệt, ba cõi đều vô thường, hàng Phật-tử không nên tham trước. Cổ-đức đã bảo:

“Lục-dục còn mang tướng ngũ suy,
Tam-thiền chưa khỏi với phong-tai.
Dù cho tu đến Phi-phi-tướng.
Cũng chẳng bằng lên Bát-Nhã-đài”.

4. Kiếp-không: Sau khi đã trải qua đại tai, vạn vật đều tiêu tan, chỉ còn một khoảng không gian vô hình. Trạng thái này kéo dài 20 tiểu-kiếp mới qua giai đoạn thành lập của thế-giới tương lai. Thời kỳ trống không ấy gọi là không kiếp. Không kiếp không có ngày đêm thời tiết, làm sao mà biết được là trải qua 20 tiểu-kiếp. Đây là do trí huệ vô ngại của Phật thấy suốt mười phương, so sánh với các cõi trời không hư hoại và trụ của thế-giới phương khác, nên biết rõ thời gian ấy trải qua 20 tiểu-kiếp.

Như một năm có bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông; một đại-kiếp phải trải qua bốn kiếp tướng là thành, trụ, hoại, không, liên tục không dứt. Thời tiết hết đông kế sang xuân, kiếp tướng hết thời kỳ trống không lại qua thời kỳ thành lập. Đối-Pháp-Luận nói: “Như suốt qua phương đông có vô lượng thế-giới, các cõi ấy hoặc sắp thành, hoặc đang hoại, hoặc đang thành, hoặc đã thành rồi trụ, hoặc đã hoại rồi không. Cũng thế, vô biên quốc độ ở mười phương sanh diệt theo bốn giai đoạn: thành, trụ, hoại, không, liên tục không dứt. Chánh-báo và y-báo ở mười phương thế-giới có xấu, đẹp, sạch, dơ, đều do đồng nghiệp của chúng-sanh mà cảm hiện”. Kinh Hoa-Nghiêm cũng nói: “Vị

như lá trong rừng có non, già, khô, rụng, thê-giới trong các sát chủng cũng có thành, trụ, hoại, không”.

Tiết IV: Ba Đại Kiếp Của Cõi Ta Bà

Trong một đại-kiếp, ba trung-kiếp thành, hoại, không đều không có chúng-sanh ở. Khí-thê-giới, và hữu-tình giới duy thể hiện đầy đủ trong kiếp-trụ. Cứ theo ba thời gian quá khứ, hiện tại, vị lai thì đại-kiếp vừa qua tên là Trang-Nghiêm, đại-kiếp hiện nay gọi là Hiền hay Thiện-Hiền, đại-kiếp sẽ đến tên là Tinh-Tú. Trong ba đại-kiếp này, mỗi kiếp đều có 1.000 vị Phật ra đời vào trung-kiếp-trụ.

Sao gọi là kiếp Trang-Nghiêm? Kinh Trang-Nghiêm-Kiếp-Thiên-Phật-Danh nói: “Đại-kiếp của thời quá khứ tên là Trang-Nghiêm. Trong kiếp này có 1.000 đấng chánh giác ra đời, vị đầu tiên là Hoa-Quang Như-Lai, vị sau rốt là Tỳ-Xá-Phù-Phật. Vì một ngàn Đức Thế-Tôn ra đời làm cho y-báo và chánh-báo của kiếp này được trang nghiêm, nên gọi là Trang-Nghiêm-kiếp”.

Sao gọi là kiếp Hiền hay Thiện-Hiền? Từ-Ân-Kiếp-Chương nói: “Kiếp hiện tại tên là Hiền-Kiếp vì có ngàn Đức Phật ra đời và rất nhiều bậc hiền-thánh”. Trong kinh Bi-Hoa có đoạn nói: “Thê-giới của Đức Phật ấy gọi là Ta-Bà, đang ở vào đại-kiếp tên là Thiện-Hiền. Vì trong đại-kiếp này có 1.000 Đức Thế-Tôn đã thành tựu đại bi tâm, xuất hiện ra đời.

Sao gọi là kiếp Tinh-Tú? Phật-Tổ-Thống-Kỷ nói: “Đại-kiếp của thời vị lai gọi là Tinh-Tú. Trong kiếp này có 1.000 đấng

Điêu-Ngự ra đời, vị đầu tiên là Nhật-Quang, vị sau rốt là Tu-Di-Tướng. Một ngàn vị Phật xuất hiện sáng rỡ như các ngôi sao lớn trên trời, nên gọi kiếp sẽ đến là Tinh-Tú-kiếp.

Trên đây đã nói lược qua về ba đại-kiếp theo ba thời gian, kế tiếp xin kể thêm một vài chi tiết trong kiếp hiện tại của chúng ta đang là Hiền-Kiếp.

Trong Hiền-kiếp có 1.000 Đức Phật ra đời, vị đầu tiên thành danh Câu-Lưu-Tôn, vị sau rốt hiệu là Lô-Chí. Về túc nhân của 1000 đấng Thế-Tôn, kinh Hiền-Kiếp đã nói: “Đời quá khứ lâu xa về trước, có Phật hiệu là Vô-Lượng-Tinh-Tán Như-Lai ra đời. Thuở ấy, một ngàn người con của vua Đức-Hoa nghe Phật thuyết pháp, liền phát tâm bồ-đề, tu theo chánh đạo. Một ngàn vương-tử đó, chính là ngàn Đức Phật trong Hiền-kiếp này vậy.” Đại-kiếp Thiện-Hiền hiện nay, chư Phật đều ra đời trong kiếp-trụ. Trong hai mươi tiểu-kiếp của kiếp-trụ, tám tiểu-kiếp trước không có Phật ra đời. Đến tiểu-kiếp thứ chín, lúc nhơn thọ giảm còn sáu muôn tuổi, khởi thì có Đức Phật Câu-Lưu-Tôn xuất hiện. Khi nhơn thọ giảm xuống còn bốn muôn tuổi, có Phật Câu-Na-Hàm-Mâu-Ni xuất hiện; nhơn thọ giảm xuống còn hai muôn tuổi, có Phật Ca-Diếp xuất hiện; nhơn thọ giảm xuống còn 100 tuổi, có Phật Thích-Ca Mâu-Ni xuất hiện. Như thế trong tiểu-kiếp thứ chín có bốn vị Phật ra đời. Sang tiểu-kiếp thứ mười lúc nhơn thọ từ 84.000 giảm còn 80.000 tuổi, có Phật Di-Lặc ứng thế độ sanh. Từ tiểu-kiếp thứ 11 đến tiểu-kiếp thứ 14, trong thời gian này không có Phật ra đời. Qua tiểu-kiếp thứ 15, có 994 vị Phật nối nhau xuất thế. Trong bốn tiểu-kiếp thứ 16, 17, 18, 19 không có Phật ra đời. Đến tiểu-kiếp thứ 20, lúc nhơn thọ 84.000 tuổi đức Lô-Chí Như-Lai xuất thế, thuyết pháp độ sanh. Sau khi Phật Lô-Chí niết-bàn, mãn tiểu-kiếp

cuối cùng, thế-giới này bắt đầu vào giai đoạn tiêu hoại để chuyển sang sự thành lập của kiếp Tinh-Tú tương lai.

Phật-giáo đồ khi sám hồi, có vị lễ tam thiên Phật, đó chính là lay 3000 Đức Thế-Tôn trong ba đại-kiếp quá khứ, hiện tại, vị lai. Về sự ứng thế trước sau của 3000 vị Phật, có bài kệ tổng quát rằng:

Trang-Nghiêm	Hoa-Quang,	Tỳ-Xá-Phù
Hiền-kiếp	Câu-Lưu,	Lâu-Chí
Tinh-Tú,	Nhật-Quang,	Tu-Di-Tướng

Như thế, chư Phật độ chúng sanh.

Từ Đức Thích Ca Đến Phật Di Lặc

Tiết	mục:
I. Phật-pháp	trong ba thời kỳ
II. Phật-pháp	trong năm thời kỳ
III. Những lời huyền ký	về thời mạt kiếp
IV. Đức Từ-Thị	và hội Long-Hoa

Kinh sách tham khảo: Tam-Tạng-Ký-Lục, Nhơn-Vương-Kinh-Sớ, Kinh Đại-Tập-Nguyệt-Tạng, Tân-Bà-Sa-Luận, Kinh Đại-Bi, Kinh Ma-Ha-Ma-Gia, Kinh Pháp-Diệt-Tận, Kinh Di-Lặc-Hạ-Sanh, Kinh Trường-A-Hàm, An-Sĩ-Toàn-Thơ, Thái-Hư-Toàn-Thơ.

Đề yếu: Muôn vật giữa đời, có thanh tất có suy, dù cho đạo pháp của Phật cũng vậy. Nhưng động cơ chánh trong sự suy vong của nền đạo là do con người chứ không phải do giáo pháp. Như hiện thời có thể nói Tam-tạng Kinh-điển đầy đủ hơn xưa, nhưng sở dĩ gọi là mạt-pháp, vì con người kém đạo đức

căn lành không giữ đúng theo lời dạy của Phật. Cho nên người xưa có câu: “Nhơn năng hoằng đạo, phi đạo hoằng nhơn”, chính là ý này, “Người hay mở mang cho đạo, không phải đạo mở mang cho người”, câu này chỉ có ý nghĩa phiến diện! Về đạo Phật, theo thuyết tam thời, thì hiện tại là thời mạt-pháp; theo thuyết ngũ thời, hiện tại chính nhằm thời đấu tranh. Từ đây về sau, cứ đúng theo thật tế mà nói, Phật-pháp có ở trong tình trạng tiệm suy, nếu có vùng dậy cũng chỉ trong giai đoạn tạm thời, hay hoặc chỉ có ảnh hưởng bên ngoài. Vậy, nhất là hàng Phật-tử, càng nên cố gắng thật học, thật tu, để duy trì pháp vận, lợi ích thế gian, và phải làm với hết sức của mình. Tuy nhiên, hết thanh rồi suy, hết suy lại thanh, Phật Thích-Ca đã nhập diệt, Đức Di-Lặc sẽ kế tiếp giảng sinh, nên chung qui chánh-pháp vẫn là bất diệt, chẳng qua chỉ tạm ẩn để phục hưng đầy thôi. Những vị muốn được dự vào Long-Hoa-tam-hội, nên kết duyên bằng cách quy kính hộ trì Tam-bảo và thiết thực hành thiện ngay trong lúc này.

Tiết I: Phật Pháp Trong Ba Thời Kỳ

Khi một Đức Phật ra đời rồi nhập diệt, đạo pháp của vị giáo chủ ấy được chia thành ba thời kỳ là: chánh-pháp, tượng-pháp và mạt-pháp. Về pháp vận của Đức Thích-Ca, tham khảo trong ba tạng, các kinh, luật, luận đều nói có hai thời chánh và tượng; luận Câu-Xá, kinh Tạp-A-Hàm duy nói một thời chánh-pháp; riêng kinh Đại-Bi là có nói đủ ba thời mà thôi. Về vấn đề trên, các Kinh-luận ghi chép cũng không đồng, đại khái có bốn thuyết:

1. Chánh-pháp 1.000 năm, tượng pháp 1.000 năm, mật-pháp 10.000 năm, là thuyết của kinh Đại-Bi. Kinh Tập-A-Hàm nói chánh-pháp 1.000 năm, Luật-Thiện-Kiến nói chánh, tượng đều 1.000 năm; hai bộ kinh và luật này tuy một không đề cập đến tượng, mật, một không nói về mật-pháp, song đại lược cũng đồng với thuyết của kinh Đại-Bi.

2. Chánh-pháp 500 năm, tượng pháp 500 năm, là thuyết của kinh Đại-Thừa-Tam-Tụ-Sám-Hối.

3. Chánh-pháp 1000 năm, tượng pháp 500 năm, là thuyết của kinh Bi-Hoa

4. Chánh-pháp 500 năm, tượng pháp 1.000 năm, là thuyết của các kinh: Đại-Tập-Nguyệt-Tạng, Hiền-Kiếp, Ma-Ha-Ma-Gia. Cổ lai, các bậc danh Đức Phật-giáo bên Trung-Hoa đều thể dụng thuyết chánh-pháp 500 năm, tượng pháp 1.000 năm, và y cứ theo kinh Đại-Bi thêm vào phần mật-pháp 10.000 năm.

Sao gọi là chánh, tượng và mật-pháp? Sở dĩ nói chánh-pháp, vì “chánh” có nghĩa là “chứng”. Trong thời kỳ này, Đức Thế-Tôn tuy đã nhập diệt, nhưng pháp nghi chưa cải, có giáo lý, có kẻ hành trì, có nhiều người chứng quả. Nói tượng-pháp, vì “tượng” có nghĩa “tương tự”, tức là mừng tượng. Trong thời kỳ này đạo hóa chỉ còn mừng tượng, pháp nghi lệch lạc, tuy có giáo lý, có người hành trì, nhưng rất ít kẻ chứng đạo. Nói mật-pháp, vì “mật” hàm ý “vi mật”, nghĩa là mong manh nhỏ nhiệm, như chót đầu lông chim nhỏ, như hạt bụi điềm sương. Trong thời kỳ này đạo hóa suy vi, tuy có giáo lý, song rất ít kẻ hành trì đúng pháp, huống chi là chứng đạo? Nhơn-Vương-Kinh-Sớ nói: “Có giáo lý, có hành trì, có quả chứng, gọi là

chánh-pháp. Có giáo lý, có hành trì không quả chứng, gọi là tượng-pháp. Có giáo lý, không hành trì, không quả chứng, gọi là mạt-pháp”. Thật ra, thời tượng pháp chẳng phải là không có quả chứng, song bậc chứng quả như sao buổi sáng trên nền trời, khó tìm khó gặp; thời mạt-pháp chẳng phải là không có người hành trì, song kẻ hành trì đúng theo giáo lý rất ít, hầu như không có, nên mới gọi là không hành trì.

Trên đây là thuyết minh đại lược ba thời kỳ chánh, tượng, mạt và di-pháp của Đức Thích-Ca-Mâu-Ni. Dẫn ra đoạn này, không phải bút giả cố ý gây quan niệm chán nản tiêu cực cho hàng Phật-tử; nhưng ngoài sự trình bày để người học Phật biết thế nào là chánh, tượng, mạt, còn nói lên lời nhắc nhở đồng nhơn nên nhìn vào thật hạnh, đừng để cho pháp đã mạt lại càng thêm mạt.

Tiết II: Phật Pháp Trong Năm Thời Kỳ

Theo Kinh Đại-Tập-Nguyệt-Tạng, sau khi Đức Thế-Tôn niết-bàn, Phật-pháp sẽ diễn biến qua năm thời kỳ, từ thịnh đến suy. Năm thời ấy gọi là Ngũ-kiên-cố, mỗi giai đoạn là 500 năm. Hai chữ kiên-cố trong đây, ý nói tùy mỗi thời, nghiệp duyên và tâm niệm của chúng-sanh hướng theo mỗi chiều hướng một cách bền chắc, ví như gốc cây to rễ bám đã sâu, khó nhổ lên hoặc xô cho lay chuyển. Danh từ kiên-cố này, các Kinh-luận khác cũng thường dùng, như kinh Pháp-Hoa có câu: “Diệu-Quang giáo hóa nay kiên-cố”. Năm thời kiên-cố như sau:

1. Giải-thoát-kiên-cố: Sau khi Đức Thế-Tôn niết-bàn, trong 500 năm đầu tiên, đệ-tử của Phật có nhiều vị chứng quả, được vào cảnh an vui giải thoát. Thời kỳ này các phương diện học, tu, chứng đều thịnh, hành như hiểu sâu lẽ mâu, giữ gìn giới hạnh, một trăm người tu có đến sáu bảy mươi vị đắc đạo. Bảy giờ trong như gian đầy đầy những bậc thánh-hiền.

2. Thiên-định-kiên-cố: Sang 500 năm thứ hai, hàng Phật-tử xuất-gia, tại-gia tuy ít kẻ chứng đạo như thời gian trước, song phần nhiều đều thực hành đúng theo lời Phật dạy, đi sâu vào cảnh giới thiên định. Giai đoạn này, trong một trăm người tu, có được sáu, bảy người chứng đạo.

3. Đa-văn-kiên-cố: Qua 500 năm thứ ba, đạo căn của chúng-sanh đã cạn kiệt hơn trước, người tu Phật đa số chỉ thích học rộng nghe nhiều; các phương diện diễn dịch kinh sách, biện luận đạo lý được thịnh hành khắp nơi. Lúc này kẻ thiết thật cầu giải thoát thâm nhập thiên định, còn ít có người, hướng chi là chứng quả. Tuy nhiên, trong muôn ức người tu, cũng có đôi ba bậc đắc đạo.

4. Thập-tự-kiên-cố: Sang 500 năm thứ tư, Phật-giáo đồ phần nhiều hướng về việc cất chùa, xây tháp, bố thí, tụng kinh để cầu phước báo; về phương diện văn tự rất ít có người, hướng nữa là tu? Thuở xưa, cũng vào khoảng thời gian này, bên Trung-Hoa có một bậc cao tăng là Tĩnh-Công. Sau khi ngài tham thiên ngộ đạo, một vị tôn túc bảo rằng: “Ngày kia ông ra hoàng hóa, dưới tòa có đến 1.000 tăng chúng, song không kẻ nào là bậc xuất-gia”. Quả nhiên, sau Tĩnh-Công đáp lời yêu thỉnh của Tiên-công, về trụ trì một ngôi chùa, tăng chúng quy tụ đến số ngàn, song chỉ toàn là hạng tụng kinh để gieo căn

lành phước báo ở tương lai, không có vị nào tham thiên ngộ đạo. Cổ-đức quan niệm rằng: nghĩa chân thật của “xuất-gia” là phải ra khỏi nhà tam giới, hay ít nữa ra khỏi nhà phiền não, không phải chỉ ra khỏi nhà thế tục vào cửa chùa, cạo tóc mặc áo cà-sa là đủ. Cách bốn mươi năm về trước, những bạn đồng tham với Tĩnh-Công, trong 1.000 người cũng được bảy tám mươi vị đại ngộ; không ngờ qua một thời gian chẳng bao lâu mà lại có sự sai biệt dường ấy! Sự kiện này tương tự các sông rạch gặp cơn nước kém, mỗi ngày mực nước mỗi thấp xuống; căn cơ của chúng-sanh trong thời giảm kiếp cũng như vậy.

5. Đấu-tranh-kiên-cố: Đến 500 năm thứ năm, hơn loại vì ngã chấp nặng, tự ái nhiều, chẳng những ngoài đời thường xảy ra cảnh tượng tranh đua giết hại lẫn nhau, mà trong đạo cũng lắm kẻ chen lấn trên đường danh nẻo lợi. Giai đoạn này, hàng đệ-tử Phật tuy nhiều, song đối với Tam-tạng Kinh-điển ít người tin hiểu sâu, ít ai thiết thật vì đạo, đi đúng với đạo trên phương diện tự lợi lợi tha. Kinh Kim-Cang nói: “Năm trăm năm rốt sau” chính là thời kỳ này.

Trong An-Sĩ-Toàn-Thơ có đoạn nói về tình trạng hơn kém của phước báo xưa và nay như sau: “Con người do có đức nên mới được hưởng phước, nếu đức đã giảm thì tất cả đều giảm. Chẳng hạn như: thọ số lần lần giảm, phước báo lần lần suy, ngũ cốc lần lần mất mùa, bảy báu lần lần ẩn một, y thực lần lần khó khăn, dung mạo lần lần thô xấu, tư bảm lần lần tối tăm, tinh thần lần lần bại nhược, phong hóa lần lần hoang sơ, thân tộc lần lần bất hòa, sưu thuế lần lần cao nặng, tai nạn nước lửa trộm giặc lần lần thêm nhiều, người lành lần lần điêu tàn, kẻ ác lần lần tăng thịnh, tà đạo lần lần phát hưng, Phật-pháp lần lần hư phế. Lấy một ít việc để suy nghiệm: như thời xưa vào đời

nhà Châu, Võ-Vương thọ 93 tuổi, Văn-Vương thọ được 97 tuổi. Trước Văn-Vương 1.000 năm, vua Hạ-Võ thọ 106 tuổi, vua Thuấn thọ 110 tuổi, vua Nghiêu thọ 117 tuổi. Trước vua Nghiêu, vua Đế-Cốc ở ngôi 70 năm, vua Chuyên-Húc ở ngôi 78 năm, vua Thiệu-Hạo ở ngôi 84 năm, vua Huỳnh-Đế ở ngôi 100 năm, vua Viêm-Đế ở ngôi 140 năm. Thời gian tại vị mà còn dài như thế, thọ số tất cao biết dường nào! Thế thì thuyết nhà Phật nói thọ lượng như loại lúc cực tăng được 84.000 tuổi, khi vào giảm kiếp qua 100 năm bớt một tuổi, không phải là việc hoang đường. Cho nên Hàn-Dũ dâng biểu tâu nói thời xưa không có Phật mà như loại sống lâu, đời nay có Phật mà thiên hạ chết yểu, là bởi ông ta chưa rõ thuyết giảm kiếp của nhà Phật. Đức Thích-Ca ra đời lúc như thọ giảm còn 100 tuổi, thuở ấy nhằm thời đại Châu-Chiêu-Vương của Trung-Hoa. Bấy giờ thọ số con người thường trên dưới 100 tuổi nên theo pháp chế nhà Châu, trai gái đến 30 tuổi mới được phép có chồng vợ. Từ đời Châu-Chiêu-Vương đến nay đã gần 3.000 năm, thọ số con người chỉ trên dưới thất tuần, trai gái mới 13, 14 tuổi đã sớm nghĩ đến đường tình ái. Lại có người khai phát những mộ cổ từ đời nhà Tùy, Đường trở về trước, thấy xương của người xưa to lớn, so với xương người thời nay cao hơn độ hai thước (thước Trung-Hoa). Thế thì thuyết “khi như thọ cao, sắc thân của loài người tùy theo thọ số mà cao lớn” cũng không phải là điều huyền hoặc. Về trân bảo, như thuở đời Hạ, Thương, Châu, khi các vương hầu tống tặng nhau, thường sắm lễ vàng ròng mấy muôn lượng, ngọc bạch bích mấy trăm đôi, chưa từng dùng thuần bạch kim. Đến đời nhà Hán mới xen dùng bạch kim, những thứ ngọc dạ quang ánh sáng chiếu xa đôi mươi cỗ xe, các nước nhỏ đều có. Đến nay thì vàng, bạc là vật quý báu hi hữu, người ta lại pha chế xen đồng bỏ vào; đây là triệu

chúng bảy báu lần lần ăn một vậy. Thuở xưa quốc khố chứa không đủ lương tiền chi dụng trong mười năm gọi là “bất túc”, chứa không đủ lương tiền chi dụng trong sáu năm gọi là “cấp”. Đời nay cầu cái “cấp” còn không được; ấy chẳng phải triệu chứng sự thọ dụng về ăn mặc lần lần khó khăn là gì? Thời xưa các bậc vương hầu còn đến núi rừng thôn dã để cầu hiền, hoặc kết giao với người đạo đức; hàng khanh tướng tuy sang trọng, nhưng không có công lớn chẳng dám ngồi xe quý. Người đời nay vừa được chút quan tước đã coi rẻ bạn bè, xem thường làng xóm, cho đến trẻ không kính già, trò ngang ngỗ với thầy. Đây là triệu chứng phong hóa lần lần hoang sơ, đời trụy. Thuở xưa các bậc cao tăng có khi vua mời không đến, vua xuống chiếu thơ cầu thỉnh tất xưng tặng như bậc thầy; nên ngài Huyền-Trang tịch mà vua Cao-Tôn bãi triều ba ngày, và các bậc hiền vương hoặc thường giá lâm đến chùa, hoặc thỉnh pháp nơi nội điện. Đời nay hàng sĩ thứ thấy tượng Phật không lễ, gặp bậc cao-tăng không chào; ấy cũng bởi bên trong ít người đạo đức, bên ngoài nhiều kẻ ngạo kiêu. Đây chính là triệu chứng Phật-pháp lần lần điêu phế vậy.

Tóm lại, năm thời kiên cố đi theo chiều kiếp giảm, nên căn lành của chúng-sanh càng ngày càng kém. Phước đức căn lành của nhơn loại càng kém, thì trong đạo càng ngày ít bậc cao-tăng, ngoài đời càng ngày thêm nổi đảo điên tai nạn. Cảm tác cảnh thanh tu giải thoát của người xưa, Bát-Chỉ-Đầu-Đà đã có câu:

“Mâu tháp đặng hôn tăng nhập định.
Tùng chi nguyệt lãnh hạc sơ hoàn”
(Giường lau đèn tối tăng vào định.
Trăng lạnh cảnh thông bóng hạc về)

Trong tầng giới ngày nay, khó tìm được phong độ tiêu sái ấy. Gần đây, Hu-Vân thiên-sư xuất thần lên cung trời Đâu-Xuất, được nghe Di-Lặc Bồ-Tát nói pháp Duy-tâm-thức-định; sau cùng Bồ-Tát thuyết kệ trong ấy có câu: “Kiếp nghiệp đương đầu. Cảnh tích phổ giác”. Đại ý của hai câu này, Bồ-Tát bảo ngài Hu-Vân: “Dưới trần thế đang ở trong giai đoạn khởi đầu của tam-tai tiểu-kiếp. Vậy người hãy trở về nhắc nhở khuyên mọi người nên giác ngộ, cố gắng tu hành”. Tân-Bà-Sa-Luận nói: “Nếu kẻ nào thọ giới bát sát đúng pháp trong một ngày đêm, sẽ được tránh khỏi tai nạn đao binh ở tương lai. Nếu kẻ nào đem lòng ân cần trong sạch dùng một trái Ha-lê-lặc cúng dường chư tăng, sẽ không gặp tai nạn tật dịch ở tương lai. (Ha-lê-lặc là thứ trái có thể trị bệnh, người muốn tịnh thí có thể dùng thuốc men để thay thế). Nếu kẻ nào sanh tâm bi mẫn, dùng một nắm cơm bố thí cho loài hữu-tình, quyết định không gặp tai nạn cơ cấn ở tương lai”.

Những ai muốn chũng phước duyên, tránh tam tai tiểu-kiếp, nên thực hành các hạnh lành như trên. Và muốn cho kiếp nạn được tiêu giảm, không chỉ sức của một đôi người, mà tất cả mọi người phải đồng tâm hướng thiện.

Tiết III: Những Lời Huyền Kỳ Về Thời Mạt Kiếp

Khi Đức Thế-Tôn sắp niết-bàn, Ngài có huyền ký tình trạng trong đời mạt-pháp và lúc chánh-pháp sắp diệt. Xin dẫn ra đây ít đoạn để cho hàng Phật-tử xuất-gia tại-gia tự kiểm điểm, gạn bỏ điều ác, tu tập pháp lành.

Trong kinh Đại-Bi, Đức Phật bảo: “Này A-Nan! Khi ta niết-bàn rồi, trong thời gian 500 năm rớt sau, nhóm người giữ giới, y theo chánh-pháp, lần lần tiêu giảm; các bè đảng phá giới, làm điều phi pháp, ngày tăng thêm nhiều. Do chúng-sanh phỉ báng chánh-pháp, gây nhiều ác hạnh, nên phước thọ bị tổn giảm, các tai nạn đáng kinh khiếp nổi lên. Bây giờ có nhiều Tỷ-khuru đắm mê danh lợi, không tu thân, tâm, giới, huệ. Họ tham trước những y, bát, thức ăn, sàng tòa, phòng xá, thuốc men, rồi ganh ghét tranh giành phỉ báng lẫn nhau, thậm chí đem nhau đến quan ty, lời nói như đao kiếm.

Cho nên, A-Nan! Đối với những vị xuất-gia tu phạm hạnh, thân khẩu ý thực hành đạo từ bi, ông nên cung cấp những thức cúng dường cho đầy đủ. Vị nào đối với các phạm hạnh hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc tin, hoặc làm, hoặc nhiều, hoặc ít, ông nên làm thế nào cho họ không khởi lòng náo loạn, nên vâng giữ điều này! Tại sao thế? Vì trong cõi ngũ trược vào thời mạt kiếp, có nhiều sự khổ nạn như: đói, khát, giặc, cướp, nắng hạn, bão lụt, các loài trùng phá hại mùa màng, tóm lại có nhiều nhân duyên làm cho chúng-sanh bị xúc náo.

A-Nan! Lúc bấy giờ có các hàng trưởng-giả, cư-sĩ, tuy bị nhiều sự khổ náo bức thiết, song vẫn sanh lòng tịnh tín, cung kính tôn trọng ngôi Tam-bảo, bố thí, giữ giới, tụng kinh, tu các công đức, khuyên người y theo Phật-pháp làm lành. Do thiện căn đó, khi mạng chung họ được sanh về Thiên-đạo, hưởng các điều vui. Còn các Tỷ-khuru ác kia, ban sơ dùng đức tin, tâm lành, bỏ tục xuất-gia; nhưng sau khi xuất-gia, họ lại tham trước danh lợi, không cố gắng tu hành, nên kết cuộc bị đọa vào ác đạo”...

Kinh Đại-Tập nói: “Trong đời mạt-pháp, có những vua, quan, cư-sĩ ý mình giàu sang quyền thế, sanh tâm kinh mạn, cho đến đánh mắng người xuất-gia. Nên biết những kẻ gây nghiệp ấy, sẽ bị tội đồng như làm cho thân Phật ra huyết...”

Kinh Ma-Ha-Ma-Gia nói: “Khi đấng Nhất-thiết-trí vào Niết-bàn rồi, một trăm năm sau, có Tỷ-khuru Ưu-Ba-Cúc-Đa, đủ tài biện thuyết như Phú-Lâu-Na, độ vô lượng chúng. Hai trăm năm sau, có Tỷ-khuru Thi-La-Nan-Đà, khéo nói pháp yếu, độ mười hai ức người trong châu Diêm-Phù. Ba trăm năm sau, có Tỷ-khuru Thanh-Liên-Hoa-Nhãn thuyết pháp độ được nửa ức người. Bốn trăm năm sau, có Tỷ-khuru Ngu-Khẩu thuyết pháp độ được một vạn người. Năm trăm năm sau có Tỷ-khuru Bảo-Thiên thuyết pháp độ được hai vạn người, và khiến cho vô số chúng-sanh phát tâm Vô-thượng-bồ-đề. Đến đây thời kỳ chánh-pháp đã chung mãn. Sáu trăm năm sau, 96 thứ ngoại-đạo phục hưng, nhiều tà thuyết nổi lên phá hoại chánh-pháp. Lúc ấy có Tỷ-khuru Mã-Minh ra đời, dùng tài huệ biện hàng phục ngoại giáo. Bảy trăm năm sau, có Tỷ-khuru Long-Thọ ra đời, dùng sức chánh trí xô ngã cột phước tà kiến, đốt sáng ngọn đuốc Phật-pháp. Tám trăm năm sau, hàng xuất-gia phần nhiều tham trước danh lợi, giải đãi buông lung, trong trăm ngàn người tu, chỉ có một ít người đặc đạo. Chín trăm năm sau, trong giới tăng ni, phần nhiều là hạng nô tỳ bỏ tục xuất-gia. Một ngàn năm sau, các Tỷ-khuru nghe nói pháp bất-tịnh-quán, pháp-sổ-tức, buồn chán không thích tu tập, trong trăm ngàn người chỉ có ít người được vào chánh định. Từ đó về sau, lần lần hàng xuất-gia hủy phá giới-luật, hoặc uống rượu, hoặc sát sanh, hoặc đem bán đồ vật của ngôi Tam-bảo, hoặc làm hạnh bất tịnh, nếu có con thì trai làm tăng, gái làm ni, chỉ còn số ít người biết giữ

giới hạnh, gắng lo duy trì và hoằng dương chánh giáo. Khi áo cà-sa của tăng ni biến thành sắc trắng, đó là triệu chứng Phật-pháp sắp diệt...”

Trong kinh Pháp-Diệt-Tận, Đức Phật bảo: “Về sau, khi pháp của ta sắp diệt, nơi cõi ngũ trược này tà đạo nổi lên rất thịnh. Lúc ấy có những quyến thuộc ma vào làm Sa-môn để phá rối đạo pháp của ta. Họ mặc y phục như thế gian, ưa thích áo cà-sa năm sắc, ăn thịt uống rượu, sát sanh, tham trước mùi vị, không có từ tâm tương trợ, lại ganh ghét lẫn nhau. Bảy giờ có các vị Bồ-Tát, Bích-Chi, La-Hán vì bản nguyện hộ trì Phật-pháp, hiện thân làm Sa-môn, tu hành tinh tấn, đạo hạnh trang nghiêm, được mọi người kính trọng. Các bậc ấy có đức thuần hậu, từ ái, nhân nhục, ôn hòa, giúp đỡ kẻ già yếu cô cùng, hằng đem kinh tượng khuyên người phụng thờ đọc tụng, giáo hóa chúng-sanh một cách bình đẳng, tu nhiều công đức, không nệ tổn mình lợi người. Khi có những vị Sa-môn đạo đức như thế, các Tỷ-khưu ma kia ganh ghét phỉ báng, vu cho những điều xấu, dùng đủ cách lấn áp, xua đuổi, hạ nhục, khiến cho không được ở yên. Từ đó các Tỷ-khưu ác càng lộng hành, không tu đạo hạnh, bỏ chùa chiền điều tàn hư phé, chỉ lo tích tụ tài sản riêng, làm các nghề không hợp pháp để sinh sống, đốt phá rừng núi làm tổn hại chúng-sanh không có chút từ tâm. Lúc ấy có nhiều kẻ nô tỳ hạ tiện xuất-gia làm tăng ni, họ thiếu đạo đức, dâm dật tham nhiễm, nam nữ sống lẫn lộn, Phật-pháp suy vi chính là do bọn này. Lại có những kẻ trôn phép vua quan, lẫn vào cửa đạo, rồi sanh tâm biếng nhác không học không tu. Đến kỳ tụng giới trong mỗi nửa tháng, họ chỉ lơ là gắng gượng, không chịu chuyên chú lắng nghe. Nếu có giảng thuyết giới luật, họ lược bỏ trước sau, không chịu nói ra hết. Nếu có đọc tụng kinh văn,

họ không rành câu, chữ, không tìm hỏi bậc cao minh, tự mãn cầu danh, cho mình là phải. Tuy thế, bề ngoài họ cũng ra vẻ đạo đức, thường hay nói phô, để hy vọng mọi người cúng dường. Các Tỷ-khuru ma này sau khi chết sẽ bị đọa vào Địa-ngục, Ngạ-quỷ, Súc-sanh trải qua nhiều kiếp. Khi đền tội xong, họ thác sanh làm người ở nơi biên địa, chỗ không có ngôi Tam-bảo.

Lúc Phật-pháp sắp diệt người nữ phần nhiều tinh tấn, ưa tu những công đức. Trái lại, người nam phần nhiều kém lòng tin tưởng, thường hay giải đãi khinh mạn, không thích nghe pháp, không tu phước huệ, khi thấy hàng Sa-môn thì rẻ rúng chê bai, xem như đất bụi. Lúc ấy, do nghiệp ác của chúng-sanh, mưa nắng không điều hòa, ngũ sắc hư hao, tàn tạ, bệnh dịch lưu hành, người chết vô số. Thời bấy giờ, hàng quan liêu phần nhiều khắc nghiệt tham ô, lớp dân chúng lại nhọc nhằn nghèo khổ, ai nấy đều mong cho có giặc loạn. Trong thế gian lúc ấy khó tìm được người lương thiện, còn kẻ ác thì nhiều như cát ở bãi biển, đạo đức suy đồi, chư thiên buồn thương rơi lệ.

Này A-Nan! Lúc đạo pháp ta sắp diệt, ngày đêm rút ngắn, con người đoản mệnh, nhiều kẻ mới bốn mươi tuổi, tóc trên đầu đã điểm bạc. Về phần người nam, bởi nhiều dâm dật nên hay yếu chết, trái lại người nữ sống lâu hơn. Lúc ấy có nhiều tai nạn nổi lên, như giặc cướp, bệnh tật, bão lụt, nhơn dân hoặc không tin hiểu đó là nghiệp báo, hoặc vì sống quen trong cảnh ấy, xem như là việc thường. Bấy giờ nếu có bậc Bồ-Tát, Bích-Chi, La-Hán dùng bi tâm ra giáo hóa, do nghiệp ác của chúng-sanh và sức ngoại ma xua đuổi, cũng ít ai đến dự pháp hội. Còn bậc tu hành chân chánh, phần nhiều ẩn cư nơi núi rừng xa vắng, giữ đời sống an vui đạm bạc, được chư thiên hộ trì. Khi

nhơn thọ giảm còn 52 tuổi, áo cà-sa của hàng Sa-môn đổi thành sắc trắng, kinh Thủ-Lăng-Nghiêm và Bát-Chu-Tam-Muội tiêu diệt trước, các kinh khác lần lần diệt sau, cho đến không còn văn tự.

Này A-Nan! Như ngọn đèn dầu trước khi sắp tắt, ánh đèn bỗng bùng sáng lên rồi lu mờ và mất hẳn. Đạo-pháp của ta đến lúc tiêu diệt cũng có tương trạng như thế. Từ đó về sau trải qua ức triệu năm, mới có Phật Di-Lặc ra đời giáo hóa chúng-sanh”.

Tiết IV: Đức Từ Thị Và Hội Long Hoa

Gần đây, có nhiều thuyết tuyên truyền nói không bao lâu hội Long-Hoa sẽ mở, Đức Di-Lặc sẽ ra đời giáo hóa chúng-sanh. Có người lại quả quyết rằng: độ chừng 40 năm nữa, sẽ có hội Long-Hoa mở ra tại núi Cấm. Chẳng những ở Việt-Nam, mà thời gian trước tại Trung-Hoa cũng có thuyết ấy. Đó là do những người của các giáo phái khác không tham khảo chính xác về đạo Phật, nghe nói hội Long-Hoa rồi phụ họa theo mà tuyên truyền, nếu có người thử hỏi ý nghĩa của hai chữ Long-Hoa, không chừng họ chẳng hiểu nữa là khác! Cũng có giáo phái cố ý đem hội Long-Hoa của đạo Phật làm của mình, nên mới sanh ra sự đồn đãi như trên. Xét ra họ được điểm tốt là khuyên mọi người cố gắng làm lành “để rồi gần đây sẽ gặp Di-Lặc”. Nhưng cũng có điều lỗi lầm là đã vô tình hoặc cố ý làm sai lạc giáo thuyết trong kinh Phật.

Theo Phật-giáo, Đức Thích-Ca ra đời lúc nhơn thọ còn 100 tuổi. Qua mỗi trăm năm thọ số con người bớt xuống 1 tuổi, giảm đến khi nhơn thọ còn 10 tuổi rồi lại tăng lên đến lúc

84.000 tuổi là mãn tiểu-kiếp thứ chín của trụ kiếp. Sang tiểu-kiếp thứ mười, lúc nhơn thọ từ 84.000 tuổi giảm còn 80.000 tuổi, Đức Di-Lặc mới ra đời. Từ khi Phật Thích-Ca niết-bàn đến nay đã được 2.508, ta tạm kể chẵn là 2.500 năm, mức sống con người hiện thời 75 tuổi là thượng thọ. Lấy mức nhơn thọ 75 tuổi kể theo số niên kiếp tăng giảm, thì từ đây đến lúc Đức Di-Lặc ra đời còn 8.805.500 năm nữa. Lúc Đức Di-Lặc thành chánh giác, Ngài ngồi nơi một gốc đại thọ, cành cây như mình rồng, hoa nở tủa ra bốn bên như những đầu rồng, nên gọi cây này là Long-Hoa-bồ-đề. Sau khi thành đạo quả, Phật Di-Lặc cũng ngồi nơi đây mà thuyết pháp, nên lại có danh từ Long-Hoa-pháp-hội.

Theo kinh Di-Lặc-Hạ-Sanh và Trường-A-Hàm, thì khi Đức Di-Lặc giáng sinh, nhơn thọ được tám muôn tuổi. Bảy giờ mực nước biển giảm xuống để lộ thêm 3.300 du-thiện-na đất liền, châu Nam-Thiệm-Bộ chu vi rộng được một vạn du-thiện-na. Dưới đây là một đoạn kinh tả cảnh tượng vui đẹp thanh bình trong lúc đó:

Thuở	ấy	nước	giàu	thạnh
Dân	không	bị	hình	phật
Khỏi	tất	cả	tai	ách
Chúng	nam	nữ	trong	xứ
Đều	do	thiện	nghiệp	sanh.
Đất	khắp	nơi	bằng	phẳng
Không	có	những	chông	gai
Cỏ	xanh	tốt	dịu	mềm
Đi	êm	như	bông	nệm
Ngoài	nội	mọc	lúa	thơm
Đủ	hương	vị	ngon	lạ.

Các	cây	sinh	y	phục
Mọi	vẻ	đều	tươi	sáng
Cây	cao		ba	câu-xá
Hoa	trái	thường	sung	mãn.
Bây	giờ	người	trong	nước
Đều	sống	tám	muôn	tuổi
Không	có	các	tật	bệnh
Tướng	mạo	rất	xinh	đẹp
Sắc	lực	đều	đầy	đủ
Tâm	hàng	được	an	vui
Khi	biết	mình	mệnh	chung
Đến	Thi-lâm		xả	thọ.
Chỗ	Luân-vương		đóng	đô
Là	thành		Diệu-Tràng-Tướng	
Dọc	mười		hai	do-tuần
Bảy	do-tuần		ngang	rộng.
Những	kẻ	ở	trong	đó
Đều	đã	chung	nhân	màu
Đây	là	nơi	phước	địa
Người	hưởng	cảnh	nhàn	vui
Lâu	đài	đề	trần	quốc
Bằng	bảy	báu	nguy	nga
Các	cửa	ngõ	trong	ngoài
Đều	trang	nghiêm	mỹ	lệ
Những	hào	lũy	quanh	thành
Cũng	xây	bằng	chất	báu
Hoa	tươi	khắp	bốn	bề
Chim	lành	bay	đậu	hót
Ngoài	thành		cây	Đa-la
Đủ	bảy	vòng	bao	bọc

Lưới	đẹp	cùng	linh	ngọc
Giăng	nổi	các	hàng	cây.
Mỗi	con	gió	thoảng	qua
Tiếng	linh	khua	thanh	diệu
Dường	như	nhạc	bát	âm
Khiến	lòng	người	vui	vẻ.
Trong	ngoài	nhiều	ao	hồ
Trong	hồ	nhiều	sen	lạ
Vườn	hoa	cùng	hương	lâm

Trang nghiêm cảnh thành ấy...

Đại khái, nhưn loại thời đó đều xinh đẹp sống lâu, trai gái 500 tuổi mới có vợ chồng. Cảnh vật trong nước sáng sủa tốt tươi, không có các loài ruồi muỗi rắn rết độc trùng; gạch ngói sạn đều biến thành lưu ly. Con người thuở ấy không bị khổ vì chiến tranh, khỏi lo nhọc về sự ăn mặc. Tất cả đều hiền lành, tu mừi nghiệp thiện, sau khi chết phần nhiều được sanh lên cõi trời. Nhưng phước đức chưa được đầy đủ, nên bấy giờ loài người còn có những nghiệp tướng như: nóng, lạnh, đói, khát, tiểu tiện, đại tiện, tham dục, thích ăn uống, suy già. Tuy nhiên, do phước nghiệp, khi đại tiểu tiện xong, đất chỗ ấy nứt ra rồi khép lại che dấu uest vật, hoa sen đỏ liền lộ lên tuôn ra mùi thơm đánh tan xú khí.

Vị Luân-vương thời đó tên là Hướn-ghê. Vua cai trị bốn châu, có bảy báu, một ngàn người con và đủ cả bốn binh. Trong nước có bốn kho tàng lớn; mỗi kho chứa trăm vạn ức châu báu. Vị Quốc-sư cũng chính phụ tướng đại-thần đương triều là Thiện-Tĩnh Bà-La-Môn, ông này có bà phu-nhơn xinh đẹp tên là Tĩnh-Diệu. Di-Lặc Bồ-Tát từ cõi trời Đâu-Suất giáng sinh làm con trai của vợ chồng Quốc-sư. Bồ-Tát lúc sanh ra, có

đủ 32 tướng tốt, thân hình đầy đặn, khuôn mặt đoan trang tươi sáng như trăng rằm, đôi mắt trong đẹp như cánh hoa sen xanh. Khi Bồ-Tát lớn lên, ngài thông thuộc các nghề, kẻ tùy học được 84.000 người. Một năm nọ, vua Hướng-Khê làm tràng Diệu-bảo để mở hội Thí-vô-giá, các phạm-chí vì giành giật châu báu làm gãy nát bảo tràng. Bồ-Tát thấy thế ngộ lý vô thường, xuất-gia tu thành Phật, hiệu là Từ-Thị Như-Lai. Trong hội thuyết pháp đầu tiên, Đức Từ-Tôn độ được 96 ức người thành đạo quả; hội thứ hai độ được 94 ức người và hội thứ ba độ được 92 ức người. Nơi thiên-môn, vào kỷ niệm Đức Di-Lặc, chư tăng ni thường đọc bài tán, trong ấy có câu: “Long-Hoa tam hội nguyện tương phùng” (Ba hội Long-Hoa nguyện được gặp). Câu này là chỉ cho ba pháp hội đã nói trên. Nhưng thật ra, Đức Từ-Thị Như-Lai thuyết pháp rất nhiều hội, chứ không phải chỉ có ba hội ấy. Sở dĩ trong kinh nói có ba là muốn nêu ra tánh cách quan trọng và lớn lao nhất của ba hội trong nhiều pháp hội đó thôi. Người nào muốn dự ba hội Long-Hoa, nên thực hành đúng ba điều kiện, theo lời nguyện của Đức Di-Lặc như sau:

1. Những vị tăng ni xuất-gia trong giáo pháp của Phật Thích-Ca-Mâu-Ni, nếu có thể giữ gìn giới hạnh trang nghiêm, tương lai sẽ được tham dự và độ thoát trong pháp hội đầu tiên của ta.

2. Hàng Phật-tử tại-gia, nếu giữ đúng Ngũ-giới, Bát-quan-trai-giới, phụng thờ và cung kính cúng dường ngôi Tam-bảo, sẽ được độ thoát trong pháp hội thứ hai của ta.

3. Những kẻ tuy chưa giữ giới, nhưng có lòng chánh tín đối với ngôi Tam-bảo biết kính lễ Phật và đem tâm thành cúng dường Phật, Pháp, Tăng, sẽ được độ thoát trong pháp hội thứ ba của ta.

Trên đây là đại lược về thời kỳ giảng sinh thành Phật của Đức Di-Lặc ở tương lai. Nếu vị nào muốn nghe pháp và được hóa độ trong ba hội Long-Hoa, cần nên chú ý.

Các Chủng Loại Thế Giới

Tiết				mục:
I.	Uế-độ	và		Tịnh-độ
II.	Tịnh-độ	phương		Tây
III.	Tịnh-độ	phương		Đông
IV.	Cõi	Phật	mười	phương
V.	Thế-giới	sai		biệt

Kinh sách tham khảo: Kinh Hoa-Nghiêm, Kinh Thất-Phật-Công-Đức, Kinh Lăng-Nghiêm, Kinh Vô-Lượng-Thọ, Kinh Quán-Vô-Lượng-Thọ, Kinh Phật-Thuyết-A-Di-Đà, Kinh Diệu-Pháp-Liên-Hoa, Kinh Duy-Ma-Cật.

Đề yếu: Khi nói kinh Thập-Thiện-Nghiệp-Đạo ở Long-cung, Đức Thế-Tôn đã chỉ cho chúng hội thấy vô số loài thủy tộc hình tướng kỳ lạ khác nhau, và bảo đó là do nghiệp ác sai biệt cảm hiện. Kế tiếp, Phật lại chỉ kim thân rực rỡ của mình, sắc tướng xinh đẹp trang nghiêm của các vị Bồ-Tát trong pháp hội, mà chứng minh rằng đó là kết quả của mười nghiệp lành. Ngay như hơn loại cõi này, chúng ta đã thấy có loài da trắng, da vàng, da đen, da đỏ, kẻ xinh đẹp, người xấu thô. Có xứ khí hậu mát mẻ, cây cối tốt tươi, nhiều ao hồ, cảnh đẹp, hơn dân thường hưởng phước thanh bình như nước Thụy Sĩ. Lại có các xứ địa thế gàn miền sa mạc, quanh năm nắng cháy, cây cỏ héo khô, con người vất vả; thổ dân ở những nơi đây phần nhiều hung dữ, có khi ăn thịt lẫn nhau. Đó đều là kết quả của những nghiệp nhân thiện hoặc ác.

Trong Tứ-tất-đàn của Phật nói, có môn Thế-giới-tất-đàn. Vì có những hạng chúng sanh nghe pháp tất-đàn này mà tỏ ngộ, hoặc phát tâm hướng đạo, nên trong các kinh, Đức Phật thường chỉ dẫn sự sai biệt về chánh-báo và y-báo của các cõi để hóa độ họ. Thế theo ý đó, trong bản chương đã lược trình bày về các cõi uế, tịnh, cùng sự sai biệt của thế giới ở mười phương, để cho duyệt giả thêm rộng tâm nhãn quan, và suy gẫm sâu về những nhân-quả khổ, vui, xấu, đẹp. Thiết tưởng đây cũng là một điều cần yếu.

Tiết I: Uế Độ Và Tịnh Độ

Trong các thâm kinh như Phạm-Võng, Pháp-Hoa, Đức Thế-Tôn đã từng có lời khuyên phải dè dặt không nên đem pháp Đại-thừa nói cho hạng tiểu cơ, hoặc những kẻ kém lòng tin, thiếu căn lành nghe; vì e họ không liễu giải rồi sanh lòng phỉ báng mà mang tội. Bởi sự tin hiểu của phàm-phu không ngoài các giác quan như mắt thấy, tai nghe; những cái gì vượt quá tâm tri thức thông thường, tất họ không chấp nhận. Song lắm khi các việc ta chưa thấy, chưa hiểu nổi, thật ra nó chẳng phải không có, chỉ do ta thiếu sự bác lãm, hoặc kém trí suy luận mà thôi. Như trước kia, vì chưa tiếp xúc với nền khoa học cơ giới của Tây-phương, người Đông-phương nghe một đôi kẻ thuật lại những việc khác lạ ở các nước văn minh, đều cho là đi xa về nói dối. Và bởi chưa mục kích về hiện tượng thuộc khoa học huyền bí của Đông-phương, người Tây-phương cho những bùa chú của Đông-phương là mê tín dị đoan. Thật ra giữa thế gian này cũng có những việc mê tín dị đoan, song cũng có những hiện tượng mà các nhà mệnh danh là bác học cũng ngỡ ngác

không giải thích nổi. Việc hiện tại mà còn như thế, huống là những việc cao xa? Trong các kinh Phật nói, nhất là Kinh-điển Đại-thừa, có những sự lý mà bậc huệ nhãn A-la-hán không thấy hiểu được trừ bậc đẳng-địa Bồ-Tát và hàng phàm-phu hay Thanh-Văn, Duyên-Giác có tín căn Đại-thừa. Vì thế, đối với kinh nghĩa Đại-thừa, có kẻ không tin hiểu nổi rồi cho đó là những điều tưởng tượng; lại có người hiểu không thấu suốt rồi giải thích sai lầm. Phạm vào các lỗi này, có khi là những học giả giỏi về thế pháp muốn nghiên cứu qua tôn-giáo, có khi là hàng Phật-tử tại-gia, một đôi khi là những vị xuất-gia kém thông hiểu.

Vì những lý do trên, nên khi sưu khảo kinh tạng để viết về chương Chứng-chủng-loại-thế-giới này, bút giả đã đôi ba phen băn khoăn, ngần ngại... Song nghĩ lại, pháp Đại-thừa của Phật chẳng lẽ không được tuyên dương, biết đâu có nhiều người tin nhận được mà mình không diễn dịch cũng là một điều phụ với bi tâm của Phật? Bởi suy xét như thế, bút giả mới đem tâm thành thật và sự phô diễn thô sơ mà viết ra chương này. Lòng tin cố nhiên là điều không thể ép buộc, nhưng mong rằng khi xem qua bản chương, những điều nào mà duyệt giả chưa thể chấp nhận, cũng xin thông thả đừng vội chê bai, vì đây là lời trích dịch theo kinh Phật, người muốn học Phật phải tiềm tâm suy nghĩ kỹ. Và đó mới là thái độ trung thật của nhà học giả.

Trong kinh Lăng-Nghiêm, Đức Phật bảo: “Này A-Nan! Hư không sanh trong tâm ông ví như một áng mây nhỏ điểm giữa khoảng trời xanh rộng lớn bao la, huống chi vô lượng thế-giới ở trong hư không ư?” Các kinh khác cũng cho ta biết rằng,

ngoài cõi Ta-Bà còn có nhiều thế-giới khác, và trong biển tánh chân-như có vô biên quốc độ, gồm các cõi tịnh và uế.

Thế nào là Tịnh-độ? Tịnh-độ là một cõi mà từ người đến cảnh đều trong sạch đẹp lành. Về phương diện người, tức là phần chánh-báo, có những điều kiện như sau: 1. An vui không bệnh. 2. Thọ mạng lâu dài. 3. Thân tướng xinh đẹp. 4. Không có sự giàu, nghèo, sang hèn cách biệt nhau. 5. Tâm tánh nhu hòa, ý chí cao thượng. 6. Đạo tâm không lui sụt. 7. Người đều hóa sanh, không có sự uế nhiễm về nam nữ, sanh dục. 8. Không có trẻ, già, mạnh, yếu khác nhau. 9. Không có các sự nhơ nhớp như nước mắt, nước mũi, mồ hôi, đàm dãi, đại tiểu tiện. 10. Đạo đức tinh thần, trí huệ thông suốt. 11. Không có các nỗi khổ về tinh thần, thể chất. 12. Sự ăn thọ dụng đều tự nhiên. 13. Có đủ huệ nhãn, chánh kiến. 14. Có ngũ thông hoặc lục thông. 15. Thường trụ nơi chánh định.

Về phương diện cảnh, tức là phần y-báo, lại có những điều kiện như sau: 1. Đất đai bằng phẳng, do bảo chất hợp thành, không có sông, biển, núi, gò, chông gai, hầm hố. 2. Không có các nạn cảnh như: chiến tranh, bão, lụt, động đất, nắng hạn, dịch khí, đói khát, sấm sét, sa mù. 3. Khắp nơi đều trong tạnh sáng suốt, không cần ánh quang minh của mặt trời, mặt trăng, đèn đuốc, và không có ngày đêm. 4. Khí hậu thường mát mẻ điều hòa, không có các thời tiết nắng, mưa, nóng, lạnh. 5. Tất cả vật kiện đều khéo đẹp tinh khiết, không mục nát hư hoại. 6. Đường xá, lan can, cây, hoa, đều nghiêm chỉnh xinh đẹp, có hàng lối. 7. Điện các, lầu đài đều nguy nga tráng lệ, hóa hiện tự nhiên, không cần phải dùng sức người kiến trúc. 8. Âm nhạc vi diệu không cần người hòa tấu, muốn nghe liền tự trỗi lên, không thích nghe lại tự yên lặng. 9. Trừ loài người ra, không có

thú dữ, ruồi, muỗi, rắn, rít, độc trùng, cùng những loại động vật khác, duy có các thứ chim đẹp lạ do thần lực của Phật, hoặc Bồ-Tát hóa hiện. 10. Khắp nơi có nhiều ao thất bảo, trong ấy nước Bát-công-đức đầy đầy, các hoa sen đủ màu sắc, màu nào phóng ánh sáng nấy. 11. Nước ở các ao trong sạch ngọt thơm, tùy ý người mà lên, xuống, ấm, mát. 12. Tất cả cảnh vật, khí dụng đều do từ một thứ báu đến nhiều thứ báu hóa thành. 13. Thường có mưa hoa đúng thời rơi xuống. 14. Người tuy tăng thêm, nhưng quốc độ không chật hẹp, vật dụng không thiếu hụt. 15. Thường có Phật, Bồ-Tát ứng hiện giáo hóa, không bị nạn ngoại-đạo tà-ma.

Những cõi nào có đủ điều kiện người và cảnh như trên, mới thật đúng là Tịnh-độ. Ngoài ra nếu các cõi chỉ có phần ít thanh tịnh, chưa được viên mãn, chỉ tạm gọi là Tịnh-độ trên phương tiện giả lập mà thôi. Như thế-giới hoàng kim theo người đời hằng mơ ước, hoặc cõi này vào lúc hơn thọ 84.000 tuổi, cũng có thể tạm gọi là hơn gian Tịnh-độ.

Sao gọi là Uế-độ? Đây là cõi mà từ người đến cảnh đều không trong sạch an lành. Như phần người, về thân thì có sự suy già, thô xấu, tật bệnh, đủ các điều như nhóp; về tâm lại có những phiền não, dục nhiễm, ác kiến. Phần cảnh thì có những hầm hố, gai chông, bùn lầy, sạn sỏi, muỗi mòng, rắn rít, ác thú, độc trùng, thiên tai, hơn họa. Tóm lại Uế-độ là cõi có những điều kiện trái hẳn với Tịnh-độ.

Những cõi Tịnh-độ đều do công đức, nguyện lực của Phật, Bồ-Tát, cùng thiện nghiệp của dân chúng cõi đó cảm hiện. Còn Uế-độ là do nghiệp bất tịnh của chúng-sanh nơi cõi ấy tạo thành.

Tiết II: Tịnh Độ Phương Tây

Về Uê-độ, đại khái như cõi Ta-Bà hiện tại mà chúng ta đang ở, không có chi kỳ đặc đáng kể. Dưới đây, xin trích dẫn các kinh Vô-Lượng-Thọ, Quán-Vô-Lượng-Thọ, Phật-Thuyết-A-Di-Đà, lược thuật về chánh-báo, y-báo cõi Cực-Lạc, một Tịnh-độ vị trí thuộc phương Tây của thế-giới này. Hiểu qua y chánh cõi Cực-Lạc, tức sẽ quan niệm chung được những y chánh các cõi tịnh ở mười phương; vì quan cảnh cõi Cực-Lạc thế nào, những Tịnh-độ khác về sự thanh tịnh trang nghiêm, cũng tương tự như thế ấy.

A. Chánh-báo cõi Cực-Lạc

1. Thân tướng trang nghiêm: Thân thể của nhơn dân cõi Cực-Lạc đều là sắc chân kim, đủ 32 tướng, dung nghi xinh đẹp nhiệm màu, hình mạo đồng nhau không có ai hơn kém. Tất cả đều thọ thân thể vô cực, tự nhiên. Thân tướng của Tây-Phương-Tam-Thánh lại càng muôn phần trang nghiêm vi diệu.

2. Thọ mạng vô lượng: Người ở cõi Cực-Lạc đều sống lâu vô lượng vô biên A-tăng-kỳ-kiếp, trừ những vị có bản nguyện đi đến các cõi khác để độ sanh muốn trụ thọ mạng dài hay ngắn đều được tùy ý.

3. Thần thông tự tại: Dân chúng cõi Cực-Lạc đều có ngũ thông là: Thiên-nhĩ-thông, Thiên-nhãn-thông, Tha-tâm-thông, Túc-mạng-thông, và Thần-túc-thông. Nếu vị nào chứng quả A-la-hán, thì kiêm được Lậu-tận-thông.

4. Thường ở trong chánh định: Tất cả đều trụ nơi chánh-định-tụ.

5. Không đọa ác đạo: Kẻ nào được sanh về cõi ấy, tất không còn bị đọa vào ba đường ác là: Địa-ngục, Nga-quỷ, Bàng-sanh.

6. Hóa sanh nơi hoa sen: Như dân cõi Cực-Lạc đều hóa sanh nơi hoa sen trong ao thất bảo, thuần là người nam, không có sự ái-dục và thai-sanh.

7. Thân thể tinh sạch: Chúng-sanh ở cõi Cực-Lạc thọ thân kim cương, thể chất thơm tho tinh sạch, không có các uế vật như mồ hôi, đờm dãi, đại tiểu tiện; không thọ các sự khổ: sanh, già, bệnh, chết, thân ái, biệt ly, oán thù gặp gỡ, mong cầu không toại ý và năm âm lầy lừng.

8. Vui như bậc lậu-tận: Như dân ở cõi ấy thân tâm thường được an vui như bậc Lậu-tận-Tỷ-khuru.

9. Đạo tâm không lui sụt: Những kẻ sanh về cõi này, đều thành bậc A-Bệ-Bạt-Trí, đối với đạo vô thượng không còn thoái chuyển, tu hành mạnh mẽ tinh tấn cho đến khi thành Phật.

10. Trí huệ biện tài: Như dân cõi Cực-Lạc có vị đọa tụng, thọ trì, diễn giảng kinh pháp; có vị tư duy diệu nghĩa, nhập định tham thiền; tất cả đều đủ trí huệ biện tài.

11. Được Vô-sanh-nhẫn: Đã sanh về cõi ấy tất sẽ chứng được vô-sanh-pháp-nhẫn và các môn thâm-tổng-trì.

12. Cúng dường chư Phật: mỗi buổi sớm mai, như dân nước Cực-Lạc thường đem các thứ hoa quý lạ đi cúng dường chư Phật ở mười phương. Nếu muốn cúng dường hương màu, y

phục, bảo cái, tràng phan; do nhờ nguyện lực của Phật A-Di-Đà, đồ cúng dường quý đẹp đúng theo ý muốn, liền hiện trên không nhóm lại như mây, rồi uyển chuyển rơi xuống đạo tràng thành pháp cúng dường. Khi cúng dường và nghe thuyết pháp xong, trong khoảnh khắc, tất cả đều trở về bản quốc trước giờ thọ thực.

13. Không ba ác-đạo: Ở cõi Cực-Lạc không có các loài Địa-ngục, Nga-quỷ, Bàn-sanh, cho đến không nghe điều chi bất thiện huống nữa là có thật.

14. Gần gũi Thánh-chúng: Người sanh về cõi Cực-Lạc, thường được gần gũi các bậc đại Bồ-Tát như Quán-Âm, Thế-Chí, Văn-Thù, Phổ-Hiền, chung quanh mình toàn là bậc thượng thiện, không có thầy tà bạn ác.

15. Oai lực tự tại: Các bậc Thanh-Văn, Bồ-Tát ở Cực-Lạc, thần thông rộng lớn, oai lực tự tại, có thể nhiếp trì tất cả thế-giới trong bàn tay.

16. Thân quang rực rỡ: Ánh sáng nơi thân của chúng Thanh-Văn ở cõi ấy chiếu xa một tầm, còn quang minh của hàng Bồ-Tát chiếu xa từ 100 do-tuần đến Tam-thiên-đại-thiên-thế-giới.

17. Nhiều Thanh-Văn, Bồ-Tát: Chúng Thanh-Văn ở pháp hội đầu tiên của Phật A-Di-Đà nhiều đến vô số. Các chúng Bồ-Tát cũng như vậy. Đức Bồn-Sur bảo ngài A-Nan: “Người có trí huệ thần thông như bọn ông Xá-Lợi-Phát, Mục-Kiền-Liên, đến kể các bậc Bồ-Tát, Thanh-Văn trong pháp hội đầu tiên ấy, cũng không biết số lượng là bao nhiêu, huống chi các pháp hội khác!”

18. Bậc Bỏ-xử-vô-biên: Chúng-sanh sanh về cõi Cực-Lạc đều là bậc A-bệ-bạt-trí. Trong ấy những vị Nhất-sanh-bỏ-xử Bỏ-Tát rất nhiều, không thể dùng toán số tính kể được, chỉ có thể đem số vô lượng vô biên A-tăng-kỳ để nói mà thôi.

B. Y-báo cõi Cực-Lạc

1. Quốc độ bằng phẳng: Toàn cõi Cực-Lạc bằng phẳng, trong sạch không một điểm trần, không có núi Tu-Di, Kim-Cang và tất cả các núi, cũng không có các biển lớn nhỏ, sông, suối, giếng, hang.

2. Bảy báu làm đất: Quốc-độ của Phật A-Di-Đà, đất là lưu ly xen với thất bảo, trong ngoài chói suốt nhau, dưới có tràng kim cương thất bảo nâng đỡ. Tràng này hình bát giác đều đặn, mỗi phía do tám thứ báu hợp thành. Mỗi hạt bảo châu phóng ra ngàn tia sáng, mỗi tia sáng có 84.000 sắc chói, đất lưu ly sáng như ngàn ức mặt trời. Mặt đất lưu ly bằng phẳng, có giầy hoàng kim cùng thất bảo giăng phân khu vực và đường xá. Mỗi khu vực rộng rãi bao la, cảnh trí kỳ lệ nhiệm màu, trang nghiêm thanh tịnh.

3. Khí hậu điều hòa: Khí hậu ở cõi Cực-Lạc không nóng không lạnh, thường mát mẻ điều hòa, không có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông.

4. Lưới báu trang nghiêm: Trên hư không có vô lượng lưới báu chia từng khuôn, giăng che khắp Phật-độ. Lưới này giầy bằng chất nhuyễn kim hoặc chơn châu, trang nghiêm bằng vô lượng kỳ trân tạp bảo, quang sắc rực rỡ như sao. Chung quanh mỗi khuôn lưới có treo nhiều linh báu, mỗi khi gió nhẹ thoảng qua, các bảo linh ấy phát ra vô lượng pháp âm nhiệm. Chư

thiện như nghe rồi tự nhiên sanh lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

5. Sáu thời mưa hoa: Ở cõi Cực-Lạc, ngày đêm sáu thời mưa xuống hoa Mạn-đà-la, gió nhẹ phi phát, hoa bay khắp Phật-độ. Hoa này nhu nhuyến, thơm tho; chớ thiện như lúc bước chân đi, hoa lún xuống bốn tác, khi giở chân lên, hoa tròn nguyên như cũ. Thánh-chúng thưởng ngoạn và thọ dụng mưa hoa xong, Mạn-đà-la hoa lần lượt biến mất, mặt đất trở lại vẻ trang nghiêm, tịnh khiết.

6. Bảo trì thơm sạch: Ở cõi Cực-Lạc nơi nơi đều có bảo trì rộng rãi mệnh mang, trong ao đầy đầy nước Bát-công-đức trong sạch thơm tho, vị như cam-lộ. Những ao này do từ một thứ báu đến bảy thứ báu tạo thành, như thành ao bằng hoàng kim, đáy ao trải cát thủy tinh; thành ao bằng bạch ngân, xa cừ, mã não, đáy ao trải cát lưu ly; hoặc thành ao bằng bạch ngọc, đáy ao trải cát kim cương nhiều màu.

7. Nước ao tùy ý: Các thượng thiện như lúc vào ao để tắm, tùy theo ý muốn, nước tự dâng lên, hoặc ngập đến đầu gối, đến bụng, đến cổ. Nước này từ như-ý-châu-vương sanh ra, tùy tâm người mà lên xuống, hoặc sâu, hoặc cạn, hoặc ấm, hoặc mát, rất điều hòa, thuận thích.

8. Sen báu nhiệm màu: Mỗi ao có sáu mươi ức hoa sen thất bảo. Mỗi hoa sen tròn lớn 12 do-tuần, có trăm ngàn ức cánh, đủ các màu xinh đẹp, màu nào chiếu ánh sáng ấy. Nước Bát-công-đức chảy lên xuống theo cọng sen hoặc lòn vào cánh hoa, phát ra tiếng thanh tao diễn nói pháp màu: Khổ, Không, Vô-thường, Vô-ngã và các môn Ba-la-mật.

9. Cây đạo tràng thọ: Cây bồ-đề nơi đạo tràng của Phật do các thứ báu hợp thành, chất báu căn bản tên là Nguyệt-Quang-Ma-Na-Trì-Hải-Luân. Thân cây trang nghiêm bằng ngọc anh lạc treo rủ xuống, chiếu ra ngàn muôn sắc. Trên ngọn cây có lưới báu phủ giăng; nơi thân cây và lưới báu tùy thời ứng hiện vô lượng Phật-sự trang nghiêm.

10. Bảo thọ phát âm: Khắp cõi Cực-Lạc có những cây thất bảo mọc theo hàng lối ngay thẳng, có thứ cây thuần một chất báu, hoặc hai, ba, cho đến bảy chất báu hợp thành. Các hàng cây, thân cây, cành, lá, hoa, trái đều có sự tương đối cân phân. Tất cả Phật-sự ở cõi Cực-Lạc và mười phương thế-giới đều hiện bóng rõ nơi thân cây như vật hiện trong gương sáng. Những hoa xinh đẹp sắc vàng Diêm-phù-đàn xen trong kẽ lá, sáng rõ như những vòng lửa. Trên hoa tự nhiên có trái thất bảo hình như chiếc bình quý của trời Đế-Thích. Sự trang nghiêm của bảo thọ nhìn xem không thể xiết! Gió mát từ thân cây nhẹ nhàng phát ra, nổi lên năm thứ âm thanh vi diệu, tự nhiên hòa tấu, còn nhiệm màu hơn tiếng nhạc của trời Tha-Hóa ngàn muôn ức lần! Âm thanh của bảo thọ diễn nói pháp màu! Chúng-sanh ở cõi ấy tai nghe tiếng tăm, mắt thấy màu sắc, mũi ngửi hương thơm, lưỡi nếm vị ngon, thân tắm ánh sáng, ý duyên diệu pháp của cây báu, đều được sáu căn thanh triệt, trụ nơi bất thối chuyển.

11. Bảo tòa quý lạ: Ở cõi Cực-Lạc, Phật, Bồ-Tát cùng Thánh-chúng đều ngồi tòa sen báu. Các liên tọa này do từ một hai, cho đến vô lượng chất báu hợp thành, màu sắc đẹp lạ, quang minh sáng rõ, nhu nhuyễn lớn nhỏ xứng theo thân thể người ngồi. Tòa sen của Phật có 84.000 cánh, mỗi cánh rộng 250 do-tuần, có 100 màu. Nơi mỗi cánh hoa lại hiện 84.000 lần

gân, phóng ra 84.000 tia sáng, có trăm ức châu ma-ni xen lẫn vào. Đài sen bằng chất Thích-ca-tỳ-lăng-già-bảo, trang nghiêm xen lẫn tám muôn thứ ngọc kim-cương, ma-ni. Sự kỳ lệ của liên tòa này vô cùng, đây là chỉ kể phần sơ lược.

12. Cung điện trang nghiêm: Những giảng đường, tinh xá, lầu các, cung điện của Phật, Bồ-Tát, như dân nơi cõi Cực-Lạc, do vô lượng trân bảo hợp thành, trăm ngàn muôn lần quý đẹp hơn Tự-Tại-Thiên-cung. Những đèn đài này có thứ nổi lên giữa hư không, cao lớn tùy theo ý muốn của người ở, có thứ không theo ý muốn mà trụ trên bảo địa. Đây là do công hạnh tu hành có hơn kém mà trụ xứ khác nhau, nhưng sự thọ dụng về ăn mặc thì đều bình đẳng.

13. Thức uống ăn tinh khiết: Như dân cõi Cực-Lạc khi muốn uống ăn thì bát khí thất bảo như: vàng, bạc, lưu ly, tùy ý hiện ra trước mặt. Trong các thứ đồ báu ấy có đầy đủ trăm vị ẩm thực, ăn vào tự nhiên tiêu hóa không còn cặn bã, có vị chỉ thấy sắc, nghe hương tự nhiên no đủ, không cần phải ăn uống. Khi sự việc đã xong, bảo khí tự nhiên ẩn mất, đúng thời lại hiện ra, không cần phải dọn dẹp.

14. Pháp phục tùy tâm niệm: Y phục của dân chúng ở cõi này, tùy tâm niệm liền hiện ra nơi thân. Tất cả y phục đều quý đẹp tự nhiên, không cần phải cắt, may, nhuộm, giặt.

15. Hóa cầm nói pháp: Đức Phật A-Di-Đà vì muốn cho pháp âm lưu thông, hóa hiện ra vô số thứ chim tạp sắc kỳ lạ như: Bạch-hạc, Không-tước, Anh-võ, Xá-lợi, Ca-lăng-tần-già, Cộng-mạng, Hồng, Nhạn, Oan-ương.... Các thứ chim này ngày đêm sáu thời kêu lên tiếng hòa nhã, diễn nói những pháp như:

năm căn, năm lục, bảy phần bồ-đề, tám phần thánh-đạo. Chúng-sanh ở cõi ấy nghe rồi, tự nhiên sanh lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

16. Hương thơm bay khắp: Ở cõi Cực-Lạc, từ mặt đất cho đến hư không, cung điện lầu đài, ao nước cây hoa, đều do vô lượng tạp bảo, trăm ngàn thứ hương kết thành, sự trang nghiêm kỳ diệu vượt hơn các cõi trời. Mùi hương bay xa đến mười phương thế-giới, hàng Bồ-Tát nghe rồi đều tu Phật hạnh.

17. Vạn vật nghiêm đẹp: Tất cả muôn vật ở cõi này đều nghiêm, sạch, sáng, đẹp, hình sắc lạ thường, vi diệu cùng cực, không thể diễn tả và nói hết số lượng.

18. Quốc độ sáng trong: Cõi Cực-Lạc sáng sạch trong ngần, in bóng vô số thế-giới của chư Phật ở mười phương. Sự ảnh hiện này rất phân minh, như người nhìn vào gương soi thấy mặt mình.

Tiết III: Tịnh Độ Phương Đông

Như trên đã lược thuật phần y chánh của thế-giới Cực-Lạc ở phương Tây. Nhưng phương Tây chẳng phải chỉ có một cõi tịnh là Cực-Lạc, mà còn vô số Tịnh-độ khác. Các phương kia cũng như thế. Xin y theo kinh lược dẫn ra đây một ít Tịnh-độ ở phương Đông để làm tỷ lệ cho những Tịnh-độ khác ở mười phương.

Kinh Thất-Phật-Công-Đức nói: “Từ đây qua phương Đông cách bốn căng-già-sa cõi Phật, có thế-giới tên là Vô-Thắng, Phật hiệu Thiện-Danh-Xung-Kiết-Tường-Vương Như-Lai.

Cách năm cãng-già-sa cõi Phật có thế-giới tên là Diệu-Bảo, Phật hiệu Bảo-Nguyệt-Trí-Nghiêm-Quang-Âm-Tự-Tại-Vương Như-Lai. Cách sáu cãng-già-sa cõi Phật, có thế-giới tên là Viên-Mãn-Hương-Tích, Phật hiệu Kim-Sắc-Bảo-Quang-Diệu-Hạnh-Thành-Tự-Vương Như-Lai, cách bảy cãng-già-sa cõi Phật, có thế-giới tên là Vô-Uu, Phật hiệu Vô-Uu-Tối-Thắng-Kiệt-Tường-Vương Như-Lai. Cách tám cãng-già-sa cõi Phật, có thế-giới tên là Pháp-Tràng, Phật hiệu Pháp-Hải-Lôi-Âm-Vương Như-Lai. Cách chín cãng-già-sa cõi Phật có thế-giới tên là Thiện-Trụ-Bảo-Hải, Phật hiệu Pháp-Hải-Thắng-Huệ-Du-Hí-Thần-Thông-Vương Như-Lai. Cách mười cãng-già-sa cõi Phật, có thế-giới tên là Tịnh-Lưu-Ly, Phật hiệu Dược-Sư-Lưu-Ly-Quang Như-Lai.

Những thế-giới trên đây đều do các thứ trân bảo hòa hợp tạo thành, Thánh-chúng đều hóa sanh nơi hoa sen, công đức và sự trang nghiêm xinh đẹp, cũng giống như cõi Cực-Lạc ở phương Tây”.

Tiết IV: Cõi Phật Mười Phương

Trong mười phương, mỗi phương, đều có vô biên Tịnh-độ và Uế-độ. Các cõi đều có Phật ra đời giáo hóa chúng-sanh, nên trong kinh thường gọi là Phật-độ hay Phật-sát. Mỗi cõi Phật hoặc lấy một, mười, trăm, ngàn muôn, ức, triệu cõi Đại-thiên làm một Phật-độ; hoặc lấy một hằng-hà-sa hay nhiều hằng-hà-sa cõi Đại-thiên làm một Phật-độ. Như trong Kinh Pháp-Hoa, Đức Thích-Ca đã thọ ký cho ngài Phú-Lâu-Na, sau vô lượng A-tăng-kỳ-kiếp sẽ thành Phật, hiệu là Pháp-Minh Như-Lai.

Đảng Điều-Ngự này lấy một hằng-hà-sa cõi Đại-thiên làm một Phật-độ, cõi nước tên là Thiện-Tịnh, cảnh vật ở bản quốc đều do bảy báu hợp thành. Để chứng minh ngoài cõi Ta-Bà này còn có nhiều thế-giới khác, xin trích kinh tạng đơn cử trong mười phương mỗi phương một cõi Phật để làm chỉ cho vô biên Phật-độ.

Kinh Hoa-Nghiêm nói: “Phương đông cõi Ta-Bà này, có thế-giới tên là Mật-Huẩn. Phương Nam có thế-giới tên là Phong-Dật. Phương Tây có thế-giới tên là Ly-Cầu. Phương Bắc có thế-giới tên là Phong-Lạc. Phương Đông-bắc có thế-giới tên là Nhiếp-Thủ. Phương Đông-nam có thế-giới tên là Nhiêu-Ích. Phương tây nam có thế-giới tên là Tiên-Thiếu. Phương tây bắc có thế-giới tên là Hoan-Hỷ. Hạ phương có thế-giới tên là Quan-Thược. Thượng phương có thế-giới tên là Chân-Âm. Các đảng Như-Lai trong mười phương thế-giới này, mỗi vị có nhiều danh hiệu, cho đến vô lượng chư Phật ở vô số thế-giới cũng đều như thế”.

Tiết V: Thế Giới Sai Biệt

Trong mười phương hư không có nhiều chủng loại thế-giới; có thế-giới nhỏ hình tướng chúng-sanh và cảnh vật cũng nhỏ; có thế-giới lớn, hình tướng chúng-sanh và cảnh vật cũng lớn. Như kinh Pháp-Hoa nói:

Bấy giờ Đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni từ nơi tướng đại nhơn là nhục kế và tướng lông trắng giữa đôi mày, phóng ra ánh sáng soi khắp tám trăm muôn ức na-do-tha hằng-hà-sa thế-giới chư Phật ở phương đông. Qua khỏi số các cõi đó, có thế-giới

tên là Nhất-Thế-Tịnh-Quang-Trang-Nghiêm. Đấng chánh giác ở cõi này thánh-danh Tịnh-Hoa-Tú-Vương-Trí, có đủ mười hiệu là: Như-Lai, Ứng-Cúng, Chánh-Biến-Tri, Minh-Hạnh-Túc, Thiện-Thệ, Thế-Gian-Giải, Vô-Thượng-Sĩ, Điều-Ngự-Trượng-Phu, Thiên-Nhơn-Sư, Phật-Thế-Tôn, đang thuyết pháp cho vô lượng vô biên chúng Bồ-Tát cung kính vi nhiễu ánh sáng bạch hào của Đức Thích-Ca-Mâu-Ni soi khắp quốc độ ấy. Lúc đó, trong cõi Nhất-Thiết-Tịnh-Quang-Trang-Nghiêm có một vị Bồ-Tát tên là Diệu-Âm. Vị Bồ-Tát này đã gieo trồng các cội công đức từ nhiều kiếp lâu xa, và đã gàn gũi cúng dường vô lượng trăm ngàn muôn ức chư Phật....

Khi ấy, Đức Phật Tịnh-Hoa-Tú-Vương-Trí bảo Diệu-Âm Bồ-Tát: “Thiện-nam-tử. Hình thế cõi Ta-Bà kia nơi cao chỗ thấp không được bằng phẳng, có những núi đất đá và đầy dẫy sự nhơ xấu. Thân Phật và chúng Bồ-Tát ở cõi ấy đều kém nhỏ, mà thân của ông lại cao đến bốn vạn hai ngàn do-tuần, thân ta cao sáu trăm tám mươi vạn do-tuần. Sắc tượng của ông do trăm ngàn muôn phước tập hợp hiện thành, sáng rõ nhiệm màu, xinh đẹp bậc nhất. Tuy nhiên, khi qua cõi kia, ông chớ nên vì thế mà đối với Phật, Bồ-Tát và quốc độ ấy, sanh tư tưởng khinh mạn, cho là hạ liệt...”

Bấy giờ Diệu-Âm đại sĩ cùng 84.000 chúng Bồ-Tát ẩn thân nơi cõi Tịnh-Quang, cùng nhau sang Ta-Bà thế-giới. Khi vượt qua các quốc độ, đất đai của những cõi này bỗng rung động sáu cách, trên hư không mưa xuống hoa sen thất bảo trăm ngàn thiên nhạc tự nhiên hòa tấu. Mắt của Diệu-Âm Bồ-Tát như đôi cánh hoa sen xanh biếc rộng rãi. Khuôn mặt của ngài còn đoan chánh rực rỡ hơn trăm ngàn muôn mặt trăng sáng hòa hợp. Và thân thể của ngài do vô lượng trăm ngàn công đức trang

nghiêm, đầy đủ các tướng, bền chắc như Na-la-diên, sắc vàng chiếu diệu, hiện vẻ uy đức tôn nghiêm.

Trong kinh Duy-Ma-Cật cũng có đoạn nói:

“Lúc ấy trưởng-giả Duy-Ma-Cật hỏi ngài Văn-Thù-Sư-Lợi: “Nhân giả đã từng du ngoạn khắp vô lượng a-tăng-kỳ Phật-độ, có thấy thứ tòa sư tử nào kỳ xảo và quý đẹp bậc nhất chăng?” Văn-Thù Bồ-Tát đáp: “Cư sĩ! Về phương Đông cõi này, trải qua ba mươi sáu hằng-hà-sa quốc độ, có thế-giới Tu-Di-Tướng, vị hóa chủ là Đức Phật Tu-Di-Đấng-Vương, Đấng Như-Lai ấy thân cao tám muôn bốn ngàn do-tuần, tòa sư tử bề cao và rộng cũng như thế. Tòa này do công đức thượng diệu hóa thành, trang nghiêm xinh đẹp bậc nhất...” Và đoạn:

“Bấy giờ trưởng-giả Duy-Ma-Cật liền vào Tam-Muội, dùng sức thần thông hiện bày cho đại chúng thấy các thế-giới ở phương trên. Từ cõi Ta-Bà đi lên trải qua bốn mươi hai hằng-hà-sa Phật-độ, có cõi nước tên là Chúng-Hương. Nơi ấy có Đức Hương-Tích Như-Lai hiện đang giáo hóa. Mùi thơm tại cõi này thắng diệu hơn các thứ hương của hàng nghìn thiên trong mười phương thế-giới. Ở cõi Chúng-Hương không có danh từ Thanh-Văn, Bích-Chi-Phật, duy có chúng Đại-Bồ-Tát thanh tịnh. Tất cả lầu các và cảnh vật nơi cõi này đều do chất thơm tạo thành, vườn cây ao hoa cũng là chất thơm, Thánh-chúng đi kinh hành trên hương địa. Mùi thơm của thức ăn từ cõi Chúng-Hương lan rộng đến vô lượng thế-giới ở mười phương. Khi ấy, Đức Hương-Tích Thế-Tôn cùng chư Bồ-Tát đang ngồi thọ trai, các hàng thiên-tử đồng hiệu là Hương-Nghiêm, đã phát tâm Vô-thượng-bồ-đề, cúng dường Phật và chúng hội”.

Trên đây là mấy đoạn kinh chỉ rõ sự trang nghiêm kỳ diệu của các thế-giới. Căn cứ vào đó, ta có thể suy hiểu ngoài cõi Ta-Bà này, có nhiều thế-giới khác mà nhân vật và sự cảnh đều phi thường. Lại theo kinh Hoa-Nghiêm, Tịnh-Danh, các Phật-độ ở mười phương có nhiều chủng loại, hình thể khác nhau. Có thế-giới hình vuông hoặc vuông dài, có thế-giới hình tròn, có thế-giới bán nguyệt, có thế-giới hình như dòng nước xoáy, có thế-giới hình như con sông, có thế-giới hình luân vông, có thế-giới hình đàn đài, có thế-giới hình như khu rừng cây, có thế-giới hình như lầu quán, có thế-giới hình như Tràng-thi-la, có thế-giới hình như thai tạng, có thế-giới hình hoa sen, có thế-giới hình Khê-lặc-ca (khataka; hình ấn Toàn-vũ), có thế-giới hình chúng-sanh, có thế-giới hình Phật-tượng, có thế-giới hình như áng mây, có thế-giới hình màn lưới, có thế-giới hình như đôi cánh cửa gài, có thế-giới hình như núi Tu-Di, có thế-giới hình như các khí cụ nghiêm đẹp... Mỗi thế-giới như vậy, có nhiều thế-giới đồng chủng loại vì nhiều.

Chư Phật ở các thế-giới, hoặc dùng sắc tướng làm Phật-sự; hoặc dùng âm thanh làm Phật-sự; hoặc dùng mùi hương làm Phật-sự; hoặc dùng trân vị làm Phật-sự; hoặc dùng ánh sáng làm Phật-sự; hoặc dùng những động tác làm Phật-sự.

Tóm lại, do nghiệp sai biệt của chúng-sanh, nên cảm hiện vô số thế-giới hình loại sai biệt. Có cõi uest ác, có cõi nghiêm tịnh, có cõi thân người xinh đẹp cao lớn, có cõi thân người thấp nhỏ xấu thô; có cõi thuần là người nam, có cõi thuần là người nữ, có cõi nam nữ ở xen lẫn; có cõi loài người do thai, noãn, thấp, hóa mà sanh ra; có cõi dân chúng toàn là hóa sanh; có cõi các thánh-chúng, loài người cùng những tạp loại khác ở lẫn lộn; có

cõi toàn là bậc Tam-thừa thánh-nhơn; có cõi chỉ thuần những vị Đại-thừa Bồ-Tát.

Sự kỳ lạ sai biệt của các thế-giới thật là vô cùng....

Biên Thế Giới Hoa Tạng

Tiết *mục:*
I. *Phù-Tràng-Phật-Sát*
II. *Các thế giới* *chúng*
III. *Thế-giới-hải* *Liên-Hoa-Tạng*
IV. *Nhân duyên các thế-giới-hải*

Kinh sách tham khảo: Kinh Hoa-Nghiêm, Táo-Bá-Luận, Thanh-Lương-Sớ, Pháp-Uyển-Nghiã-Lâm.

Đề yếu: Thế-giới-hải Liên-Hoa-Tạng-Trang-Nghiêm, gọi tắt cõi Hoa-Tạng, là cảnh Thật-báo-vô-chương-ngại-độ của Đức Tỳ-Lô-Giá-Na Như-Lai. “Liên-Hoa” là hoa sen, đây chỉ cho hoa sen chúa Chủng-Chủng-Quang-Minh-Nhụy-Hương-Tràng; hoa sen này đảm trì thế-giới-hải. “Tạng” chỉ cho chỗ hàm chứa hạt sen; các thế giới chúng nương nơi Hương-thủy-hải như những hạt sen ở trong liên tạng, và chỗ y trụ của các Hương-thủy-hải ví như liên phòng, tức là gương sen. “Trang-Nghiêm” là chỉ cho các hình tướng tốt đẹp của thế-giới-hải, như núi Đại-Luân-Vi, biển Hương-thủy, bảo địa, lầu các, ao hồ, rừng cây, vườn hoa, lưới báu, câu lơ, bảo tràng; các cảnh sắc này đã điểm tô cho cõi Hoa-Tạng thành ra tráng lệ. Nói tóm lại, cõi Thật-báo-độ này có đại-liên-hoa (Nhụy-Hương-Tràng) bao trùm và duy trì vì trần thế giới chúng như

hoa sen hàm chứa hạt sen, nên gọi là Hoa-Tạng. Người đọc bản chương cần nên chú ý hai điểm:

1. Thế-giới-hải Liên-Hoa-Tạng-Trang-Nghiêm đã là báo độ của Đức Tỳ-Lô-Giá-Na Như-Lai, vậy mười phương có vô lượng chư Phật, tức nhiên phải có vô lượng thế-giới-hải khác.

2. Nghĩa Hoa-Tạng về sự là như thế, về lý chỉ cho chân tâm tuy đầy khắp thế gian mà không bị thế gian nhiễm ô, ví như hoa sen tuy mọc từ bùn nhơ mà không bị bùn nhơ làm uế trước. Nếu sự, lý không thiên trệ, người học Phật mới đi đến chỗ dung thông.

Tiết I: Phù Tràng Phật Sát

Phù-Tràng-Phật-Sát là gì? Ấy là một loạt thế-giới liên tiếp nổi lên giữa biển thế-giới bao la vô hạn, dường như một lá phướn lừng lờ. Cứ nhìn những ánh tinh vân do nhiều ngôi sao nhỏ tiếp cận nhau trên nền trời, ta có thể hình dung đại khái loạt thế-giới ấy. Mỗi Phù-Tràng-Phật-Sát là một chủng loại thế-giới riêng, nên cũng gọi là thế-giới-chủng. Dưới đây là một đoạn kinh diễn tả thế-giới-chủng Phổ-Chiếu-Thập-Phương-Xí-Nhiên-Bảo-Quang-Minh, một Phù-Tràng-Phật-Sát ở trung ương biển Hoa-Tạng.

Kinh Hoa-Nghiêm nói: Có những biển Hương-thủy nhiều bằng số bụi nhỏ của mười bất-khả-thuyết cõi Phật, phân bố an trụ như lưới châu của trời Đế-Thích, ở trong biển thế-giới Liên-Hoa-Tạng-Trang-Nghiêm. Biển Hương-thủy ở trung ương tên Vô-Biên-Diệu-Hoa-Quang, do tràng báu ma-ni-vương gọi là Hiện-Nhất-Thiết-Bồ-Tát-Hình làm đáy. Từ nơi biển này, nổi

lên hoa sen lớn tên Nhất-Thiết-Ma-Ni-Vương-Trang-Nghiêm. Trên hoa sen, có thế-giới-chúng Phổ-Chiếu-Thập-Phương-Xí-Nhiên-Bảo-Quang-Minh an trụ. Thế-giới-chúng này do tất cả vật trang nghiêm làm thể, phạm vi bao gồm những thế-giới bằng số bụi nhỏ của nhiều cõi Phật.

Các thế-giới này chia thành hai mươi tầng, phân bố thứ lớp từ thấp đến cao. Cõi Phật trung ương của tầng thế-giới thấp nhất, tên là Tối-Thắng-Quang-Biên-Chiếu, lấy Nhất-Thiết-Kim-Cương-Trang-Nghiêm-Quang-Diệu-Luân làm giới hạn, và an trụ trên hoa sen Chúng-Bảo-Ma-Ni. Thể tướng của cõi này như hình Ma-ni-bảo, trên có mây Nhất-Thiết-Bảo-Hoa-Trang-Nghiêm phủ che, xung quanh có các thế-giới khác nhiều bằng số bụi nhỏ của một cõi Phật vi nhiều. Vị giáo chủ ở bản độ hiệu là Tịnh-Nhân-Ly-Câu-Đăng Như-Lai.

Cõi Phật trung ương của tầng thế-giới thứ hai, tên là Chúng-Chủng-Liên-Hoa-Diệu-Trang-Nghiêm, lấy tất cả vật trang nghiêm làm giới hạn, an trụ trên các hoa sen báu dường như màn lưới. Hình trạng của cõi này như tòa sư tử, trên có mây Nhất-Thiết-Bảo-Sắc-Châu-Trướng phủ che, xung quanh có các thế-giới khác nhiều bằng số bụi nhỏ của hai cõi Phật vi nhiều. Vị giáo chủ ở bản độ hiệu là Sư-Tử-Quang-Thắng-Chiếu Như-Lai.

Cõi Phật trung ương của tầng thế-giới thứ ba tên là Nhất-Thiết-Bảo-Trang-Nghiêm-Phổ-Chiếu-Quang, lấy Hương-phong-luân làm giới hạn, an trụ trên các thứ bảo hoa anh lạc. Cõi này hình bát giác, trên có mây Diệu-Quang-Ma-Ni-Nhật-Luân phủ che, xung quanh có các thế-giới khác nhiều bằng số

bụi nhỏ của ba cõi Phật vi nhiều. Vị giáo chủ ở bản độ hiệu là Tịnh-Quang-Trí-Thắng-Tràng Như-Lai.

Cõi Phật trung ương của tầng thế-giới thứ tư tên là Chúng-Chủng-Quang-Minh-Hoa-Trang-Nghiêm, lấy tất cả thứ bảo vương làm giới hạn, an trụ trên hải tràng Chúng-Sắc-Kim-Cương-Thi-La. Hình trạng của cõi này như Ma-ni-liên-hoa, trên có mây Kim-Cương-Ma-Ni-Bảo-Quang phủ che, xung quanh có các thế-giới khác nhiều bằng số bụi nhỏ của bốn cõi Phật vi nhiều. Vị giáo chủ ở bản độ hiệu là Kim-Cương-Quang-Minh-Vô-Lượng-Tinh-Tán-Lực-Thiện-Xuất-Hiện Như-Lai.

Cõi Phật trung ương của tầng thế-giới thứ năm tên là Phổ-Phóng-Diệu-Hoa-Quang, lấy tất cả bảo linh và lưới trang nghiêm làm giới hạn, an trụ trên biển lưới bảo luân Nhất-Thiết-Thọ-Lâm-Trang-Nghiêm. Hình trạng của cõi này bốn bên có nhiều góc, trên có mây Phạm-Âm-Ma-Ni-Vương phủ che, xung quanh có các thế-giới khác nhiều bằng số bụi nhỏ của năm cõi Phật vi nhiều. Vị giáo chủ ở bản độ hiệu là Hương-Quang-Hỷ-Lực-Hải Như-Lai.

Cõi Phật trung ương của tầng thế-giới thứ sáu tên Tịnh-Diệu-Quang-Minh, lấy tràng Bảo-Vương-Trang-Nghiêm làm giới hạn, an trụ trên biển cung điện Kim-Cang. Cõi này hình vuông vức, trên có mây Ma-Ni-Kế-Tướng phủ che, xung quanh có các thế-giới khác nhiều bằng số bụi nhỏ của sáu cõi Phật vi nhiều. Vị giáo chủ ở bản độ hiệu là Phổ-Quang-Tự-Tại-Tràng Như-Lai.

Cõi Phật trung ương của tầng thế-giới thứ bảy tên là Chúng-Hoa-Diệm-Trang-Nghiêm, lấy các thứ hoa trang nghiêm làm giới hạn, an trụ trên biển ánh sáng đẹp Nhất-Thiết-Bảo-Sắc. Hình trạng cõi này như lầu các, trên có mây Nhất-Thiết-Bảo-Sắc-Y-Chơn-Châu-Lan-Thuần phủ che, xung quanh có các thế-giới khác nhiều bằng số bụi nhỏ của bảy cõi Phật vi nhiều. Vị giáo chủ ở bản độ hiệu là Hoan-Hỷ-Hải-Công-Đức-Danh-Xung-Tự-Tại-Quang Như-Lai.

Cõi Phật trung ương của tầng thế-giới thứ tám tên là Xuất-Sanh-Oai-Lục-Địa, lấy chất báu Xuất-Nhất-Thiết-Thanh-Ma-Ni-Vương-Trang-Nghiêm làm giới hạn, an trụ trên biển liên tòa Chủng-Chủng-Bảo-Sắc. Hình trạng cõi này như lưới Nhân-Đà-La, trên có mây Vô-Biên-Sắc-Hoa-Võng phủ che, xung quanh có các thế-giới khác nhiều bằng số bụi nhỏ của tám cõi Phật vi nhiều. Vị giáo chủ ở bản độ hiệu là Quảng-Đại-Danh-Xung-Trí-Hải-Tràng Như-Lai.

Cõi Phật trung ương của tầng thế-giới thứ chín tên là Xuất-Diệu-Âm-Thanh lấy Tâm-Vương-Ma-Ni-Trang-Nghiêm-Luân làm giới hạn, an trụ trên biển ma-ni-vương Hằng-Xuất-Nhất-Thiết-Diệu-Âm-Thanh-Trang-Nghiêm-Vân. Hình trạng cõi này như thân trời Phạm-Thiên, trên có mây Vô-Lượng-Trang-Nghiêm-Sư-Tử-Tòa phủ che, xung quanh có các thế-giới khác nhiều bằng số bụi nhỏ của chín cõi Phật vi nhiều. Vị giáo chủ ở bản độ hiệu là Thanh-Tịnh-Nguyệt-Quang-Minh-Tướng-Vô-Năng-Tồi-Phục Như-Lai.

Cõi Phật trung ương của tầng thế-giới thứ mười tên là Kim-Cang-Tràng, lấy thứ báu Vô-Biên-Trang-Nghiêm-Chơn-Châu-Tạng-Bảo-Anh-Lạc làm giới hạn, an trụ trên biển ma-ni Nhất-

Thiết-Trang-Nghiêm-Bảo-Sur-Tử-Tòa. Cõi này hình tròn, trên có mây Nhất-Thiết-Hương-Ma-Ni-Hoa-Tu-Di phủ che, xung quanh có các thế-giới khác nhiều bằng số bụi nhỏ của mười cõi Phật vi nhiều. Vị giáo chủ ở bản độ hiệu là Nhất-Thiết-Pháp-Hải-Tối-Thắng-Vương Như-Lai.

Cõi Phật trung ương của tầng thế-giới thứ mười một tên là Hằng-Xuất-Hiện-Đế-Thanh-Bảo-Quang-Minh, lấy chất kim cương Cực-Kiên-Lao-Bất-Hoại-Trang-Nghiêm làm giới hạn, an trụ trên biển hoa Chủng-Chủng-Thù-Dị. Cõi này hình bán nguyệt, trên có mây Chư-Thiên-Bảo-Trướng phủ che, xung quanh có các thế-giới khác nhiều bằng số bụi nhỏ của mười một cõi Phật vi nhiều. Vị giáo chủ ở bản độ hiệu là Vô-Lượng-Công-Đức-Pháp Như-Lai.

Cõi Phật trung ương của tầng thế-giới thứ mười hai tên là Quang-Minh-Chiếu-Diệu, lấy ánh sáng Phổ-Quang-Trang-Nghiêm làm giới hạn, an trụ trên biển Hoa-Triền-Hương-Thủy. Hình trạng cõi này như đóa hoa cánh xoay tròn; trên có mây Chủng-Chủng-Y phủ che, xung quanh có các thế-giới khác nhiều bằng số bụi nhỏ của mười hai cõi Phật vi nhiều. Vị giáo chủ ở bản độ hiệu là Siêu-Thích-Phạm Như-Lai. Cõi Phật trung ương của tầng thế-giới thứ mười ba tên là Ta-Bà, lấy chất Kim-Cang-Trang-Nghiêm làm giới hạn, an trụ trên các sắc Phong-Luân. Thế tướng cõi này trống trải, trên có Thiên-cung Trang-Nghiêm-Hư-Không phủ che, xung quanh có các thế-giới khác nhiều bằng số bụi nhỏ của mười ba cõi Phật vi nhiều. Vị giáo chủ ở bản độ hiệu là Tỳ-Lô-Giá-Na Như-Lai.

Cõi Phật trung ương của tầng thế-giới thứ mười bốn tên là Tịch-Tĩnh-Ly-Trần-Quang, lấy tất cả thứ báu trang nghiêm làm

giới hạn, an trụ trên biển Chung-Chung-Bảo-Y. Hình trạng cõi này như tướng thần Cháp-Kim-Cang, trên có mây Vô-Biên-Sắc-Kim-Cương phủ che, xung quanh có các thế-giới khác nhiều bằng số bụi nhỏ của mười bốn cõi Phật vi nhiều. Vị giáo chủ ở bản độ hiệu là Biên-Pháp-Giới-Thắng-Âm Như-Lai.

Cõi Phật trung ương của tầng thế-giới thứ mười lăm tên là Chúng-Diệu-Quang-Minh-Đăng, lấy tất cả tướng trang nghiêm làm giới hạn, an trụ trên biển lưới tịnh hoa. Cõi này hình chữ Vạn (卐) trên có mây Ma-Ni-Thọ-Hương-Thủy-Hải phủ che, xung quanh có các thế-giới khác nhiều bằng số bụi nhỏ của mười lăm cõi Phật vi nhiều. Vị giáo chủ ở bản độ hiệu là Bất-Khả-Tồi-Phục-Lực-Phổ-Chiếu-Tràng Như-Lai.

Cõi Phật trung ương tầng thế-giới thứ mười sáu tên là Thanh-Tịnh-Quang-Biến-Chiếu, lấy thứ báu ma-ni-vương Vô-Tận-Bảo-Vân làm giới hạn, an trụ trên biển hoa sen Chung-Chung-Hương-Diệm. Cõi này hình như mai rùa trên có mây Ma-Ni-Luân-Chiên-Đàn phủ che, xung quanh có các thế-giới khác nhiều bằng số bụi nhỏ của mười sáu cõi Phật vi nhiều. Vị giáo chủ ở bản độ hiệu là Thanh-Tịnh-Nhật-Công-Đức-Nhãn Như-Lai.

Cõi Phật trung ương của tầng thế-giới thứ mười bảy tên là Bảo-Trang-Nghiêm-Tạng, lấy các thứ báu ma-ni-vương giống hình của tất cả chúng-sanh làm giới hạn, an trụ trên biển ma-ni-vương Quang-Minh-Tạng. Cõi này hình bát giác, trên có lưới Nhất-Thiết-Luân-Vi-Son-Bảo-Trang-Nghiêm-Hoa-Thọ phủ che, xung quanh có các thế-giới khác nhiều bằng số bụi nhỏ của mười bảy cõi Phật vi nhiều. Vị giáo chủ ở bản độ hiệu là Vô-Nại-Trí-Quang-Minh-Biến-Chiếu-Thập-Phương Như-Lai.

Cõi Phật trung ương của tầng thế-giới thứ mười tám tên là Ly-Trần, lấy tất cả tướng thù diệu trang nghiêm làm giới hạn, an trụ trên biển sư tử tòa Chúng-Diệu-Hoa. Cõi này hình như râu chuỗi anh lạc, trên có mây Nhất-Thiết-Bảo-Hương-Ma-Ni-Vương-Viên-Quang phủ che, xung quanh có các thế-giới khác nhiều bằng số bụi nhỏ của mười tám cõi Phật vi nhiều. Vị giáo chủ ở bản độ hiệu là Vô-Lượng-Phương-Tiện-Tối-Thắng-Tràng Như-Lai.

Cõi Phật trung ương của tầng thế-giới thứ mười chín tên là Thanh-Tịnh-Quang-Phổ-Chiếu, lấy thứ báu ma-ni-vương Xuất-Vô-Tận-Bảo-Vân làm giới hạn, an trụ trên biển Tu-Di sơn Vô-Lượng-Sắc-Hương-Diễm. Hình trạng cõi này như các đóa hoa báu xây quanh, trên có mây Vô-Biên-Sắc-Quang-Minh-Ma-Ni-Vương-Đế-Thanh phủ che, xung quanh có các thế-giới khác nhiều bằng số bụi nhỏ của mười chín cõi Phật vi nhiều. Vị giáo chủ ở bản độ hiệu là Phổ-Chiếu-Pháp-Giới-Hư-Không-Quang Như-Lai.

Cõi Phật trung ương của tầng thế-giới thứ hai mươi tên là Diệu-Bảo-Diễm, lấy thứ báu Phổ-Quang-Minh-Nhật-Nguyệt làm giới hạn, an trụ trên biển ma-ni-vương Nhất-Thiết-Chư-Thiên-Hình. Tướng trạng cõi này như một khí cụ báu trang nghiêm, trên có mây Nhất-Thiết-Bảo-Y-Tràng và lưới Ma-Ni-Đăng-Tạng phủ che, xung quanh có các thế-giới khác nhiều bằng số bụi nhỏ của hai mươi cõi Phật vi nhiều. Vị giáo chủ ở bản độ hiệu là Phước-Đức-Tướng-Quang-Minh Như-Lai.

Theo kinh Hoa-Nghiêm thì một Phù-Tràng-Phật-Sát có hai mươi tầng thế-giới liên tiếp nhau kết thành dãy dọc từ thấp đến cao. Từ cõi Phật trung ương này lên đến cõi Phật trung ương

kia cách nhau có hằng vi-trần số sát độ. Mỗi tầng lớp có nhiều loại thế-giới khác nhau. Mỗi loại thế-giới từ chỗ an trụ, hình trạng, thể tánh, sự trang nghiêm, giới hạn, hàng lối, sức gia trì, thảy đều sai biệt. Cõi Ta-Bà và Cực-Lạc đều ở vào tầng thứ mười ba của thế-giới-chúng này.

Tiết II: Các Thế Giới Chúng

Như trên đã nói thế-giới-chúng Phổ-Chiêu-Thập-Phương-Xí-Nhiên-Bảo-Quang-Minh, an trụ trên hoa sen Nhất-Thiết-Hương-Ma-Ni-Vương-Trang-Nghiêm, ở trong biển Hương-thủy Vô-Biên-Diệu-Hoa-Quang. Vì nhiều Phù-Tràng-Phật-Sát này, lại có nhiều thế-giới-chúng khác. Xin y theo kinh, lược kê ra mười thế-giới-chúng tiếp cận xung quanh.

Quanh vòng thế-giới-chúng Phổ-Chiêu-Thập-Phương-Xí-Nhiên-Bảo-Quang-Minh, kể theo chiều xoay bên hữu, từ phương đông đến các phương nam, tây, bắc, có mười thế-giới-chúng an trụ.

Trước tiên, về phương đông có biển Hương-thủy tên Ly-Cầu-Diệm-Tạng. Từ nơi biển này nổi lên hoa sen lớn tên Nhất-Thiết-Hương-Ma-Ni-Diệu-Trang-Nghiêm. Trên hoa sen có thế-giới-chúng Biên-Chiêu-Sát-Triền, gồm hai mươi tầng an trụ. Thế-giới này lấy Bồ-Tát-hạnh hồng-âm làm thể.

Theo vòng bên hữu, kế đó lại có biển Hương-thủy Vô-Tận-Quang-Minh-Luân, thế-giới-chúng tên Phật-Tràng-Trang-Nghiêm, lấy tất cả biển âm thanh công đức của Phật làm thể.

Kế đó, lại có biển Hương-thủy Kim-Cang-Bảo-Diệm-Quang, thế-giới-chủng tên Phật-Quang-Trang-Nghiêm-Tạng, lấy âm thanh xung nói danh hiệu của tất cả Như-Lai làm thể.

Kế đó, lại có biển Hương-thủy Đế-Thanh-Bảo-Trang-Nghiêm, thế-giới-chủng tên Quang-Chiếu-Thập-Phương, lấy vô biên âm thanh của Phật làm thể.

Kế đó, lại có biển Hương-thủy Kim-Cang-Luân-Trang-Nghiêm-Đề, thế-giới-chủng tên Diệu-Bảo-Gián-Thác-Nhân-Đà-La-Võng, lấy âm thanh do trí Phổ-Hiền sanh ra làm thể.

Kế đó, lại có biển Hương-thủy Liên-Hoa-Nhân-Đà-La-Võng, thế-giới-chủng tên Phổ-Hiền-Thập-Phương-Ảnh, lấy âm thanh từ nơi ánh sáng trí huệ của tất cả chư Phật làm thể.

Kế đó, lại có biển Hương-thủy Tích-Tập-Bảo-Hương-Tạng, thế-giới-chủng tên Nhất-Thiết-Oai-Đức-Trang-Nghiêm, lấy âm thanh pháp luân của tất cả chư Phật làm thể.

Kế đó, lại có biển Hương-thủy Bảo-Trang-Nghiêm, thế-giới-chủng tên Phổ-Vô-Cấu, lấy tiếng thần biến của tất cả vi-trần cõi Phật làm thể.

Kế đó, lại có biển Hương-thủy Kim-Cang-Bảo-Tụ, thế-giới-chủng tên Pháp-Giới-Hạnh, lấy phương tiện pháp âm của tất cả Bồ-Tát địa làm thể.

Kế đó, lại có biển Hương-thủy Thiên-Thành-Bảo-Diệp, thế-giới-chủng tên Đẳng-Diệm-Quang-Minh, lấy tiếng pháp luân bình đẳng khai thị cho tất cả chúng-sanh của chư Phật làm thể.

Như thế, theo vòng bên hữu, có mười biển Hương-thủy, trên có mười thế-giới-chúng, vây quanh biển Hương-thủy Vô-Biên-Diệu-Hoa-Quang thuộc thế-giới-chúng Phổ-Chiếu-Thập-Phương-Xí-Nhiên-Bảo-Quang-Minh. Mỗi thế-giới-chúng đều có hai mươi tầng lớp thế-giới an trụ. Mỗi tầng lớp có từ 1 đến hai mươi Phật-sát vi-trần thế-giới; mỗi thế-giới từ hình tượng đến sự trang nghiêm có vô lượng sai biệt. Ngoài mười thế-giới-chúng ấy, còn có vô lượng Hương-thủy-hải là thế-giới-chúng khác, mỗi mỗi lại có vô lượng sự sai biệt nhiệm màu.

Tiết III: Thế Giới Hải Liên Hoa Tạng

Thế-giới-hải Liên-Hoa-Tạng-Trang-Nghiêm tức biển Hoa-Tạng, có vô biên Hương-thủy-hải và thế-giới-chúng nhiều bằng số bụi nhỏ của mười bất-khả-thuyết cõi Phật, phân bố an trụ như những hạt châu nơi các mắt lưới báu của trời Đế-Thích, rất vi diệu trang nghiêm. Mỗi thế-giới-chúng trong cõi Hoa-Tạng, lại có vô lượng thế-giới tịnh uế khác trùng trùng an lập. Bao vòng các thế-giới-chúng của cõi Hoa-Tạng, có núi Đại-Luân-Vi. Đại-Luân-Vi sơn do bốn chất báu: Chiên-đàn-ma-ni, Oai-đức-bảo-vương, Diệu-hương-ma-ni và Diệm-tạng-kim-cương kết hợp, an trụ trên tòa sen chúa là Chủng-Chủng-Quang-Minh-Nhụy-Hương-Tràng. Hoa sen này do chất báu Nhật-châu-vương tạo thành, nổi trên biển đại Hương-thủy Phổ-Quang-Ma-Ni-Trang-Nghiêm. Ngoài biển Phổ-Quang-Ma-Ni, có luồng phong luân cực thâm hậu mạnh mẽ tên là Thù-Thắng-Oai-Quang-Tạng duy trì, khiến cho Hương-thủy không lưu tán.

Thế-giới-chúng ở trung tâm cõi Hoa-Tạng là Phổ-Chiếu-Thập-Phương-Xí-Nhiên-Bảo-Quang-Minh. Xung quanh thế-giới-chúng này, có mười thế-giới-chúng khác như Biến-Chiếu-Sát-Triền cho đến Đẳng-Diệm-Quang-Minh, như trên đã nói.

Từ thế-giới-chúng Biến-Chiếu-Sát-Triền thuộc biển Hương-thủy Ly-Cấu-Diệm-Tạng ở phương đông, trải qua số bất-khả-thuyết Phật-sát vi-trần thế-giới-chúng khác, cuối cùng đến một thế-giới-chúng ở kế cận núi Đại-Luân-Vi. Cõi phù tràng này tên là Thường-Phóng-Quang-Minh, thuộc biển Hương-thủy Pha-Lê-Địa.

Từ thế-giới-chúng Phật-Tràng-Trang-Nghiêm thuộc biển Hương-thủy Vô-Tận-Quang-Minh-Luân, trải qua số bất-khả-thuyết Phật-sát vi-trần thế-giới-chúng khác, cuối cùng đến một thế-giới-chúng ở kế cận núi Đại-Luân-Vi. Cõi phù tràng này tên là Diệm-Hoa-Thọ, thuộc biển Hương-thủy Xuất-Sanh-Chư-Phương-Đại-Sát.

Từ thế-giới-chúng Phật-Quang-Trang-Nghiêm-Tạng thuộc biển Hương-thủy Kim-Cang-Bảo-Diệm-Quang, trải qua số bất-khả-thuyết Phật-sát vi-trần thế-giới-chúng khác, cuối cùng đến một thế-giới-chúng ở kế cận núi Đại-Luân-Vi. Cõi phù tràng này tên là Vô-Lượng-Phương-Sai-Biệt, thuộc biển Hương-thủy Vô-Biên-Luân-Trang-Nghiêm-Đê.

N: Nam-Thiệm-Bộ-Châu 1: Trì-Song Sơn

T: Tây-Ngưu-Hóa-Châu 2: Trì-Trục Sơn

B: Bắc-Cu-Lô-Châu 3: Chiêm-Mộc-Sơn

Đ: Đông-Thắng-Thần-Châu 4: Thiện-Kiến-Son Thất-Kim-Son

5: Mã-Nhĩ-Son 6: Tượng-Nhĩ-Son 7: Từ-Địa-Son
1,2,3,4,5,6,7: Hương-thủy-hải

Từ thế-giới-chủng Quang-Chiếu-Thập-Phương thuộc Hương-thủy Đế-Thanh-Bảo-Trang-Nghiêm, trải qua số bất-khả-thuyết Phật-sát vi-trần thế-giới-chủng khác, cuối cùng đến một thế-giới-chủng ở kế cận núi Đại-Luân-Vi. Cõi phù tràng này tên là An-Trụ-Đế-Võng thuộc biển Hương-thủy Thọ-Trang-Nghiêm-Tràng.

Từ thế-giới-chủng Diệu-Bảo-Gián-Thác-Nhân-Đà-La-Võng thuộc biển Hương-thủy Kim-Cang-Luân-Trang-Nghiêm-Đề, trải qua nhiều thế-giới-chủng đến cõi phù tràng Phổ-Hiện-Quang-Minh-Lục thuộc biển Hương-thủy Diệu-Hương-Bảo-Vương-Quang-Trang-Nghiêm. (Trong kinh thiếu đoạn nói về thế-giới-chủng và Hương-thủy-hải gần núi Đại-Luân-Vi).

Từ thế-giới-chủng Phổ-Hiện-Thập-Phương-Ảnh thuộc biển Hương-thủy Liên-Hoa-Nhân-Đà-La-Võng, trải qua số bất-khả-thuyết Phật-sát vi-trần thế-giới-chủng khác, cuối cùng đến một thế-giới-chủng ở kế cận núi Đại-Luân-Vi. Cõi phù tràng này tên là Nhất-Thiết-Quang-Trang-Nghiêm, thuộc biển Hương-thủy Mật-Diễm-Vân-Tràng.

Từ thế-giới-chủng Nhất-Thiết-Oai-Đức-Trang-Nghiêm thuộc biển Hương-thủy Tích-Tập-Bảo-Hương-Tạng, trải qua số bất-khả-thuyết Phật-sát vi-trần thế-giới-chủng khác, cuối cùng đến một thế-giới-chủng ở kế cận núi Đại-Luân-Vi. Cõi phù tràng này tên là Phổ-Âm-Tràng, thuộc biển Hương-thủy Diễm-Phù-

Đàn-Bảo-Tạng-Luân.

Từ thế-giới-chủng Phổ-Vô-Cấu thuộc biển Hương-thủy Bảo-Trang-Nghiêm, trải qua số bất-khả-thuyết Phật-sát vi-trần thế-giới-chủng khác, cuối cùng đến một thế-giới-chủng ở kế cận núi Đại-Luân-Vi, cõi phù tràng này tên là Châu-Biến-Vô-Sai-Biệt, thuộc biển Hương-thủy Xuất-Đế-Thanh-Bảo.

Từ thế-giới-chủng Pháp-Giới-Hạnh thuộc biển Hương-thủy Kim-Cang-Bảo-Tụ, trải qua số bất-khả-thuyết Phật-sát vi-trần thế-giới-chủng khác, cuối cùng đến một thế-giới-chủng ở kế cận núi Đại-Luân-Vi. Cõi phù tràng này tên là Diệu-Luân-Gián-Thác-Liên-Hoa-Tràng, thuộc biển Hương-thủy Bất-Khả-Hoại.

Từ thế-giới-chủng Đẳng-Diệu-Quang-Minh thuộc biển Hương-thủy Thiên-Thành-Bảo-Diệp, trải qua số bất-khả-thuyết Phật-sát vi-trần thế-giới-chủng khác, cuối cùng đến một thế-giới-chủng ở kế cận núi Đại-Luân-Vi. Cõi phù tràng này tên là Hóa-Hiện-Diệu-Y, thuộc biển Hương-thủy Tích-Tập-Anh-Lạc-Y.

Như thế, từ mười thế-giới-chủng xung quanh cõi phù tràng Phổ-Chiếu-Thập-Phương-Xí-Nhiên-Bảo-Quang-Minh đến vòng núi Đại-Luân-Vi, mỗi phương có một bất-khả-thuyết Phật-sát vi-trần số thế-giới-chủng, hợp chung lại cõi Hoa-Tạng gồm có những biển Hương-thủy kiêm thế-giới-chủng nhiều bằng số bụi nhỏ của mười bất-khả-thuyết cõi Phật. Các thế-giới-chủng đều y trụ trên hoa sen trang nghiêm bằng chất báu ma-ni-vương đều phóng ánh sáng bảo sắc; đều có mây quang minh che ở trên; đều có các trang nghiêm cụ, đều có thời kiếp sai biệt; đều có chư Phật xuất hiện nói pháp; đều có Pháp hải

khác nhau; đều có chúng-sanh sung mãn; đều có sự thú nhập của mười phương; đều được thần lực của tất cả chư Phật gia trì. Tất cả thế-giới trong mỗi thế-giới-chúng đều y trụ trên các thứ trang nghiêm, liên tiếp kết thành thế-giới-võng an lập khắp cõi Liên-Hoa-Tạng.

Trong kinh có dẫn ra các pháp số, như “Bất-khả-thuyết” là một số lớn, duy có Phật mới biết rõ. Theo sự khảo cứu của Uyển pháp sư và Táo Bá cư sĩ, thì một trăm Lạc-xoa (số Lạc-xoa bậc trung là 100.000) là một Câu-đê, một Câu-đê là một A-do-đa; một A-do-đa là một Na-do-tha. Từ số Na-do-tha cứ như thế kể xấp bội lên là các số: Tàn-bà-la, Căn-yết-la, A-dà-la, Tỏi-thắng, Ma-bàn-la, A-bàn-la, Đa-bàn-la, Giới-phần, Phổ-ma... Và cứ như thế kể xấp bội đến lần thứ một trăm hai mươi mới đến số Bất-khả-thuyết. Phật-sát vi-trần số thế-giới-chúng, là đem cả cõi Đại-thiên (một Phật-sát) từ núi non cho đến đất liền đều nghiền ra thành bụi nhỏ, mỗi hạt bụi kể là một thế-giới-chúng. Vì sát độ trong mười phương vô biên, không thể dùng con số thường tính kể được, nên Đức Phật thường đem số hạt cát của một sông Hằng cho đến nhiều sông Hằng, hoặc số hạt bụi của một cõi Phật cho đến nhiều cõi Phật, để ước lượng về thế-giới hay cõi phù trang hoặc các biển Hương-thủy.

Biển-thế-giới Liên-Hoa-Tạng-Trang-Nghiêm, là báo độ của Đức Phật Tỳ-Lô-Giá-Na. Trong kinh Hoa-Nghiêm, Phổ Hiền Bồ-Tát bảo đại chúng: “Đức Tỳ-Lô-Giá-Na đây, thưở đời quá khứ đã tu Bồ-Tát hạnh trong số kiếp nhiều như bụi nhỏ của thế-giới-hải. Trong mỗi kiếp ngài đều gần gũi cúng dường Phật, và đã cúng dường cho đến số thế-giới-hải vi-trần các Đức Thế-Tôn. Trong mỗi đời Phật, Ngài lại tịnh tu những đại nguyện nhiều như số bụi nhỏ của thế-giới-hải. Do các công đức hạnh

nguyện đó, Ngài mới thật hiện được cõi Liên-Hoa-Tạng-Trang-Nghiêm này”.

Trên đây đoạn kinh chỉ dẫn chánh nhân của cõi Hoa-Tạng. Về trợ nhân, lại còn công đức của chư Phật, chư Bồ-Tát, chư hiền-thánh và nghiệp duyên của các loại chúng-sanh. Thanh-Lương-Sớ nói: “Hoa sen và hương hải, về sự là như thế, lý lại có hai nguyên nhân: 1. Ước về chúng-sanh thì tạng thức tức là hương hải, vọng tưởng là phong luân, tánh đức sẵn có nơi tâm là liên hoa, tâm tánh bao hàm quả pháp thế gian và xuất thế gian là liên tạng. 2. Ước về chư Phật thì đại bi là hương hải, đại nguyện là phong luân, vô biên hạnh lành là liên hoa, chân như tâm dung nhiếp các quả pháp nhiễm tịnh là liên tạng. Do hạnh nghiệp chúng-sanh và chư Phật như thế, nên cảm hiện ra tướng trạng của các cõi cũng như vậy”. Đây là lối lập luận dẫn sự đề chứng lý đem lý giải thích sự. Người học Phật nếu chỉ theo sự không suốt lý là trệ, trái lại chấp lý bỏ sự là mê.

Tiết IV: Nhân Duyên Các Thế Giới Hải

Thế-giới-hải Hoa-Tạng đã là báo độ của Đức Tỳ-Lô-Giá-Na Như-Lai, thì mỗi vị Phật đều có một báo độ, nghĩa là một thế-giới-hải riêng. Mỗi thế-giới-hải tuy do một Đức Phật chủ trì, song cũng thông tất cả chư Phật khác. Như thế-giới-hải Liên-Hoa-Tạng này tuy do Đức Tỳ-Lô-Giá-Na làm chủ, vì sự thành lập báo độ phần lớn đều do công đức hạnh nguyện của Ngài, nhưng cũng có chư Bồ-Tát ở bản độ tiến lên thành Phật, cùng chư Phật mười phương phân thân đến giáo hóa, và mỗi vị đều

dùng công đức hạnh nguyện của mình giúp thêm cho sự trang nghiêm.

Theo kinh Hoa-Nghiêm, ngoài thế-giới-hải Hoa-Tạng này, còn có nhiều thế-giới-hải khác. Như lấy cõi Liên-Hoa-Tạng-Trang-Nghiêm làm trung ương, xung quanh bao độ này có mười thế-giới-hải khác bao bọc. Phương đông thế-giới-hải Liên-Hoa-Tạng-Trang-Nghiêm của Đức Tỳ-Lô-Giá-Na Như-Lai, có thế-giới-hải tên là Thanh-Tịnh-Quang-Liên-Hoa-Trang-Nghiêm. Phương đông nam có thế-giới-hải Kim-Trang-Nghiêm-Lưu-Ly-Quang-Phổ-Chiếu. Phương nam có thế-giới-hải Nhật-Thiết-Bảo-Nguyệt-Quang-Minh-Trang-Nghiêm. Phương tây nam có thế-giới-hải Nhật-Quang-Biến-Chiếu. Phương tây có thế-giới-hải Khả-Ái-Nhạo-Bảo-Quang-Minh. Phương tây bắc có thế-giới-hải Bảo-Quang-Chiếu-Diệu. Phương bắc có thế-giới-hải Tỳ-Lưu-Ly-Hoa-Quang-Viên-Mãn-Tạng. Phương đông bắc có thế-giới-hải Diêm-Phù-Đàn-Kim-Pha-Lê-Sắc-Tràng. Phương trên có thế-giới-hải Ma-Ni-Bảo-Chiếu-Diễm-Trang-Nghiêm. Phương dưới có thế-giới-hải Liên-Hoa-Hương-Diệu-Đức-Tạng.

Ngoài mười thế-giới-hải bao quanh cõi Liên-Hoa-Tạng-Trang-Nghiêm, còn có vô số thế-giới-hải khác nữa. Như kinh Hoa-Nghiêm, phẩm Nhập-Pháp-Giới nói: “Bấy giờ ngoài số thế-giới-hải nhiều như bụi nhỏ của bất-khả-thuyết cõi Phật ở phương đông, có thế-giới tên Kim-Đăng-Vân-Tràng. Vị giáo chủ của quốc độ này là Đức Phật Tỳ-Lô-Giá-Na-Thắng-Đức-Vương. Trong pháp hội của Đức Thế-Tôn đây, có vị Bồ-Tát-Ma-Ha-Tát tên là Tỳ-Lô-Giá-Na-Nguyện-Quang-Minh, cùng với số bất-khả-thuyết Phật-sát vi-trần chúng Bồ-Tát đến chỗ

Phật, nổi lên mây cúng dường”. Qua mấy lời này, ta có thể thấy biển pháp-giới thật là rộng rãi mênh mông vô cùng vô tận!

Về nhân duyên của thế-giới-hải, trong Táo-Bá-Luận đã nói: “Do sức đại nguyện của chư Phật; nên cảm hiện ra phong luân nhiệm trì tất cả thế-giới. Do tâm từ bi sâu rộng của các đấng Như-Lai nên cảm hiện ra biển Hương-thủy; và do vô biên đại hạnh, nên kết thành diệu báo hoa sen. Lại hoa sen cũng do ảnh hưởng của trí thể vô y, cung điện do ảnh hưởng của lòng đại bi hàm dục, lầu các do ảnh hưởng của trí phương tiện độ sanh mà hiện thành. Tâm thanh tịnh hiện ra báu ma-ni; giới trang nghiêm hiện ra núi Đại-Luân-Vi bao bọc; muôn hạnh lợi sanh làm nở các thứ hoa quý đẹp và cảm thành cây báu mát tươi. Tâm độ sanh không chán mỗi hóa ra bảo địa, đức phá tà, lập chánh cảm hiện bảo tràng, tiếng pháp âm kết quả bảo linh, trí nhiệm màu hóa hiện bảo võng. Lòng tinh tấn nổi lên mây gấm, pháp phá mê hiện ánh quang minh, khuôn hương lâm bởi thất giác chi, chuỗi anh lạc do tâm tầm quý. Sức Tam-muội du hí hóa thành vườn hoa tươi đẹp, hạnh Vô-Trước vô ngại cảm nên dòng nước trong thơm. Tất cả hiện cảnh đều có nhân duyên không thể kể ra hết được.

Kết luận lại, ta thấy các thế-giới-hải trong mười phương, sự và lý đều tương quan; các báo cảnh đều do hạnh nghiệp của chư Phật, chư Bồ-Tát, hoặc các loài chúng-sanh cảm hiện.

Pháp Giới Tổng Luận

Tiết

mục:

- I. Luận về bốn pháp-giới
 II. Luận về y chánh
 III. Luận về đồng-biệt-dị-kiến
 IV. Luận về cộng-bất-cộng-biến

Kinh sách tham khảo: Kinh Hoa-Nghiêm, Thập-Lục-Quán-Kinh-Sớ, Kinh Pháp-Hoa, Kinh Duy-Ma-Cật, Kinh Anh-Lạc-Bản-Nghiệp, Kinh Nhân-Vương, Thành-Duy-Thức-Luận, Kinh A-Hàm, Tông-Cảnh-Lục.

Đề yếu: Thật ra, khi nói: Luận về pháp-giới, trong ấy tất phải có nhiều vấn đề. Nhưng ở đây, bút giả đã gom góp những điểm chính yếu chia thành bốn tiết để trình bày, nên xin tạm gọi là **tổng luận**.

Hai tiết đầu thuyết minh chung về tánh tướng của pháp-giới. Tánh tướng này nếu tế phân thì vô cùng, nhưng gom lại không ngoài bốn pháp-giới và hai phần y chánh. Hai tiết sau tuy không minh luận duyên khởi của pháp-giới, song kỳ thật trong ấy đã ẩn thuyết về lý này. Như tiết đồng-biệt-dị-kiến tuy nói về tương-vi-thức-tướng của hữu-tình, nhưng nội dung đã ẩn lý nghiệp-cảm-duyên-khởi. Và đoạn cộng-bất-cộng-biến thì ẩn lý A-lại-da-duyên-khởi.

Xem qua bản chương, đọc giả nên chú ý: thuyết Duy-tâm của Phật-giáo không phải cực đoan như Duy-tâm hay Duy-vật của các môn triết học khác. Theo quan niệm Phật-giáo, tâm tức vật, vật tức tâm, tâm vật chỉ là bản thể duy nhất, mà Tánh tông gọi đó là Duy-tâm và Tướng tông lại gọi đó là Duy-thức. Pháp-giới Duy-tâm hay Duy-thức chính là lý này.

Tiết I: Luận Về Bốn Pháp Giới

Nếu so sánh phạm vi lớn nhỏ, thì một Tiểu-thế-giới không bằng một Tiểu-thiên-thế-giới, một Tiểu-thiên-thế-giới không bằng một Trung-thiên-thế-giới, một Trung-thiên-thế-giới không bằng một Đại-thiên-thế-giới. Đại-thiên-thế-giới tức là một Phật-độ; nhưng chư Phật có vị lấy một cõi Đại-thiên làm một Phật-độ. Dem một Phật-độ so sánh với một thế-giới-chúng thì thật cách biệt vô cùng! Một thế-giới-chúng gồm hai mươi tầng từ thấp đến cao, mỗi tầng có từ một Phật-sát vi-trần Phật-độ, cho đến hai mươi Phật-sát vi-trần Phật-độ. Thế-giới-chúng sánh với thế-giới-hải lại còn kém xa. Như riêng về thế-giới-hải Liên-Hoa-Tạng-Trang-Nghiêm, có đến mười bất-khả-thuyết Phật-sát vi-trần thế-giới-chúng.

Bàn đến thế-giới-hải, thì thật là cảnh giới tuyệt rộng rãi mênh mang, không lường không ngần, tợ hồ thế-giới đến đây là cùng cực. Nhưng mà chưa bao quát, thế-giới-hải còn có Pháp-giới-an-lập-hải. Theo kinh, một An-lập-hải đại khái gồm có những thế-giới-hải nhiều bằng số bụi nhỏ của tám bất-khả-thuyết cõi Phật. Như trong kinh Hoa-Nghiêm, bậc đại thiện tri thức hiện thân làm Chủ-dạ-thần, tên là Tịch-Tịnh-Âm-Hải nói: “Khi Đức Tỳ-Lô-Giá-Na Như-Lai ở nơi đạo tràng này thành quả chánh-giác, mỗi niệm thị hiện sức đại thần thông; bấy giờ tôi được thân cận, liền chứng vào môn Tam-Muội-Niệm-Niệm-Xuất-Sanh-Quảng-Đại-Hỷ-Trang-Nghiêm-Giải-Thoát.

Lúc chứng được môn giải thoát này rồi, tôi có thể hiện thân vào những Pháp-giới-an-lập-hải nhiều bằng số bụi nhỏ của mười bất-khả-thuyết bất-khả-thuyết cõi Phật. Trong vô lượng vô biên Phật-sát vi-trần số cõi Phật của tất cả An-lập-hải, tôi thấy mỗi mỗi Phật-độ đều có Đức Tỳ-Lô-Giá-Na Như-Lai trong mỗi niệm thành chánh-giác và hiện các phép thần biến.

Và cũng lại thấy mình ở nơi chỗ các Đức Như-Lai ấy thừa sự cúng dường, nghe nói diệu pháp”. (Lược thuật)

Theo đoạn kinh trên, ta thấy cảnh giới của chư Phật rộng rãi vô biên, nếu không vào môn đại-giải-thoát, không chứng được đại-tam-muội, thì không thể nào thấy hiểu nổi. Đạt đến cảnh này thì quên tình tuyệt lự, tâm địa rộng rang không còn sự suy nghĩ nữa. Nhìn lại chúng ta, chút thân trần mạt, một điểm thức linh, sánh với pháp hải bao la, còn nhỏ hơn hạt cát nơi bãi sa mạc, bóng bọt giữa trùng dương, hoảng hốt như huyễn như hóa, dường mộng dường mê, thật không đáng chi cả!

Trên đây, sở dĩ gọi Pháp-giới-an-lập-hải, bởi pháp-giới là danh mục của chân tâm; thể dụng chân tâm rất sâu rộng, tánh và tướng vô ngại, lấy tâm làm pháp, lấy tâm làm giới, nên xưng là “Pháp-giới”. Trong pháp-giới có những diệu tướng sai biệt trang nghiêm, tập hợp thành từng khu vực riêng không lẫn lộn nhau, nên gọi là “An-lập”. Mỗi cõi An-lập bao trùm vô lượng vô biên Phật-sát, thế-giới-chúng, thế-giới-hải; vì nó có tánh cách rộng rãi mênh mang như biển cả bao hàm muôn tượng, nên gọi là “Hải”. Sánh với An-lập-hải, thế-giới-hải tuy cũng gọi là biển thế-giới, nhưng chỉ là vùng biển nhỏ, thua kém hẳn trùng dương rộng rãi bao la. Chân tâm đã có vô biên An-lập-hải, nên tánh và tướng giao nhiếp, sự cùng lý viên dung, gọi là Nhất-chơn-pháp-giới. Từ Nhất-chơn-pháp-giới phân xuất ra bốn pháp-giới như sau:

1. Lý-pháp-giới: Đây là chỉ cho phần chân-như-môn của Như-Lai-tạng. Thể chân-như này linh hư vắng lặng, sáng suốt một màu, đủ bốn đức thường, lạc, ngã, tịnh.

2. Sự-pháp-giới: Đây là phần sanh-diệt-môn của Như-Lai-tạng, gồm vô lượng sự tướng sai biệt. Sự tướng này sanh diệt thay đổi, như sóng bọt nổi tan ngoài biển cả, rắng mây biến huyễn nơi trời cao, tùy hạnh nghiệp thiện ác mà hóa hiện.

3. Lý-sự-vô-ngại-pháp-giới: Vì muôn pháp như huyễn, không có tự tánh và thật thể, nên toàn sự là lý. Bởi chân-như cũng không tự tánh và thật thể tùy duyên mà biến hiện, nên toàn lý và sự. Lý và sự đây ví như nước với sóng, ngỗa-khí cùng vi-trần; sóng tan thành nước, nước nổi thành sóng, vi-trần kết hợp thành ngỗa-khí, ngỗa-khí tiêu hoại thành vi-trần, không thể phân biệt ngoài sóng có nước, ngoài ngỗa-khí có vi-trần. Cho nên chân không chẳng ngoài diệu hữu, chân lý không ngoài huyễn sự, vì lý tức sự, sắc tức không, nên gọi là vô ngại.

4. Sự-sự-vô-ngại-pháp-giới: Lý đã tức là sự, nên lý không ngại sự, sự không ngại lý, lý không ngại lý, sự không ngại sự, mỗi trần không ngại, mỗi pháp dung thông. Vì lẽ sự-sự-vô-ngại, nên bậc Bồ-Tát chứng vào cảnh giới Bất-tư-nghì-giải-thoát, có thể xem tường vách núi non hư không, lại qua tự tại; có thể kéo dài sát-na thành muôn kiếp, thu gọn muôn kiếp trong sát-na; lại có thể để núi Tu-Di vào hạt cải, dùng hạt cải bao chứa núi Tu-Di, mà cảnh giới và loài hữu-tình trong ấy không bị tăng tổn.

Về ý chí “pháp-giới” trên đây, thì “pháp” lấy quỹ-tắc làm nghĩa, “giới” lấy tánh-phần làm nghĩa. Quỹ-tắc và tánh-phần này, ở nơi lý là Lý-pháp-giới ở nơi sự là Sự-pháp-giới; cho đến lý-sự và sự-sự cũng như vậy. Bởi lý không chừng hạn, sự có muôn sai, nên cô-đức đã bảo:

“Hòa âm hơi xuân đồng một tiết.
Thấp cao hoa cỏ khác muôn màu”.

Tóm lại, trong tánh tạng, thế-giới trùng trùng, tịch quang lặng lặng, không và sắc bao la, nhưng phải ngoài lý cùng sự. Lý, sự này diễn ra thành bốn pháp-giới, thâu lại về cõi Nhất-chơn.

Tiết II: Luận Về Y Chánh

Khắp mười phương thế-giới đã vô lượng vô biên, mà loài hàm-linh cũng vô cùng vô tận. Nhưng tóm lại, tất cả không ngoài y-báo và chánh-báo.

Y, Chánh là gì? Kinh Anh-Lạc-Bản-Nghiệp nói: “Sắc thân của tất cả hữu-tình thuộc về phần chủ thể của nghiệp quả, nên gọi là chánh-báo. Cảnh giới của loài hữu-tình nương tựa và thọ dụng như y phục, thức uống ăn, vật dụng, phòng nhà, ruộng vườn, cho đến núi, rừng, sông, biển, đất đai, gọi là y-báo”. Với lập nghĩa bao quát hơn, Hạnh-Nguyễn-Phẩm-Sớ-Sao nói: “Quốc độ sở y hoặc tịnh hoặc uế của phàm thánh là y-báo. Thân năng y của trời, người, nam, nữ, tại-gia, ngoại-đạo, chư thần cho đến Bồ-Tát, Phật gọi là chánh-báo”. Thế thì nói cho đủ, y-báo gồm có bốn độ, chánh-báo gồm có mười giới.

1. Chánh-báo: Mười giới của chánh-báo là gì? Ấy là thân thể của sáu phàm, bốn thánh. Sáu phàm là Địa-ngục, Bàn-g sanh, Quỷ-thần, A-tu-la, Người và Trời. Bốn thánh là Thanh-Văn, Duyên-Giác, Bồ-Tát và Phật. Thân thể của lục phàm tùy nghiệp nhân thiện ác mà có xấu đẹp. Bạc Thanh-Văn, Duyên-

Giác về phần tâm thì thanh tịnh, nhưng phần thân vì còn chịu ảnh hưởng của nghiệp nhân nên cũng có hơn kém khác nhau. Chư Bồ-Tát và Phật do phước huệ đều thắng, nên cả thân tâm đều trang nghiêm thanh tịnh. Chư Thanh-Văn, Duyên-Giác ngoài thật thân còn có biến-hóa-thân. Chư Bồ-Tát có biến-hóa-thân và báo-thân. Chư Phật có đủ ba thân là biến-hóa-thân, báo-thân và pháp-thân. Về nghĩa tam-thân của Phật, vì xưa nay các Kinh-luận hoặc nói riêng về một phương diện, nên những nhà học Phật kém công phu nghiên cứu dễ bị mê mờ. Tam-thân theo Tiểu-thừa và Đại-thừa có chỗ sai biệt; riêng về Đại-thừa lại có thông nghĩa và biệt nghĩa. Về biệt nghĩa chẳng hạn như Thiên-Thai tông và Mật tông, mỗi bên có lập thuyết riêng về tam-thân. Nay xin y theo nghĩa Tiểu-thừa và thông nghĩa Đại-thừa mà giải thích về ba thân của Phật.

Theo Tiểu-thừa, Phật có ba thân: Pháp-thân là thật thể trong sạch, gồm có năm công đức: giới, định, huệ, giải-thoát, giải-thoát-tri-kiến. Báo-thân là thân cao một trượng sáu có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của Phật, do những phước nghiệp kết thành. Hóa-thân là Phật do lòng từ bi hóa ra thân các dị loại như sư tử, nai, chim hóa độ các loài ấy.

Theo Đại-thừa, nghĩa tam-thân có phần rộng rãi và phiền toái hơn. Kể từ thấp đến cao, trước tiên biến-hóa-thân cũng gọi ứng-hóa-thân nghĩa là chư Phật do lòng từ bi muốn hóa độ chúng-sanh nên hiện ra nhiều thân. Ứng-hóa-thân có hai: thắng-ứng-thân và liệt-ứng-thân. Liệt-ứng-thân là thân Phật một trượng sáu là hóa-thân thuộc chín giới. Có chỗ gọi là kim-thân một trượng sáu là ứng-thân, còn các dị loại do Phật hóa hiện là hóa-thân. Thắng-ứng-thân là thân Phật nơi Tịnh-độ như kinh Quán-Vô-Lượng-Thọ nói: “Đức Phật A-Di-Đà thân cao

sáu mươi muôn ức na-do-tha hằng-hà-sa do-tuần, viên quang như trăm ức cõi Đại-thiên. Phật có tám muôn bốn ngàn tướng, mỗi tướng có tám muôn bốn ngàn vẻ đẹp”.

Báo-thân của Phật cũng có hai: tự-thọ-dụng-thân và tha-thọ-dụng-thân. Tha-thọ-dụng-thân là như Đức Thích-Ca-Mâu-Ni hiện ra thân Lô-Xá-Na cao một ngàn trượng, có vô lượng tướng hảo, ngồi trên hoa sen ngàn cánh, vì hàng Thập-Địa Bồ-Tát mà thuyết pháp. Bởi Phật hiện ra thân này với mục đích làm lợi lạc cho các bậc đại-sĩ, nên gọi là tha-thọ-dụng. Có chỗ nói tha-thọ-dụng-thân và thặng-ứng-thân danh khác nhưng thể đồng, vì hai thân này có vi-trần tướng hảo và đó mới chính thật là thân quả báo của Phật do vô lượng phước lành kết hợp. Tự-thọ-dụng-thân chính là cõi Thật-báo-trang-nghiêm rộng rãi vô biên bao hàm vi-trần quốc độ. Chư Phật chứng được cảnh giới này, tự mình thọ dụng pháp lạc nhiệm màu, nên gọi là tự-thọ-dụng. Đây là lấy độ làm thân; và vì báo-thân có hai nghĩa thọ dụng ấy, nên cũng gọi là thọ-dụng-thân.

Pháp-thân chính là cõi Thường-tịch-quang. Đây là thể Nhất-chơn pháp-giới bao hàm tánh tướng rộng rãi vô biên; vì Phật lấy pháp tánh pháp tướng làm thân, nên gọi là pháp-thân. Pháp-thân với tự-thọ-dụng-thân cũng danh khác thể đồng; tự-thọ-dụng thân hiển phần tướng ẩn phần tánh. Pháp-thân hiển phần tánh ẩn phần tướng. Pháp-thân đây vì lấy chân-như bản tánh làm thân, nên cũng gọi là tự-tánh-thân hay pháp-tánh-thân.

Vì nghĩa thặng-ứng-thân thông với tha-thọ-dụng-thân, pháp-thân thông với tự-thọ-dụng-thân; nên trong Kinh-luận có chỗ gọi thặng-ứng-thân là báo-thân hoặc tự-thọ-dụng-thân là pháp-thân, làm cho người học Phật dễ bị mê mờ lầm lạc. Nơi đây xin

nói rõ hơn, đối với ba thân của Phật, các hàng phàm-phu Nhị-thừa chỉ thấy được ứng-hóa-thân; chư Bồ-Tát thấy được báo-thân, báo-thân này về sắc thân có vô lượng tướng hảo, về quốc độ có vô lượng trang nghiêm; còn pháp-thân duy chư Phật mới chứng kiến một cách viên mãn. Mỗi vị Phật đều có đủ ba thân, riêng về đấng giáo chủ cõi Ta-Bà, thì pháp-thân Như-Lai là Đức Tỳ-Lô-Giá-Na, báo-thân Như-Lai là Đức Lô-Xá-Na, ứng-thân Như-Lai là Đức Thích-Ca-Mâu-Ni. Ba Đấng Như-Lai này một có đủ ba, ba chính là một, chỉ vì tùy thuận thế gian mà luận ba thân thế thôi. Để giải thích thêm, đoạn trước tuy nói hàng Nhị-thừa có biến-hóa-thân, chư Bồ-Tát có biến-hóa-thân và báo-thân nhưng thân của Nhị-thừa, Bồ-Tát chưa được tụ tại viên mãn bằng Phật.

2. Y-báo: Bốn độ của y-báo là gì? Ấy là Phàm-thánh-đồng-cư-độ, Phương-tiện-hữu-dư-độ, Thật-báo-vô-chướng-ngại-độ và Thường-tịch-quang-độ.

Phàm-thánh-đồng-cư-độ là cõi có bậc Tam-thừa thánh-nhơn và phàm-phu ở chung. Cõi này chia ra làm hai loại: Phàm-thánh-đồng-cư-tịnh-độ và Phàm-thánh-đồng-cư-ué-độ. Uế-độ như cõi Ta-Bà đầy đầy non cao vực thẳm, các tướng như ác, ngoài Tam-thừa thánh-nhơn ở còn có vô lượng chúng-sanh thuộc sáu đạo cư trú. Tịnh-độ như cõi Cực-Lạc thanh tịnh trang nghiêm, nơi đây duy có các bậc Đại-thừa thánh-nhơn và những người niệm Phật vãng sanh ở.

Phương-tiện-hữu-dư-độ là tâm độ của bậc Thanh-Văn, Duyên-Giác. Nói “phương-tiện” là bởi các vị này do tu phương-tiện đạo như Tứ-đế, Thập-nhị-nhân-duyên, phá kiến tư hoặc, chứng quả như không. Gọi “hữu-dư”, vì hàng Thanh-

Văn, Duyên-Giác còn chưa phá được trần-sa và vô-minh-hoặc. Trí chứng của hàng Nhị-thừa trên đây, thuộc về Nhất-thiết-trí.

Thật-báo-vô-chướng-ngại-độ là báo độ của hàng Đại-thừa Bồ-Tát. Nói “thật-báo” là bởi các bậc này do viên-tu-tam-quán, phá hết trần-sa-hoặc và một phần vô-minh-hoặc, chứng vào báo độ chân thật của cảnh giới nhị không. Gọi “vô-chướng-ngại”, vì trong cảnh giới này không tức sắc, sắc tức không, tâm và sắc không ngăn ngại lẫn nhau. Trí chứng của hàng Bồ-Tát trên đây thuộc về Đạo-chủng-trí.

Thường-tịch-quang-độ là Tịnh-độ của chư Phật. “Thường” tức là đức Pháp-thân, “Tịch” tức là đức Giải-thoát, “Quang” tức là đức Bát-Nhã. Đây là cảnh giới nhất chơn, dung thông cả tánh tướng bao la. Ba cõi trên nếu có gọi Tịnh-độ là chỉ căn cứ ở ít nhiều phần thanh tịnh, riêng cõi Thường-tịch-quang mới thật là Tịnh-độ viên mãn cứu cánh. Cho nên kinh Nhân-Vương nói: “Tam hiền thập thánh ở quả báo; duy Phật mới trụ nơi Tịnh-độ”. Và trí chứng này thuộc về Nhất-thiết-chủng-trí.

Về chánh-báo và y-báo trên đây, hàng phàm-phu vì mê mờ, bậc Nhị-thừa còn pháp chấp, nên thấy có y, chánh riêng biệt, thân, độ khác nhau. Chư Phật và Bồ-Tát đã chứng lý nhị không, nên thấy y-báo tức là chánh-báo, quốc độ nguyên chính tự thân. Đây là những sở kiến biệt và đồng về y chánh.

Tiết III: Luận Về Đồng Biệt Dị Kiến

Đồng-biệt-dị-kiến tức là đồng-nghiệp-kiến; và biệt-nghiệp-kiến vì chỗ thấy thuộc về đồng-nghiệp và biệt-nghiệp khác

nhau nên gọi là dị-kiến. Đồng-nghiệp-kiến là ví như trong một đám tiệc, những người không uống rượu, tâm trí tươi tỉnh, đồng thấy nhà cửa vẫn bình tĩnh yên lặng. Biệt-nghiệp-kiến là như cũng chính cảnh đó, mà người say rượu riêng thấy nhà cửa, bàn ghế đảo lộn, đất đai nghiêng đổ, gập ghềnh. Lại như cũng đồng một thời khắc, mà người say mê công việc thấy giờ phút trôi qua rất mau, kẻ khoắc khoải trông chờ lại cảm thấy ngày dài vô tận. Và như cũng đồng một cảnh mà người có hỷ sự thấy cây cỏ vui tươi, chim hót như chào, hoa cười như đón; còn kẻ mang nặng mối sầu, lại thấy trời mây áo não, cây cỏ ưu tư, vật chi cũng đượm một vẻ u buồn. Đây cũng chỉ tạm mượn việc người để giải thích, thật ra sở kiến của các loài còn có rất nhiều sai biệt. Cảnh đồng-biệt-dị-kiến này đối với chúng-sanh toàn là vọng, với chư Phật thuần là chơn.

Luận về vọng-kiến-sai-biệt của chúng-sanh, như lửa của Nga-quỷ, loài người thấy là nước; nước của người, Nga-quỷ thấy là lửa hay một dòng sông máu mủ. Như một con sông, loài người thấy là sông, chư thiên thấy là lưu ly hay bảo địa, loài thủy tộc thấy đó là nhà cửa của chúng. Như một khúc gỗ, loài người thấy là gỗ, một mối thấy đó là thức ăn. Lại như phần ược loài người thấy là chất hôi nhor, Bànng-sanh thấy là thức ăn thơm ngon; một cỗ tiệc đầy đủ các món nấu nướng chiền xào, người thấy đó là trân hào mỹ vị, chư thiên thấy là chất nhor nhóp. Và như cung điện của người cùng Quỷ-thần đồng ở một chỗ, song người không thấy cung điện của quỷ, quỷ không thấy cung điện của người; quỷ đối với tường vách của người thì không ngại, với tường vách của mình thấy bị ngăn cách, trái lại người cũng vậy. Nói chung, chúng-sanh vì tùy nơi nghiệp

duyên, nên đều ở trong vòng vọng kiến, đồng-nghiệp thì thấy đồng, biệt-nghiệp lại thấy khác.

Còn chư Phật vì vọng nghiệp tiêu trừ nên không còn sở kiến sai biệt như chúng-sanh, chỉ thấy muôn cảnh đều hư huyền toàn là một màu vắng lặng, không thật, không hư, không đồng, không khác (Phi thật phi hư, phi như phi dị, bất như tam giới kiến ư tam giới chi tướng (Kinh Pháp-Hoa). Cho nên cõi Phật cùng cõi chúng-sanh đồng ở một chỗ, nhưng kiếp lửa chỉ làm hoại cảnh thế gian, Phật-độ vẫn là bất hoại. Vì thế, kinh Hoa-Nghiêm nói:

“Trong mỗi mỗi sát chủng.
Kiếp lửa không nghĩ bàn.
Hiện cảnh tuy đại ác.
Nơi ấy thường kiên cố”.
Kinh Pháp-Hoa cũng nói:
“Chúng-sanh thấy kiếp hết.
Lửa lớn đốt tiêu tan.
Cõi ta đây yên ổn.
Thiên như hằng đông luôn”.

Về điểm này, các nhà chú sớ cho cõi hư hoại thuộc về biến-hóa-độ, cõi không hư hoại chẳng phải chỉ riêng cho pháp-tánh-độ, mà chỉ cho tha-thọ-dụng-độ; vì pháp-tánh-độ cố nhiên vẫn là như như bất hoại. Cho nên kiếp lửa chỉ tiêu hoại cảnh thế gian, không thể làm hoại báo độ của chư Phật, dù rằng hai cõi này đồng ở một nơi. Hai cõi tuy đồng, một trụ xứ mà chúng ta không thấy được Phật-độ, là bởi nghiệp báo không đồng.

Như trong kinh Duy-Ma, ngài Xá-Lợi-Phất thấy cảnh Ta-Bà này đầy dãy núi rừng, hầm hố và các tướng uế ác, liền nghĩ rằng: “Đức Thế-Tôn đã nói nếu tâm Bồ-Tát tịnh thì cõi Phật thanh tịnh, mà cõi này đầy đầy sự nhơ ác như thế, chẳng hóa ra tâm của Ngài chưa được thanh tịnh hay sao?” Loa-Kế-Phạm-Vương biết ý niệm ấy liền bảo Xá-Lợi-Phất: “Ngài chớ nên nghĩ như thế. Chính tôi thấy quốc độ của Phật Thích-Ca thanh tịnh như Tự-Tại-Thiên-cung”. Khi ấy, Phật bảo: “Thế nào, Xá-Lợi-Phất! Nhật nguyệt trong sáng mà người mù chẳng thấy, đó là lỗi tại họ hay lỗi bởi đôi vàng nhật nguyệt?” Liền đó, Phật bầm ngón chân xuống đất, tức thời ba ngàn thế-giới của cõi Ta-Bà biến thành thanh tịnh, có đủ trăm ngàn thứ kỳ trân dị bảo trang nghiêm, ví như cõi Vô-Lượng-Công-Đức-Bảo-Trang-Nghiêm Như-Lai. Đại chúng thấy thế đều than thở, khen ngợi cho là việc chưa từng có. Đức Thế-Tôn lại bảo Xá-Lợi-Phất: “Phật-độ của ta thường nghiêm tịnh như thế, nhưng vì muốn độ chúng-sanh hạ liệt, nên thị hiện ra cõi bất tịnh uế này. Ví như chư thiên ăn chung trong một bảo khí, tùy nơi phước đức hơn kém mà mỗi kẻ thấy màu sắc thức ăn khác nhau. Nếu người nào thanh tịnh, sẽ thấy cõi này có đủ công đức trang nghiêm”.

Về đoạn kinh trên, ngài Cưu-Ma-La-Thập đã giải thích: “Chư Phật vì muốn xứng hợp với tâm chúng-sanh, nên hiện ra quốc độ không đồng. Chỗ thấy của Loa-Kế-Phạm-Vương là chỉ tùy sở kiến riêng, thật ra ông cũng chưa thấy hết sự nghiêm tịnh của Phật-độ Đức Thích-Ca. Đoạn sau so sánh Phật quốc của Đức Bổn-sư như cõi Vô-Lượng-Công-Đức-Bảo-Trang-Nghiêm, thế thì biết báo độ của Đức Mâu-Ni Thế-Tôn thật rất nghiêm tịnh và ở ngay cõi này. Đây là cảnh tịnh và uế đồng một trụ xứ song không chướng ngại và lẫn lộn nhau; ví như

đồng trong một bảo khí mà hai vị thiên-tử vì phước đức hơn kém, nên thấy có hai thức ăn sai biệt”. Tóm lại, pháp-thân nguyên vô tướng, ứng vật mà hiện hình; chân độ vẫn vô phương, tùy cơ mà hiển lộ. Đây là do nghiệp thiện ác của chúng-sanh và bản nguyện của chư Phật, nên trong đồng có biệt, trong biệt có đồng, trong tịnh có uế, trong uế có tịnh vậy

Tiết IV: Luận Về Cộng, Bất Cộng Biến

Tất cả thế-giới do đâu mà có, và ai là tác-giả? Đó đều do tâm mà có, và duy tâm tạo ra. Từ vô thủy đến nay, tất cả chúng-sanh bởi mê chân hợp vọng, nên cấu thành A-lại-da-thức; do thức này mà biến ra các loại căn thân và khí thế-giới. A-lại-da tức là thức thứ tám, thức này chia làm hai phần: Kiến và Tướng. Kiến phần biến thành bảy thức trước, Tướng phần biến thành căn thân và khí giới; nội lục căn vì có chấp thọ nên thuộc về thân tướng phần, ngoại khí giới vì không chấp thọ nên thuộc về sơ tướng phần. Hai món tướng phần này đều do tứ đại hợp thành, tứ đại là năng tạo, y chánh là sở tạo, và tám thức là chủ thể của năng biến. Tám thức này chia thành tam năng biến, mà A-lại-da-thức lại là động lực căn bản. Vì thế, Duy-thức nói: “Từ vô thủy làm nhân. Và sở y các pháp. Do đây có các nẻo. Cùng sự chứng Niết-bàn”. Lại nói: “Ba cõi không có pháp chi khác, chỉ là một tâm tạo ra. Tất cả nhân-quả, thế-giới, vi-trần đều nhân tâm mà thành thể”.

Theo như trên, nếu thức biến tợ ra thế-giới, là mỗi thức riêng biến, hay là các thức chung biến?

Lý này rất uẩn khúc, xin chia làm bốn nghĩa để giải thích:

1. Cộng-trung-cộng-biến: Đây là do sức thành thực của bát-thức-cộng-tướng-chủng, biến ra các tướng thế gian. Trong đây, tuy sở biến của các hữu-tình đều riêng, mà tướng tương tợ không khác. Ví như một vùng đèn đuốc sáng tuy sự sáng ấy do từ cá biệt của các ngọn đèn hợp lại, nhưng tánh cách sáng của mỗi ngọn đèn đại để đều giống nhau, nên chúng mới tương hợp được. Như núi non do sức nghiệp Kiến-chấp của những cá biệt chúng-sanh hợp lại biến thành, sông ngòi do sức nghiệp Tham-ái của những cá biệt chúng-sanh hợp lại mà huyền hiện. Đây gọi là cộng-biến (cộng-trung). Trong tướng non sông vô chủ của cộng-biến này, mỗi người cho đến các loài đều có thể thọ dụng, nên lại gọi trùng lập thêm một chữ Cộng (Cộng-trung-cộng).

Đức Thế-Tôn đã bảo: “Nếu phát minh được chân tâm, trở về nguồn giác, thì mười phương thế-giới thấy đều tiêu tan”. Từ xưa đến nay những vị tu hành đắc đạo cũng nhiều, nhưng tại sao thế-giới vẫn còn hiển hiện, hay là lời Phật nói không đúng ư? - Thưa không! Khi người tu phát minh chân nguyên thì cảnh giới quả thật cũng tiêu tan, nhưng chỉ tiêu một phần tự-biến của mình mà thôi; cho đến người chết thác sanh về cõi khác cũng vậy. Như một vùng nhiều đèn sáng, nếu một đôi ngọn tắt mất hay bị dời đi nơi khác, thì sự sáng cũng vẫn còn, bởi hãy còn các ngọn đèn kia. Nếu quả thật mỗi chúng-sanh đều trở về nguồn giác thì tất cả cảnh giới đều tiêu tan, lẽ ấy không còn nghi ngờ chi nữa!

2. Cộng-trung-bất-cộng-biến: Đây là cảnh tự-biến và riêng mình được thọ dụng trong tướng cộng-biến. Như một dãy núi

non hay một vùng ruộng nương rộng rãi, tuy do nghiệp thức của nhiều chúng-sanh biến hiện; nhưng có một khoảnh núi hay ruộng do tự thức mình biến tạo và riêng mình được thọ dụng. Lại như một khu đô thị do nhiều lầu đài nhà cửa của nhiều người hợp lại mà thành, nhưng trong ấy có một ngôi nhà do mình kiến tạo và chỉ riêng mình được làm chủ; cảnh tự-biến trong cộng-biến là như vậy.

3. Bất-cộng-trung-cộng-biến: Đây là cảnh sở hữu của một người mà kẻ khác có thể tạo tác và thọ dụng. Như một khu vườn đất rộng, trước tiên do một người khai khẩn và làm chủ. Sau người này lại cho nhiều kẻ khác mượn; những kẻ ấy có thể cất nhà cửa, trồng cây cối nơi những vuông đất mình mượn, và đều có thể thọ dụng phần tạo tác của mình. Vì cảnh tượng trong khu đất rộng ấy tuy do một người tạo lập và làm chủ, nhưng thật ra cũng do nhiều kẻ khác kiến thiết và được thọ dụng, nên gọi là cảnh bất-cộng-trung-cộng-biến.

4. Bất-cộng-trung-bất-cộng-biến: Đây là cảnh riêng mình tạo lập và riêng mình làm chủ. Như anh thợ mộc cất một ngôi nhà, đóng những giường tủ bàn ghế tùy tự ý để cho mình thọ dụng. Những thứ này do anh tạo ra và chính anh làm chủ, nên thuộc về cảnh tượng bất-cộng-trung-bất-cộng-biến.

Bốn nghĩa thế gian tượng trên đây tuy có uẩn khúc, nhưng đều không ngoài những điểm: tự-biến, cộng-biến, tự-thọ-dụng, cộng-thọ-dụng.

Đến đây có một điểm nghi cần giải thích. Theo như trên đã nói thì sắc do thức biến, nhưng tại sao chư thiên ở cõi Tứ-thiên còn tâm thức, mà cõi ấy lại gọi là Vô-sắc? Vô-sắc-giới chẳng

phải không có hình tướng, nhưng vì sắc chất ấy quá vi tế con mắt tầm thường không thể thấy được, nên gọi là Vô-sắc. Như Kinh Hoa-Nghiêm nói: “Tỷ căn của Bồ-Tát người biết được mùi thơm nơi cung điện của cõi Vô-sắc”. Kinh A-Hàm cũng nói: “Khi Tôn-giả Xá-Lợi-Phất nhập Niết-bàn, chư thiên ở cung trời Vô-sắc rơi nước mắt như mưa!” Cho nên chỗ thấy của chúng-sanh ở hạ giới thuộc về nghiệp-quả-sắc, hiện cảnh của Vô-sắc-giới thuộc về định-quả-sắc.

Kinh Hoa-Nghiêm nói:

“Nếu người muốn biết rõ.
Chư Phật trong ba đời.
Nên quán tánh-pháp-giới.
Tất cả do tâm tạo”.

Trong lý tâm tạo này lại có nghĩa Tự-tại-biến và Bất-tự-tại-biến. Bất-tự-tại-biến là chúng-sanh do biệt-nghiệp mà có những cảnh tướng biến hiện riêng, và bị cảnh giới ấy chi phối nên không được tự tại. Như loài Nga-quỷ do nghiệp tham lam bôn sển, nên thấy đâu cũng là cảnh sông máu, biển lửa hay sa mạc khô khan, rồi bị khổ trong đó không được tự do. Bởi chúng-sanh do biệt-nghiệp khiến mỗi loài có những cảnh tướng riêng như thế, nên cảnh ấy cũng gọi là Tương-vi-thức-tướng. Tự-tại-biến là bậc đắc đạo, đã phá tan hoặc-nghiệp chướng lý duy-tâm, nên có thể biến hiện cảnh tướng một cách tự tại, như chỉ cõi đất hóa vàng ròng, khuấy sông dài thành tô lạc. Đây là cảnh tùy theo chân trí mà biến chuyển, cảnh này gọi là Sắc-tự-tại-tướng.

Tóm lại, trong pháp-giới tất cả đều do tâm tạo, mà tâm là vật, vật là tâm, nên Đức Phật đã bảo: “Ba cõi duy tâm, muôn pháp

duy thức”. Đáng lẽ trong đây nên minh luận về các lý duyên-
khởi của pháp-giới, nhưng vì chương này có hạn, và bản ý của
bút giả cũng muốn lưu lại mục ấy để phân biệt giữa thuyết
Duy-tâm và Duy-thần trên phương diện tìm đường giải thoát,
nên xin hẹn lại ở thiên sau.



Hòa Thượng Thích Thiên Tâm (1925-1992)

Hòa thượng pháp danh Thiên Tâm, pháp hiệu Liên Du, tự Vô Nhất thuộc dòng Lâm Tế Chánh Tông đời thứ 43, thế danh Nguyễn Nhật Thăng, sinh năm 1925 (Ất Sửu) tại xã Bình Xuân, Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Song thân là cụ Nguyễn Văn Hương và cụ Trần Thị Dung pháp danh Giác Ân. Ngài là người thứ 10 trong số 13 anh em, 4 trai, 9 gái.

Xuất thân từ gia đình Nho giáo kính tín Tam Bảo. Sáu tuổi, Ngài đã cắp sách đến trường học quốc ngữ song song với Nho học. Lúc thiếu thời, Ngài đã bộc lộ thiên tư tài hoa văn nhã, phẩm chất cao khiết, và là người con chí hiếu với cha mẹ. Do vì thấy mẹ đau yếu triền miên, năm 12 tuổi, Ngài ra đi tìm thầy học thuốc để mong trị lành bệnh cho mẫu thân. Nhân tạm trú học thuốc tại chùa Vĩnh Tràng - Mỹ Tho, Ngài có dịp nghiên tâm Phật điển và nuôi dần ý chí xuất gia tu học.

Năm 18 tuổi, Ngài trở về chăm sóc mẹ đến khi lành mạnh. Sau đó, Ngài khẩn khoản xin phép song đường cho xuất gia, nhưng không được đồng ý. Cuối cùng, Ngài đành phải âm thầm trốn đi (năm Giáp Thân - 1944, lúc 19 tuổi), đến tu tại chùa Sắc Tứ Linh Thụ ở Xoài Hột, và được thế phát xuất gia vào năm Ất Dậu (1945) làm đệ tử của Đại lão Hòa thượng Thành Đạo.

Năm 1948, Ngài thọ giới Sa Di và học ở Phật học đường Liên Hải cùng Phật học đường Nam Việt chùa Ấn Quang cho đến

năm 1951 để hoàn tất chương trình Trung đẳng Phật học. Thời gian đó, Ngài được thọ Tỳ Kheo giới tại Đại giới đàn Ấn Quang tổ chức năm 1950.

Từ năm 1951 đến năm 1954, Ngài hoàn tất chương trình Cao đẳng Phật học tại Phật học đường Nam Việt với các vị đồng khóa như: Hòa thượng Bửu Huệ, Tấn Phước, Tịnh Đức, Đạt Bửu, Tịnh Chơn... và Ngài cùng quý thầy lớp Cao đẳng đã phụ giúp đắc lực cho Hòa thượng Giám đốc Thiện Hòa trong việc điều khiển sinh hoạt đại chúng. Ngài làm Tri chúng, Ngài Bửu Huệ làm Tri sự. Lòng khoan dung, tính hòa nhã điềm đạm của Ngài giúp an chúng và thành tựu mọi Phật sự.

Năm 1954, tốt nghiệp lớp Cao đẳng, Ngài xin phép chư Tôn đức trong Ban Giám Đốc lui về nhập thất tịnh tu trong mười năm tại trụ xứ Cái Bè và Vang Quới.

Dù nhập thất tinh tấn chuyên tu, song Hòa thượng không xa rời bi nguyện độ sanh. Trong mười năm ấy, Ngài đã phiên dịch các loại kinh sách chuyên hướng xiển dương pháp môn Tịnh độ, như: kinh Quán Vô Lượng Thọ, Tịnh học Tân Lương, Lá thư Tịnh Độ, Hương quê Cực Lạc, và giảng dạy cho Ni chúng khắp nơi đến thọ học.

Năm 1964, Hòa thượng Thiện Hòa mở Trường Trung đẳng Chuyên khoa Phật học tại chùa Huệ Nghiêm, Bình Chánh, Sài Gòn. Ngài và hai vị Thanh Từ, Bửu Huệ được mời giao đảm trách việc giáo dục học Tăng. Song song đó, các Ngài còn phụ trách giảng dạy cho học Ni tại Phật học viện Dược Sư. Ngoài ra, Ngài còn giảng dạy tại Phân khoa Phật học thuộc Viện Đại

Học Vạn Hạnh, Sài Gòn. Trong giai đoạn này, Ngài tập trung biên soạn các bộ sách để làm giáo trình kiến thức Phật học Trung Cao như: Phật học Tinh Yếu, Duy Thức học Cương yếu và phiên dịch sách Tịnh Độ Thập Nghi Luận cùng kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni.

Năm 1967, Ngài đến Đại Ninh, ấp Phú An, xã Phú Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, kiến thiết Hương Quang Thất, chuẩn bị cho giai đoạn ẩn tu.

Năm 1968, Hòa thượng chính thức về trụ hẩn ở Đại Ninh, lập nên đạo tràng Tịnh độ. Ngài không câu nệ vào việc nhập thất, mà sẵn sàng tiếp hóa chư Tăng Ni Phật tử đến tham vấn học đạo, Ngài còn soạn thuật: Niệm Phật thập yếu, Tây phương nhứt khóa, Tịnh độ pháp nghi và phiên dịch kinh Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni.

Năm 1970, Ngài xây dựng Hương Nghiêm Tịnh Viện, biến đạo tràng thành một vùng chuyên tu Tịnh độ, cũng là trung tâm xiển dương pháp môn này ở miền Nam. Tăng Ni tín đồ qui tụ về lập am thất trụ lại tu học rất đông. Danh đức của Ngài được lan truyền rộng và Phật tử đến quy ngưỡng ngày càng nhiều. Đặc biệt, ở Hương Nghiêm Tịnh Viện này tâm Tịnh độ là nguồn cảm hứng để Ngài sáng tác rất nhiều thơ văn đượm chất đạo vị, thanh thoát. Thơ văn liễu ngộ tâm cảnh Cực Lạc của Ngài cảm hóa được không biết bao nhiêu đồ chúng hướng về pháp môn này.

Năm 1974, Ngài mở khóa tu học chuyên về pháp môn Tịnh độ trong ba năm, với số Liên chúng 13 vị dưới sự hướng dẫn của Ban Liên Đạo gồm 3 vị: Liên Thủ: Hòa thượng Bửu Huệ, Liên

Huân: Hòa thượng Thiên Tâm, Liên Hạnh: Hòa thượng Bửu Lai.

Từ năm 1975, Ngài viễn ly mọi sự nghe thấy bên ngoài, lặng lẽ nhiếp tâm tu niệm gia trì hai pháp môn Mật Tịnh song hành. Suốt một thời gian dài, Ngài kiên trì nhập thất chăm chăm giải quyết việc lớn sanh tử, song Ngài vẫn soạn dịch bộ: “Mấy Điều Sen Thanh” và “Tam Bảo cảm ứng lục” để lợi lạc nhân sinh khuyến tu Tịnh độ.

Những ngày cuối cùng cuộc đời ân tu hành đạo, Ngài vương chút thân bệnh, trước đó Ngài đã giao phó mọi việc của Tịnh viện Hương Nghiêm lại cho Tăng đồ quản lý điều hành. Ngài cố gắng khắc phục thân bệnh, nỗ lực dụng công trì danh hiệu Phật. Cho đến khi cảm nhận thời khắc vãng sinh, Ngài bảo đồ chúng vây quanh trợ niệm, rồi đến 9 giờ sáng ngày 21 tháng 11 năm Nhâm Thân (tức ngày 14-2-1992), Ngài an nhiên thoát hóa, vãng sinh hưởng thọ 68 tuổi, hạ lạp 42.

Cảm thức đức độ của một bậc danh Tăng, lúc sinh thời, các vị tôn túc trong Giáo hội Tỉnh đã cung thỉnh Ngài vào Hội đồng Chứng minh Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Lâm Đồng. Trong cuộc đời hành đạo, Hòa thượng là vị Cao Tăng có công lớn trong việc xiển dương pháp môn Tịnh Độ. Sự nghiệp sáng tác và phiên dịch của Ngài để lại cho hậu thế là một vốn quý làm tư lương tu trì và giúp hàng hậu sinh nhận thức sâu rộng trong giáo pháp.

Các tác phẩm của Hòa thượng để lại:

- Kinh Quán Vô Lượng Thọ.
- Tịnh Học Tân Lương.
- Lá thư Tịnh Độ.
- Hương Quê Cực Lạc.
- Phật học Tinh yếu.
- Duy Thức Học cương yếu.
- Tịnh độ Thập nghi luận.
- Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni.
- Niệm Phật Thập yếu.
- Tây phương Nhứt khóa.
- Tịnh Độ Pháp Nghi.
- Kinh Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni.
- Máy điệu sen thanh.
- Tam Bảo Cảm ứng lục.

TT Thích Đồng Bổn

(Trích trong “Tiểu Sử Danh Tăng Việt Nam”)

<http://www.quangduc.com/ipad/index.html>

<http://www.quangduc.com/tacgia/thichthientam.html>